






(11/07/1983 - 11/07/2023)

**40 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
TẠO NỀN TẢNG VỮNG CHẮC**

 Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

 0273 3872 878

 www.ticco.com.vn



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



MỤC LỤC

Phần 1:
THÔNG TIN CHUNG

Phần 2:
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Phần 3:
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phần 4:
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phần 5:
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Phần 6:
BÁO CÁO TÀI CHÍNH



01

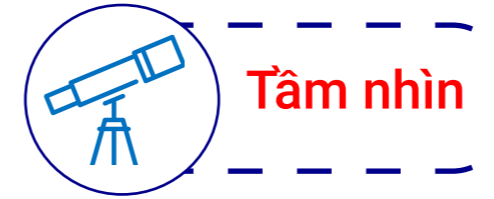
THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 29/06/2022.
Tên viết tắt	TICCO
Vốn điều lệ	199.638.930.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199.638.930.000 đồng
Địa chỉ	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Số điện thoại	0273 3872 878
Số fax	0273 3850 597
Website	www.ticco.com.vn
Mã cổ phiếu	THG



Công ty tập trung phát triển mạnh trên các lĩnh vực:

- Bất động sản
- Sản xuất kinh doanh Bê tông
- Thi công xây dựng



Sứ mệnh của TICCO là đem lại sự an tâm và giá trị gia tăng với những sản phẩm, dịch vụ có ưu điểm vượt trội, đạt tiêu chuẩn cao về kỹ thuật, mỹ thuật cùng với sự trân trọng, trách nhiệm cao của mình đến xã hội và cộng đồng.



Chuyên nghiệp, trách nhiệm, trung thực, tận tâm và linh hoạt.



Với tâm huyết và nỗ lực không ngừng, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên tất cả các lĩnh vực: xây dựng công trình, bất động sản và bê tông. Chúng tôi tin tưởng rằng TICCO sẽ tiếp tục phát triển ổn định và bền vững, mang lại giá trị cao cho khách hàng, đối tác và cộng đồng.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1977-1996

Giai đoạn thành lập

1977: Công ty Xây dựng thủy lợi Tiền Giang được thành lập.

1980: Ban tiếp nhận nguồn hàng viện trợ ADB ra đời, theo chương trình triển khai dự án tiền phong Gò Công – Tân An, thuộc Sở Thủy lợi Tiền Giang.

1981: Ban tiếp nhận nguồn hàng viện trợ ADB được chuyển thành Xí nghiệp thi công cơ giới thủy lợi.

1983: Xí nghiệp Thi công Cơ giới Thủy lợi sáp nhập với Công ty Xây dựng Thủy lợi thành Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.

1996: Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang chuyển đổi thành Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.

1997-2006

Giai đoạn chuyển mình

1997: Đầu tư phát triển Khu công nghiệp Mỹ Tho.

2000: Thành lập Xí nghiệp bê tông, mở ra lĩnh vực kinh doanh mới về các sản phẩm bê tông.

2004: Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang được cổ phần hóa theo Quyết định của UBND tỉnh Tiền Giang và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với vốn điều lệ 19.621.100.000 đồng.

Đầu tư phát triển Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, TP. Mỹ Tho. Khu dân cư hiện đại đầu tiên của tỉnh Tiền Giang. Thành lập Trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc (EIC).

2006: Đầu tư dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo với quy mô 23 ha. Tăng vốn điều lệ công ty lên 60.000.000.000 đồng.

2007-2010

Giai đoạn mở rộng và phát triển

2007: Thực hiện dự án tái cấu trúc quản lý Công ty.

Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO và Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao Thông TICCO với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng; Công Ty TNHH MTV Bê tông TICCO, vốn điều lệ 38.000.000.000 đồng.

Thành lập các đơn vị kinh doanh trực thuộc: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng.

2008: Mua Công ty Xây dựng Thủy lợi An Giang (DNNN) và tổ chức lại thành công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng, trong đó, TICCO nắm giữ 65% vốn điều lệ.

2009: Thành lập Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal) – Sàn giao dịch bất động sản đầu tiên tại Tiền Giang.

2010: Sáp nhập Công ty TNHH MTV Xây dựng Giao thông TICCO vào Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO và tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 đồng.

Phát hành thêm vốn cổ phần, nâng vốn điều lệ toàn Công ty lên 80.000.000.000 đồng.

2011- 2016

Giai đoạn tăng tốc, vươn tới tương lai

2011: Niêm yết 8.000.000 cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

2013: Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 4:1, nâng vốn điều lệ toàn Công ty lên 100.000.000.000 đồng.

2014: Tháng 02/2014, thành lập Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi. Tháng 09/2014, thành lập Xí nghiệp Thi công Cơ giới.

2016: Thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi).

Thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa).

Thành lập Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (TICCO PILE) trực thuộc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO.

09/2016: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên 119.999.070.000 đồng.

2016 - nay

Giai đoạn tăng tốc, vươn tới tương lai

2017: Thành lập nhà máy bê tông Tân Phước.

2018: Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO chuyển đổi loại hình sang Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO.

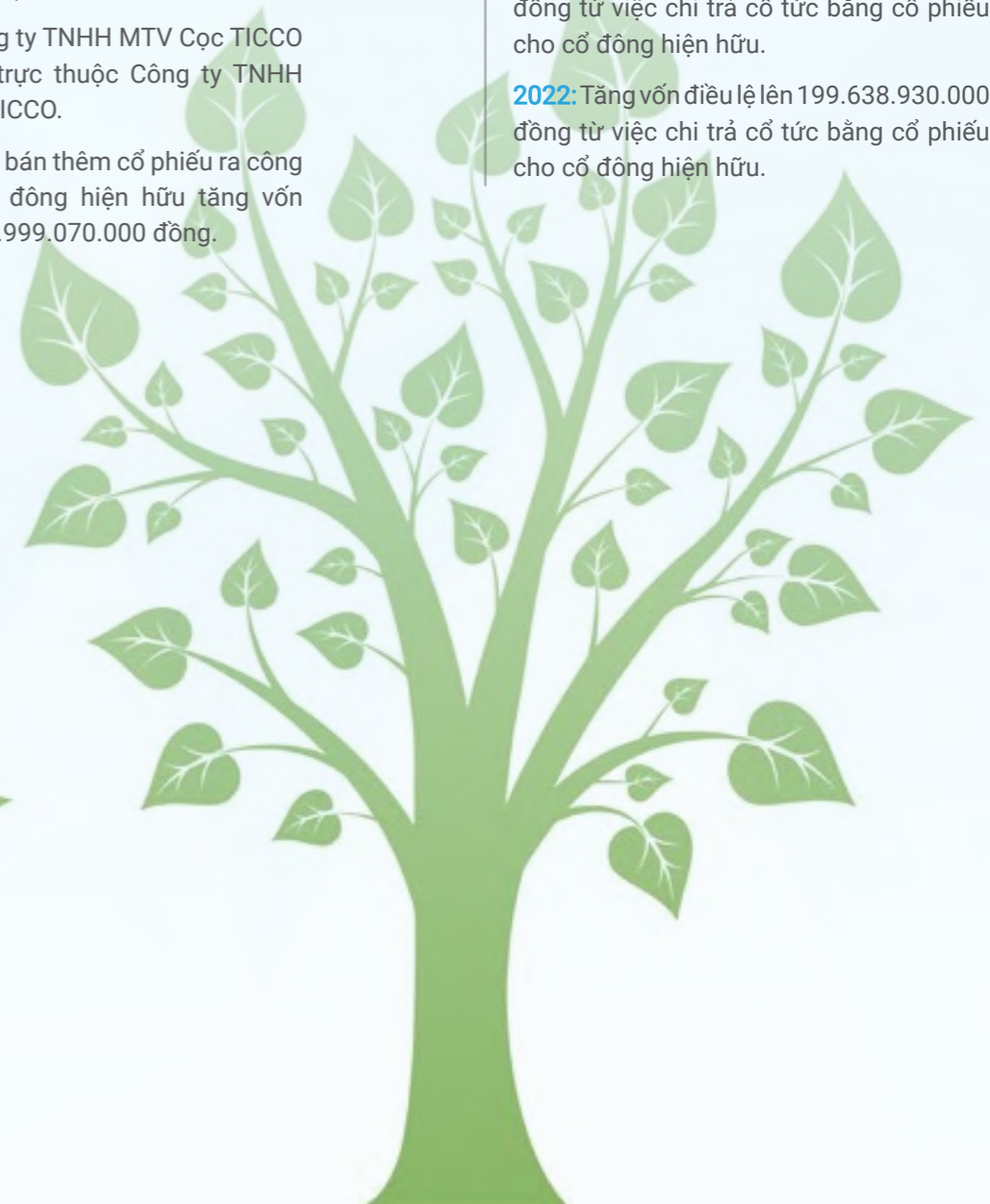
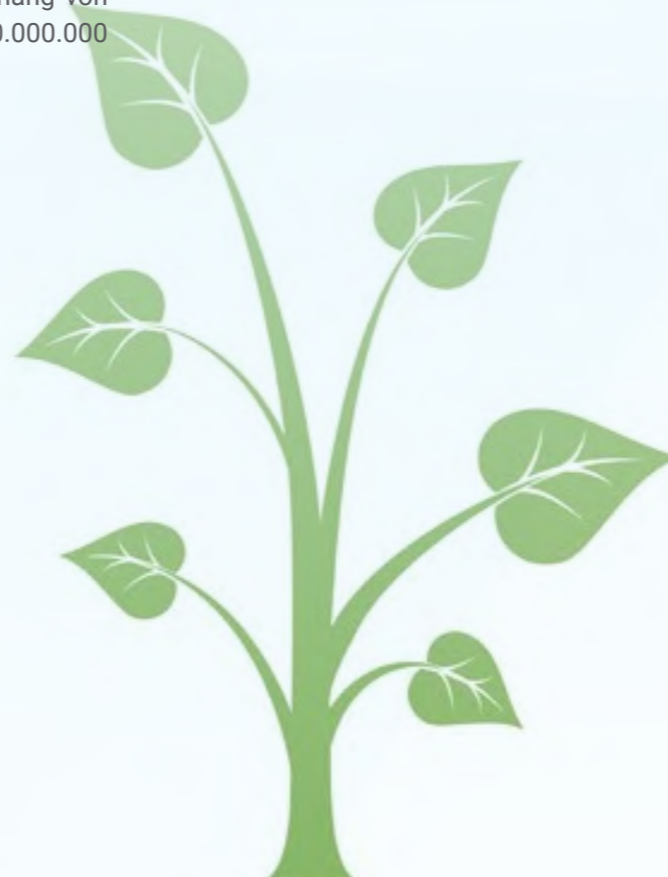
Thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (tiền thân là Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng).

2019: Thành lập công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước.

2020: Thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

2021: Tăng vốn điều lệ lên 159.713.060.000 đồng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2022: Tăng vốn điều lệ lên 199.638.930.000 đồng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.





CÁC GIẢI THƯỞNG, THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

1990	Huân chương lao động hạng Hai
1996	Huân chương lao động hạng Nhất
2000	Danh hiệu Anh hùng lao động
2003	Huân chương độc lập hạng Ba
2008 - 2010	Bản vàng doanh nghiệp uy tín, chất lượng - Cờ thi đua Chính phủ
2016	Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang – Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang
2017	Giấy khen của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế Giấy khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”
2018	Bằng khen “Doanh nghiệp tiêu biểu khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long” Giấy khen “Cơ quan, Đơn vị, Doanh nghiệp và Tuyến đường văn minh, xanh, sạch, đẹp tỉnh Tiền Giang”
2019	Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- 4299 (Chính) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- (6820) Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- (4312) Chuẩn bị mặt bằng
- (3011) Đóng tàu và cấu kiện nổi
- (2592) Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- (6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- (4752) Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- (7110) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- (7310) Quảng cáo
- (2220) Sản xuất sản phẩm từ plastic
- (4101) Xây dựng nhà để ở
- (4663) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- (4211) Xây dựng công trình đường sắt
- (4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
- (7710) Cho thuê xe có động cơ
- (4212) Xây dựng công trình đường bộ
- (4933) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- (4291) Xây dựng công trình thủy
- (3512) Truyền tải và phân phối điện
- (7730) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
- (3600) Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- (2395) Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
- (4102) Xây dựng nhà không để ở
- (3811) Thu gom rác thải không độc hại
- (4222) Xây dựng công trình cấp, thoát nước
- (8110) Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp
- (8130) Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan

Địa bàn hoạt động

Thị trường kinh doanh chính của TICCO là đồng bằng Sông Cửu Long, trọng điểm là khu vực giữa Sông Vàm Cỏ và Sông Hậu, định hướng phát triển kinh doanh khu vực Đông Nam Bộ, Trung Bộ và Tây Nguyên.

Hoàng Sa

Trường Sa



CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT

Hiện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (TICCO) có 5 Công ty con cấp 1 và 3 Công ty con cấp 2 chịu sự kiểm soát của Công ty. Chi tiết như sau:

CÔNG TY CON CẤP 1

STT	THÔNG TIN
	CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO
1	<ul style="list-style-type: none"> Địa chỉ: Lô 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh bê tông Vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng Tỷ lệ sở hữu: 100%
	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG TICCO
2	<ul style="list-style-type: none"> Địa chỉ: Số 490 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Lĩnh vực hoạt động: Thi công xây dựng công trình thủy lợi. Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng; Phần vốn của TICCO là: 10.000.000.000 đồng Tỷ lệ sở hữu: 66,67%
	CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG TICCO TÂN PHƯỚC
3	<ul style="list-style-type: none"> Địa chỉ: Ấp 4, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh bê tông Vốn điều lệ: 66.000.000.000 đồng Tỷ lệ sở hữu: 100%
	CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG THỦY LỢI TICCO
4	<ul style="list-style-type: none"> Địa chỉ: Số 490 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Lĩnh vực hoạt động: Thi công xây dựng công trình thủy lợi. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng Tỷ lệ sở hữu: 100%
	CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN TICCO
5	<ul style="list-style-type: none"> Địa chỉ: Số 46-48, Nguyễn Công Bình, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh bất động sản Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY CON CẤP 2

STT	THÔNG TIN
	CÔNG TY TNHH MTV CỌC TICCO
1	<ul style="list-style-type: none"> Công ty con của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Địa chỉ: Lô 1-6 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang Lĩnh vực hoạt động: Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng Tỷ lệ sở hữu: 100%
	CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG TICCO
2	<ul style="list-style-type: none"> Công ty con của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Địa chỉ: 490 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang Lĩnh vực hoạt động: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Vốn điều lệ: 3.500.000.000 đồng Tỷ lệ sở hữu: 100%
	CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH TICCO
3	<ul style="list-style-type: none"> Công ty con của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước Địa chỉ: Ấp 4 xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang Lĩnh vực hoạt động: Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại Vốn điều lệ: 3.500.000.000 đồng Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	THÔNG TIN
	CÔNG TY CỔ PHẦN TESTCO
1	<ul style="list-style-type: none"> Địa chỉ: Lô 1,2,3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang Lĩnh vực hoạt động: Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình Vốn điều lệ: 1.300.000.000 đồng; Phần vốn của TICCO là: 260.000.000 đồng Tỷ lệ sở hữu: 20%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

Với 40 năm hình thành và phát triển, TICCO luôn đặt mục tiêu tăng trưởng qua các năm cả về lợi nhuận lẫn thị phần trên thị trường. Với hoạt động kinh doanh trọng tâm của Công ty là sản xuất, kinh doanh bê tông; thi công xây dựng và đầu tư phát triển bất động sản; Công ty luôn đề cao chất lượng mỗi sản phẩm, dịch vụ và đảm bảo về mặt tiến độ cung cấp đến khách hàng nhằm giữ vững uy tín thương hiệu của TICCO. Từ đó tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các đối tác lớn, các công trình dự án trọng điểm của tỉnh, khu vực, tạo tiền đề cho sự phát triển và mở rộng của Công ty. Ngoài ra, bên cạnh những chính sách đầu tư, phát triển hoạt động kinh doanh, TICCO còn chú trọng mục tiêu phát triển bền vững, đầu tư nghiên cứu các giải pháp, áp dụng số hóa trong sản xuất giúp tối ưu nguồn lực, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

Mục tiêu trọng tâm năm 2022 của Công ty là tiếp tục tập trung phát triển trên 03 lĩnh vực chính:

- ◊ Đầu tư kinh doanh bất động sản và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp
- ◊ Sản xuất kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn
- ◊ Thi công xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Căn cứ theo Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã thông qua kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn 2017 - 2021, đề ra chiến lược phát triển cho giai đoạn 2022 – 2026 và định hướng đến 2031 như sau:

Kiên trì thực hiện theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông qua các nhiệm kỳ thống nhất thông qua, tập trung đầu tư, phát triển cho lĩnh vực bê tông, phát huy ngành nghề kinh doanh khu, cụm công nghiệp, đầu tư dài hạn cho lĩnh vực bất động sản, lĩnh vực xây dựng tiếp tục duy trì năng lực hiện có; tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao năng lực quản trị hệ thống, phát triển nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và môi trường.

Trên từng lĩnh vực kinh doanh, công ty đều có mục tiêu chiến lược cụ thể:

- ◊ Lĩnh vực thi công xây dựng: Củng cố công tác quản lý, áp dụng công nghệ tiên tiến tạo thế mạnh cạnh tranh về giá, chất lượng, mỹ thuật và tiến độ, liên kết với các đối tác chiến lược mở rộng thêm loại hình công trình như: giao thông, xây dựng công nghiệp, xử lý môi trường.
- ◊ Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông: Phát huy và giữ vững thương hiệu, liên tục cải tiến tạo ra sản phẩm có chất lượng và mỹ thuật công nghiệp đạt chuẩn; đẩy mạnh tiếp thị vào các thị trường mục tiêu duy trì số lượng khách hàng hiện có, nghiên cứu mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm mới để tiếp cận và thu hút nguồn khách hàng tiềm năng.
- ◊ Lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản: Thực hiện đúng cam kết, giá cả hợp lý phù hợp với nhu cầu của thị trường và xã hội; tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư các dự án có tính khả thi cao, đảm bảo tiến độ để đáp ứng kịp thời chiến lược kinh doanh; thực hiện quản lý tốt các dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục pháp lý theo quy định pháp luật hiện hành; phối hợp với các địa phương có dự án đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng nhằm đưa sản phẩm vào khai thác, kinh doanh kịp thời, hiệu quả.

Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Để có thể tồn tại và phát triển bền vững, TICCO luôn chú trọng phát triển và đổi mới các sản phẩm với chất lượng hướng đến lợi ích và sự hài lòng của khách hàng, bên cạnh đó Công ty nắm bắt tận dụng các nguồn lực sẵn có từ nội tại và bên ngoài làm nền tảng phát triển, hướng đến đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

- ◊ Cổ đông: Công ty hướng đến phát triển ổn định, bền vững, cổ tức luôn luôn cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng.
- ◊ Người lao động trong công ty: Triển vọng được đào tạo và phát triển nghề nghiệp lâu dài, có môi trường văn hoá tốt trong quản lý và làm việc, được đầu tư trang bị phương tiện làm việc theo nhu cầu công việc thực tế và khả năng của Công ty, cơ hội thăng tiến công bằng cho mọi người và duy trì mức thu nhập của nhân viên cao hơn bình quân xã hội, trong số 20% các doanh nghiệp dẫn đầu.
- ◊ Khách hàng: Không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng khai thác hiệu quả của sản phẩm, mang lại cho khách hàng niềm tin, tự hào và những triển vọng kinh doanh từ thương hiệu dẫn đầu của Công ty; giá cả tương xứng với giá trị cung cấp. Xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững dựa trên năng lực cung cấp, năng lực thực hiện dự án và các mối quan hệ sẵn có của Công ty.
- ◊ Nhà cung cấp: Không ngừng mở rộng thị trường, nỗ lực phát triển để mang lại cho nhà cung cấp nguồn doanh thu lớn hơn, sự tăng trưởng ổn định và bền vững, xây dựng quan hệ đối tác tốt đẹp.
- ◊ Nhà nước và cộng đồng: Phấn đấu trở thành một doanh nghiệp thành đạt, kinh doanh ngày càng phát triển, đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước, cam kết thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và phát triển bền vững.

CÁC RỦI RO

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang là doanh nghiệp có lĩnh vực hoạt động chính là xây dựng và bất động sản. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tiềm năng tăng trưởng kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường xây dựng Việt Nam nói riêng. Đi đôi với nhiều cơ hội phát triển của ngành, Công ty cũng phải đối mặt với nhiều yếu tố rủi ro khó lường. Chính vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế và các yếu tố rủi ro khách quan khác sẽ làm rõ mức độ tác động đối với Công ty, từ đó, đưa ra các biện pháp xử lý, hạn chế gây tổn thất đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro kinh tế



Năm 2022 là giai đoạn đánh dấu cho sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu sau hai năm đại dịch bùng phát gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe nền kinh tế các quốc gia. Các chính sách nới lỏng, hỗ trợ các doanh nghiệp được tích cực triển khai nhằm kích cầu tiêu dùng trở lại, tuy nhiên hệ lụy từ quá trình đứt gãy chuỗi cung ứng trong giai đoạn dịch bệnh cùng với việc nới lỏng quá mức trong khi các chính sách kiểm soát không hiệu quả đã đẩy hầu hết các nước, khu vực rơi vào tình trạng lạm phát cao và có nguy cơ suy thoái. Bên cạnh đó, cuộc xung đột giữa Nga – Ukraina càng làm trầm trọng thêm vấn đề thiếu hụt nguồn năng lượng dẫn đến căng thẳng leo thang giữa các quốc gia trong việc tìm kiếm nguồn năng lượng thay thế. Không nằm ngoài tình hình chung của bối cảnh kinh tế toàn cầu, Việt Nam cũng chứng kiến năm 2022 với nhiều biến động kinh tế - xã hội, các chính sách liên tục được Chính phủ triển khai và điều chỉnh, tuy nhiên nhờ vào sự điều hành kịp thời hiệu quả, kết thúc năm 2022 GDP cả nước tăng trưởng 8,02%, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Đáng chú ý, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78% so với năm 2021, đóng góp 38,24% vào tăng trưởng chung. Năm 2023 mặc dù tiếp tục được dự báo là giai đoạn khó khăn của nền kinh tế khi áp lực kiềm chế lạm phát và các mục tiêu quốc gia cần bám sát hơn nữa để đạt được, tuy nhiên đối với lĩnh vực Vật liệu và Xây dựng việc giải ngân vốn đầu tư công nhằm kích thích nền kinh tế theo chỉ đạo của Quốc hội sẽ là động lực quan trọng cho sự tăng trưởng của ngành giai đoạn tới. Cụ thể, Quốc hội đã thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2023 với tổng số vốn trên 700 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 25% (khoảng 140 nghìn tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2022 và tăng khoảng 260 nghìn tỷ đồng so với kế hoạch năm 2021 (năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025). Năm 2023 cũng yêu cầu phải giải ngân toàn bộ số vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Do đó, trong bối cảnh triển vọng năm 2023 của ngành xây dựng, các doanh nghiệp trong ngành nói chung và TICCO nói riêng cần củng cố nội lực và có kế hoạch, chiến lược kinh doanh phù hợp để có thể tận dụng tốt được những cơ hội mang lại sự tăng trưởng bứt phá cho Công ty.

Rủi ro lạm phát

Lạm phát là yếu tố tác động lớn đến sức khỏe của nền kinh tế Việt Nam và cũng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp lẫn gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2016 – 2022, mức lạm phát luôn được kiểm soát dưới mức 4%. Đặc biệt, năm 2022, trong bối cảnh lạm phát các quốc gia trên thế giới liên tục tăng mạnh và gần như lập đỉnh, Việt Nam vẫn tiếp tục kiểm soát lạm phát thành công khi chỉ số CPI năm 2022 chỉ tăng 3,15% so với năm trước và lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59%. Tuy nhiên, lạm phát Việt Nam được đánh giá là có độ trễ so với các quốc gia trên thế giới, do đó áp lực lạm phát năm 2023 sẽ tăng cao do ảnh hưởng của chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu tăng và các yếu tố trong nước khác như tăng mức lương cơ sở và đẩy mạnh chi tiêu đầu tư công. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng, việc lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào, trực tiếp làm giảm lợi nhuận kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, để có thể kiểm soát tốt chi phí đầu vào, TICCO thường xuyên lên kế hoạch theo dõi thị trường cũng như những biến động của nền kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng đến lạm phát, nhằm đưa ra các kế hoạch phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.



Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một trong các chỉ tiêu quan trọng trong điều hành chính sách của Chính phủ trong việc kiềm chế lạm phát. Trong quý 4/2022, để kiểm soát lạm phát và ổn định tỷ giá, Ngân hàng nhà nước đã 02 lần tăng lãi suất điều hành, đưa mức lãi suất liên ngân hàng lên 7%/năm. Tính đến cuối năm 2022, mức lãi suất huy động cho kỳ hạn trên 6 tháng của các Ngân hàng thương mại được đẩy lên vùng 8,5-9,5%/năm.

TICCO hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản, xây dựng nên có mức thâm dụng vốn cao, do đó việc biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh công ty. Cụ thể, tỷ lệ nợ vay trên tổng tài sản của Công ty trong năm là 26,6%. Trong thời gian tới, TICCO sẽ tiếp tục theo dõi tình hình biến động lãi suất để có phương án giải quyết về nhu cầu vốn, đảm bảo việc hoạt động sản xuất kinh doanh như kế hoạch đã đề ra.





Rủi ro đặc thù ngành



Rủi ro thị trường

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã dần phục hồi tích cực sau đại dịch, tuy nhiên thị trường xây dựng, bất động sản chưa thực sự khởi sắc. Các dự án bất động sản do vướng mắc các quy định pháp lý nên chưa thể triển khai và mở bán trên thị trường khiến nguồn cung suy giảm, song song đó giá bất động sản thực tế vẫn neo ở mức cao dẫn đến nhu cầu không cải thiện, khiến cho thị trường giao dịch bất động sản trở nên trầm lắng. Đối với thị trường xây dựng, trong 11 tháng năm 2022, giải ngân vốn đầu tư công của cả nước tăng 14,8% so với cùng kỳ. Dù vậy, tiến độ hoàn thành kế hoạch năm 2022 vẫn giảm khoảng 5,5 điểm phần trăm so với kế hoạch đề ra năm 2022, chậm tiến độ các dự án trọng điểm tiêu biểu là dự án cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 1 chỉ hoàn thành 77,6% kế hoạch đã giao. Các nguyên nhân khiến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm gồm: thiếu nguồn cung VLXD như đất đắp, cát...; giá nguyên vật liệu xây dựng tăng mạnh nhưng không có cơ chế điều chỉnh đơn giá khiến nhà thầu phải thi công cầm chừng, thậm chí dừng thi công; các vướng mắc trong đền bù giải phóng mặt bằng,...

Trong thời gian tới, giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục là động lực phát triển của ngành xây dựng nói chung và lĩnh vực cơ sở hạ tầng nói riêng. Bên cạnh đó, việc các dòng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) dịch chuyển dần về Việt Nam cũng là điều kiện lớn để thị trường bùng nổ. Tuy nhiên, bên cạnh các triển vọng, thị trường xây dựng bất động sản vẫn sẽ đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Do đó, để nắm bắt cơ hội và hạn chế rủi ro thị trường khó lường, TICCO luôn tập trung phát triển, cải tiến công nghệ cũng như cơ sở hạ tầng để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng sức cạnh tranh của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư, hợp tác từ bên ngoài, tăng độ nhận diện thương hiệu của Công ty trong khu vực.

Rủi ro cạnh tranh

Trước các triển vọng tích cực về ngành, nhiều doanh nghiệp cũng bắt đầu gia nhập mới, tiềm ẩn rủi ro cạnh tranh về giá đặc biệt đối với lĩnh vực bê tông và xây dựng của TICCO. Với uy tín và thương hiệu TICCO trong 40 năm qua, Công ty đã xây dựng được các lợi thế kinh doanh, các đối tác và khách hàng tin cậy. Tuy nhiên, để giảm thiểu các rủi ro này, Công ty luôn cẩn trọng và cập nhật chiến lược cạnh tranh phù hợp, cam kết đầu ra của dự án, mang lại dịch vụ tiện ích cho chủ đầu tư và sự tin cậy của khách hàng. Công ty cũng thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường, cập nhật những thay đổi về nhu cầu và thị hiếu của khách hàng, đồng thời không ngừng đổi mới công nghệ, chất lượng phục vụ để luôn luôn là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Biến động giá nguyên vật liệu là nhân tố trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngành Xây dựng, Bất động sản. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tới 70% tổng chi phí xây dựng, đặc biệt TICCO còn hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông với nguồn nguyên liệu chính là Thép, xi măng, cát và đá. Trong 6 tháng đầu năm 2022, giá thép có chiều hướng tăng 25% so với cùng kỳ tuy nhiên đã hạ nhiệt về lại mức cuối năm 2021 do các sụt giảm nhu cầu từ thị trường bất động sản trong nước cũng như Trung Quốc trở nên ảm đạm. Trong khi đó, giá xi măng trong nước đã tăng khoảng 12% lên mức 1,6 triệu đồng/tấn và chưa có dấu hiệu suy giảm do áp lực từ chi phí than (chiếm khoảng 40% chi phí sản xuất) tăng cao. Nhận thức được diễn biến giá nguyên vật liệu trong thời gian tới vẫn là yếu tố khó lường, Công ty luôn chủ động theo dõi tình hình giá, thương lượng, ký kết các hợp đồng mua bán với nhà cung cấp thân tín, đề phòng trường hợp giá nguyên liệu đầu vào tăng quá cao, vượt mức an toàn của Công ty. Đồng thời, kết hợp xây dựng kế hoạch hàng tồn kho hợp lý để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro pháp luật



Là Công ty Cổ phần đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, TICCO chịu sự kiểm soát, chi phối của hệ thống pháp luật và nhiều văn bản pháp luật có liên quan. Các chính sách, văn bản pháp luật của Việt Nam hiện vẫn đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện, do đó có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, đối với lĩnh vực bất động sản, pháp lý có ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường bất động sản từ sự quản lý của Nhà nước trong toàn bộ chuỗi giá trị với ngành (từ chuẩn bị, thi công, bán hàng, bàn giao tới cả vận hành và bảo trì). Từ năm 2019, siết chặt cấp phép dự án bất động sản thương mại (tăng cường thanh tra, kiểm tra và liên tục hoàn thiện khung pháp lý gây gián đoạn trong ngắn hạn khi các cơ quan Nhà nước chờ đợi thay đổi và các hướng dẫn thực hiện khung pháp lý mới) đã gây nên giai đoạn sụt giảm của thị trường đến nay. Năm 2022, dự án Luật Đất đai sửa đổi được lấy ý kiến và trình Quốc hội thông qua vào tháng 05/2023 được kỳ vọng sẽ là tiền đề mới cho sự phát triển của ngành xây dựng, bất động sản.

Trước bối cảnh thị trường kinh doanh còn nhiều biến động khó lường và để hạn chế rủi ro pháp luật, chính sách tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn cam kết tuân thủ các quy định hiện hành; xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cập nhật những thay đổi trong chính sách và quy định liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.



Rủi ro khác



Bên cạnh những rủi ro trên thì TICCO còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, Tuy các rủi ro nêu trên đều là những rủi ro bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng sẽ tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, do đó vẫn đòi hỏi Công ty phải luôn có những kế hoạch phòng ngừa. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chủ động phòng ngừa các rủi ro bằng các hợp đồng bảo hiểm về tài sản và con người để hạn chế thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bối cảnh thị trường kinh doanh

Năm 2022 là một năm đầy biến động và có ảnh hưởng lớn đến ngành bất động sản Việt Nam, các sự kiện tiêu biểu: Trình dự thảo Luật Đất đai sửa đổi; Bỏ cọc đấu giá đất; siết tín dụng trái phiếu,... các sự kiện xảy ra liên tiếp trong bối cảnh thị trường nhiều biến động đã gây ra một cuộc khủng hoảng niềm tin lớn của nhà đầu tư, kéo theo đó là hàng loạt nhà đầu tư rút vốn, doanh nghiệp bất động sản buộc mua lại trái phiếu trước hạn; “cạn room” tín dụng bất động sản dẫn đến cơn khát vốn trên toàn bộ thị trường. Thời điểm cuối năm 2022 đầu năm 2023, nhận thấy các bất ổn từ thị trường, Chính phủ thành lập các Tổ công tác và tổ chức các cuộc Hội nghị trao đổi nhằm nắm bắt tình hình thực tế và đề ra các giải pháp sớm tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp bất động sản, ổn định tâm lý thị trường.

Ở lĩnh vực xây dựng, trong giai đoạn 2021 – 2023, nhu cầu đầu tư xây mới được đánh giá có phân hóa giữa các mảng xây dựng. Trong đó, vốn đầu tư công dự kiến tăng mạnh (tăng 25%, khoảng 140.000 tỷ đồng trong 2023 so với kế hoạch năm 2022) sẽ thúc đẩy tăng trưởng xây dựng cơ sở hạ tầng. Ngược lại, khó khăn của ngành bất động sản và sản xuất công nghiệp chững lại sẽ hạn chế nhu cầu xây dựng nhà ở và nhà không để ở.

Bên cạnh đó, tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Chính phủ đã ra Quyết định 287/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng là một trong những nội dung quan trọng để nâng cao năng lực kết nối vùng, tiểu vùng, quốc tế; phát triển logistics. Cụ thể, sẽ hình thành tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông và phía Tây cùng với 3 tuyến cao tốc khác có tổng chiều dài khoảng 998 km; cùng với đó là hàng trăm kết nối hạ tầng từ sân bay, cảng biển đến cầu cống... để kéo gần miền Tây với các trung tâm kinh tế phía Nam và cả nước. Tại Hội nghị lần thứ ba về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (năm 2021), Bộ trưởng bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho biết, trong giai đoạn 2021-2025, số tiền đầu tư cho khu vực này là 388.000 tỷ đồng, tập trung chủ yếu vào hạ tầng. Hàng loạt dự án như Đường Vành đai 3, Vành đai 4, cao tốc TPHCM - Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ - Cà Mau, Quốc lộ 60, Quốc lộ N2 và 4 công trình kết nối trực ngang Đồng bằng sông Cửu Long với Campuchia gồm Quốc lộ 62, 30, 91 và QL80 lần lượt được triển khai sẽ là nền tảng đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng. Vì vậy, triển vọng mảng kinh doanh thi công xây dựng cơ sở hạ tầng sẽ là động lực cho sự phát triển vượt bậc của TICCO trong các năm tiếp theo.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	1.318.964	1.648.053	24,95%
2	Giá vốn hàng bán	996.093	1.272.964	27,80%
3	Lợi nhuận gộp	322.871	375.090	16,17%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	3.450	5.384	56,06%
5	Chi phí tài chính	13.220	11.300	-14,52%
6	Chi phí bán hàng	116.197	142.808	22,90%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.489	47.466	33,75%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	161.513	178.980	10,81%
9	Lợi nhuận khác	1.052	2.585	145,62%
10	Lợi nhuận trước thuế	162.566	181.564	11,69%
11	Lợi nhuận sau thuế	128.538	143.908	11,96%
12	EPS	6.029	6.692	11,01%

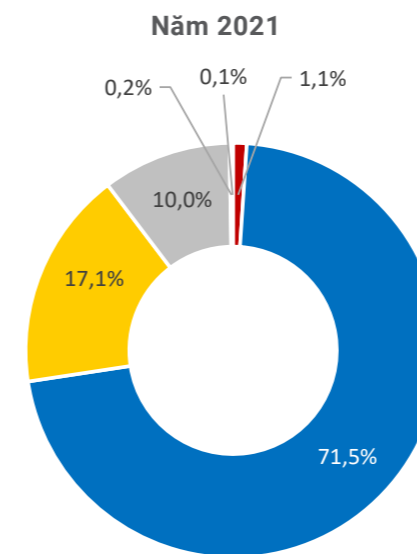
Kết thúc năm 2022, doanh thu thuần của TICCO ghi nhận tăng 24,95% đạt 1.648 tỷ đồng, cải thiện tốt so với cùng kỳ nhờ vào thị trường kinh doanh phục hồi sau thời gian dài bị ảnh hưởng đại dịch, các dự án công trình thi công trong khu vực dần được khơi thông. Xét về cơ cấu doanh thu, doanh thu từ mảng bán bê tông vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trên 63% tổng doanh thu thuần và có mức tăng trưởng 10,64% so với năm 2021. Bên cạnh đó, doanh thu kinh doanh bất động sản tăng mạnh 160,44% nhờ vào việc triển khai mở bán các dự án đã hoàn tất của Công ty được ổn định lại sau dịch bệnh; trong khi đó doanh thu từ mảng thi công có sự giảm nhẹ, do một số vướng mắc ở thủ tục pháp lý các dự án của TICCO dẫn đến chậm tiến độ triển khai.

Doanh thu tăng, kéo theo đó là các chi phí hoạt động của Công ty tăng theo, cụ thể giá vốn hàng bán (chiếm trên 80% tổng chi phí) có mức tăng 27,8% so với cùng kỳ, chủ yếu là do phần lớn các nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là xi măng, cát, đá và thép đều có sự bật tăng trong năm 2022 (giá xi măng bình quân tăng 12% so với cùng kỳ, cát đá tăng nhẹ 1-2%); các chi phí khác như chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cũng có mức tăng trung bình trên 25% so với năm 2021. Kết quả lợi nhuận sau thuế tăng 11,96% so với năm trước đạt 143,908 tỷ đồng.

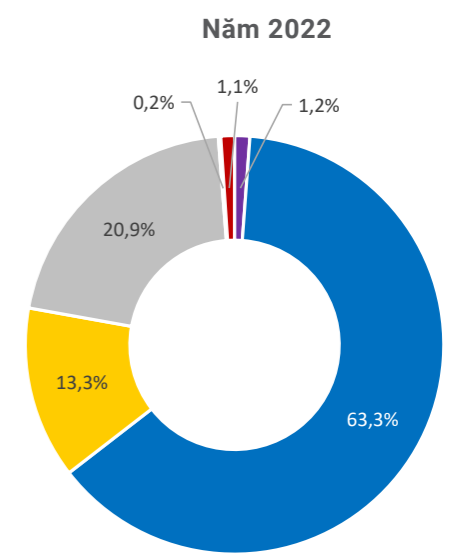
Cơ cấu doanh thu hợp nhất:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng/ Giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán vật liệu xây dựng	14.003	1,06%	19.448	1,18%	38,89%
2	Doanh thu bán bê tông	943.545	71,54%	1.043.967	63,35%	10,64%
3	Doanh thu thi công công trình xây dựng	225.294	17,08%	219.271	13,30%	-2,67%
4	Doanh thu kinh doanh bất động sản	132.423	10,04%	344.880	20,93%	160,44%
5	Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.795	0,21%	3.123	0,19%	11,71%
6	Doanh thu cung cấp dịch vụ	903	0,07%	17.363	1,05%	1822,80%
Doanh thu thuần		1.318.964	100,00%	1.648.053	100,00%	24,95%



- Doanh thu bán vật liệu xây dựng
- Doanh thu bán bê tông
- Doanh thu thi công công trình xây dựng
- Doanh thu kinh doanh bất động sản
- Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư
- Doanh thu cung cấp dịch vụ



Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

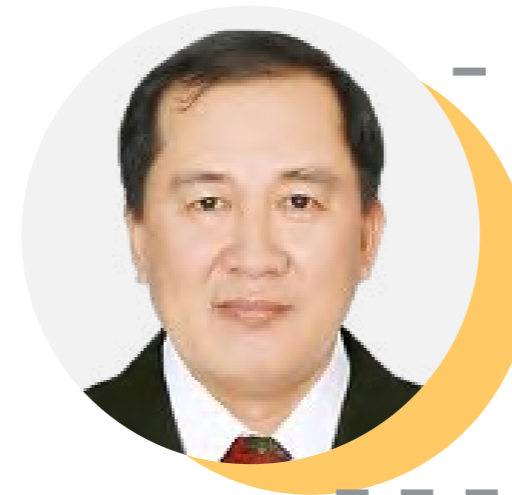
STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện/Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	1.616	1.648	102%
2	Lợi nhuận sau thuế	172	143,9	83%

Với các kết quả đã nêu trên, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của TICCO lần lượt đạt 102% và 83% kế hoạch năm 2022 đã đề ra, trong bối cảnh thị trường phục hồi nhưng các điều kiện vĩ mô và kinh doanh còn nhiều khó khăn, đây là những kết quả đáng khích lệ thể hiện sự nỗ lực và là động lực để TICCO phấn đấu hơn nữa cho năm tiếp theo.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ (tại ngày 22/12/2022)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Vũ Huy Giáp	Tổng giám đốc	900.005	4,51%
2	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng giám đốc	984.383	4,93%
3	Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng giám đốc	240.371	1,20%
4	Ông Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng giám đốc	543.765	2,72%
5	Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng giám đốc	108.721	0,54%
6	Bà Lê Mỹ Phượng	Kế toán trưởng	1.742	0,01%



Ông Vũ Huy Giáp

Tổng giám đốc

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 900.005 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 05/5/2001 đến 01/01/2003	Nhân viên kỹ thuật, Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.
Từ 01/01/2003 đến 12/9/2005	Phụ trách kế hoạch Xí nghiệp Bê tông, Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang.
Từ 12/9/2005 đến 10/5/2007	Phó Giám đốc Xí nghiệp Bê tông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 10/5/2007 đến 01/7/2009	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/7/2009 đến 06/04/2013	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh – tiếp thị, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 06/04/2013 đến 31/8/2014	Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/02/2014 đến 31/12/2020	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang. Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 12/9/2014 đến 13/11/2017	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang.
Từ 20/9/2016 đến 08/08/2019	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 18/09/2017 đến 01/02/2018	Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 29/04/2017 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 27/06/2019 đến 30/04/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/05/2021 đến nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

Phó Tổng giám đốc

Giới tính: Nam
 Năm sinh: 1976
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế học
 Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 984.383 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 07/1998 đến 12/2000	Làm việc tại XNXL2 – Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang
Từ 01/2000 đến 07/2007	Làm việc tại XNBT – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/7/2007 đến 01/7/2011	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/07/2011 đến 01/08/2014	GD Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/8/2014 đến 04/2017	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 04/2017 đến 02/2020	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 02/2020 đến 22/04/2022	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và kiêm Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý dự án
Từ 04/2022 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và kiêm Trưởng Ban Đầu tư và Quản lý dự án



Ông Nguyễn Hữu Hiệp

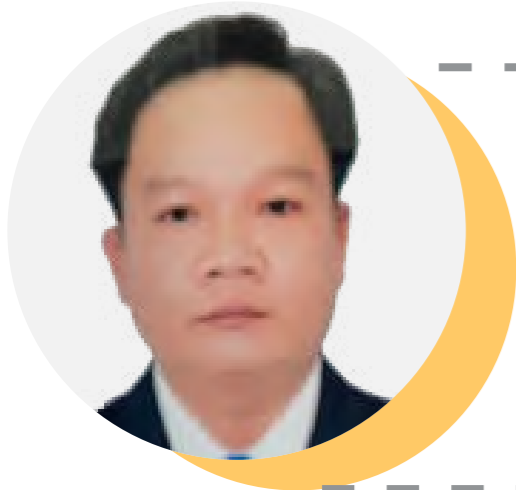
Phó Tổng giám đốc

Giới tính: Nam
 Năm sinh: 1971
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Thủy lợi
 Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 240.371 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 09/1994 đến 03/1996	Nhân viên tại Sở thủy lợi TG
Từ 04/1996 đến 12/2002	Nhân viên kỹ thuật tại Xí nghiệp xây dựng thủy lợi
Từ 01/2003 đến 08/2005	Chuyên viên kế hoạch - P. Kế hoạch kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/08/2005	Phó giám đốc Trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 23/08/2005	Quyền giám đốc trung tâm đầu tư và kinh doanh địa ốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang.
Từ 03/2009 đến 06/2009	Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 07/2009 đến 09/2009	Giám đốc đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 09/2009 đến 07/2012	Trưởng phòng đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 07/2012 đến 01/2014	TP. Kế hoạch - Đầu tư, kiêm Giám đốc Sàn GD BĐS tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 02/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



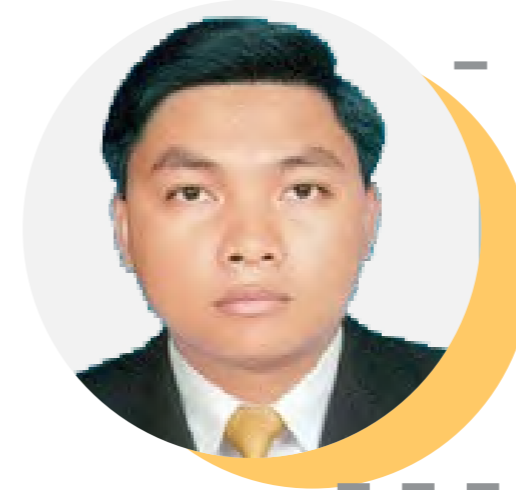
Ông Nguyễn Hoài Bắc

Phó Tổng giám đốc

Giới tính: Nam
 Năm sinh: 1978
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi
 Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 543.765 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 12/2007 đến 06/2008	Nhân viên Kế hoạch Kinh doanh tại P.Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 07/2008 đến 02/2009	Phó trưởng phòng Kế hoạch –KD tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 03/2009 đến 02/2011	Trưởng phòng Sản xuất- vật tư Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/02/2011 đến 13/10/2013	Trưởng phòng Sản xuất- vật tư tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 14/10/2013 đến 13/03/2019	Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 26/12/2016 đến 13/03/2019	Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty Bê tông TICCO – Nhà máy Bê tông Tân Phước
Từ 14/03/2019 đến 31/12/2020	Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Từ 01/01/2021 đến 30/06/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Từ 01/07/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO



Ông Nguyễn Ngọc Hùng

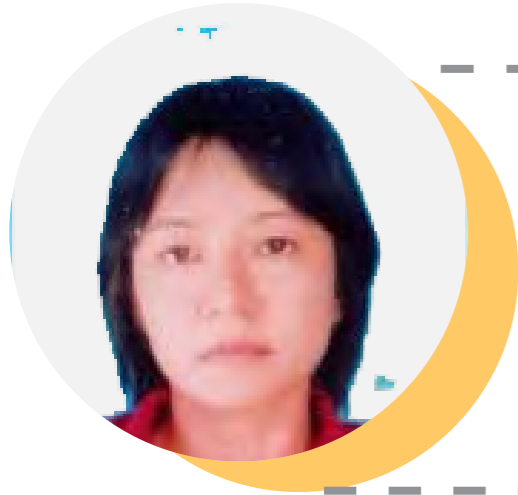
Phó Tổng giám đốc

Giới tính: Nam
 Năm sinh: 1983
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý xây dựng
 Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 108.721 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 01/06/2006	Nhân viên Kỹ thuật tại Xí nghiệp Bê tông - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 01/03/2007	Nhân viên Kỹ thuật tại Phòng Sản xuất - Vật tư Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 16/03/2009	Quản đốc Trạm tại Trạm sản xuất Bê tông tươi Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 18/02/2011	Quản đốc Xưởng tại Xưởng sản xuất Bê tông tươi Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/01/2012	Phó Trưởng phòng tại Phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/03/2013	Trưởng phòng tại Phòng Kinh doanh - Tiếp thị Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/05/2015	Phó Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Kinh doanh - Tiếp thị tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 13/02/2020 đến 31/12/2020	Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/01/2021 đến 30/06/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Từ 01/07/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Bà Lê Mỹ Phượng

Kế toán trưởng

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 1.742 cổ phần

Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác
Từ 01/2009 đến 10/2014	Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Từ 11/2014 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Tính chất phân loại	Năm 2022	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	663	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	173	26,1%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	117	17,6%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	307	46,3%
4	Lao động phổ thông	66	10,0%
III	Theo giới tính	663	100%
1	Nam	605	91,3%
2	Nữ	58	8,7%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	663	100%
1	Toàn thời gian	663	100%
2	Bán thời gian	0	0%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	644	659	673	663
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9.500.000	12.000.000	10.700.000	11.000.000



Chính sách nhân sự

Chính sách đào tạo

Đối với từng vị trí công việc, Công ty có những yêu cầu, tiêu chuẩn rõ ràng trước khi tuyển dụng nhằm đảm bảo ứng viên đáp ứng được những yêu cầu cơ bản nhất đối với từng vị trí công việc. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức định kỳ những buổi đào tạo, tập huấn giúp nâng cao trình độ chuyên môn cán bộ công nhân viên của Công ty, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.

Chính sách tuyển dụng

Các chương trình tuyển dụng của Công ty được thực hiện với tiêu chí công khai, minh bạch, được đăng trên website Công ty và những trang thông tin tuyển dụng cho tất cả mọi người theo dõi. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức những chương trình để tìm kiếm và thu hút nhân tài, nâng cao trình độ chuyên môn của cả Công ty.

Chính sách nhân sự

Chính sách về môi trường lao động

Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất có thể để người lao động được làm việc trong một môi trường an toàn, thoải mái về mặt tinh thần. Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ khi lao động cũng như các dụng cụ làm việc, máy móc thiết bị đạt chuẩn chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty cũng có những buổi tập huấn, đào tạo để người lao động làm quen với máy móc, thiết bị trước khi vận hành, tránh những rủi ro không mong muốn. Công ty đã ban hành và phổ biến đến toàn thể người lao động “Quy định về an toàn, vệ sinh lao động”. Thời gian định kỳ 6 tháng và hàng năm, Công ty tổ chức kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện công tác bảo hộ lao động tại đơn vị. Ngoài ra, Công ty còn thành lập Ban chỉ đạo Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động thực hiện xây dựng và triển khai hành động cụ thể theo sự chỉ đạo của Công đoàn cấp trên.

Bên cạnh đó, tổ chức Công đoàn công ty còn quản lý mạng lưới an toàn vệ sinh, tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình, quy định về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc Công ty.

Chính sách về lương, thưởng, đãi ngộ:

Các tiêu chí về thời gian cũng như tiêu chí làm việc được TICCO đề ra và thực hiện nghiêm túc, minh bạch. Từ đó, quỹ lương được phân bổ hợp lý, đảm bảo được quyền lợi của đội ngũ công nhân viên. Cụ thể trong năm 2022, thu nhập trung bình của đội ngũ công nhân viên là 11 triệu đồng/người/tháng, cao hơn năm 2021 là 2,8%. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật như ký hợp đồng lao động, đóng BHYT, BHXH, BHTN cho 100% người lao động, các chính sách về phụ cấp ca đêm, nghỉ phép,... cũng được Công ty thực hiện rõ ràng, minh bạch.

Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty còn có những chế độ khác dành cho nhân viên như:

- Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm;
- Tiền ăn giữa ca;
- Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ;
- Khám sức khỏe định kỳ;
- Đồng phục và bảo hộ lao động;
- Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, trợ cấp gửi con nhà trẻ; chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; xe đưa rước công nhân đi làm việc, trợ cấp tiền xăng...



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tổng giá trị đầu tư năm 2022 của Công ty là 486,5 tỷ đồng. Các dự án mà Công ty đang triển khai như sau:

CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 1



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất để xây dựng nhà máy sản xuất khi có nhu cầu
Quy mô dự án	50 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
Tổng mức đầu tư phê duyệt	307.083.592.618 đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	5 năm. Hiện đang hoàn thiện thủ tục để quyết toán

CỤM CÔNG NGHIỆP GIA THUẬN 2



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuê đất để xây dựng nhà máy sản xuất khi có nhu cầu
Quy mô dự án	50 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
Tổng mức đầu tư phê duyệt	390.943.809.484 đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	5 năm. Hiện đang hoàn thiện thiết kế hạ tầng kỹ thuật

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐƯỜNG NGUYỄN TRỌNG DÂN NỐI DÀI VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu.
Quy mô dự án	7,61 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Phường 4 - xã Long Chánh, thị xã Gò Công
Tổng mức đầu tư phê duyệt	632.177.955.259 đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	4 năm. Thực hiện khoảng 99% tiến độ dự án

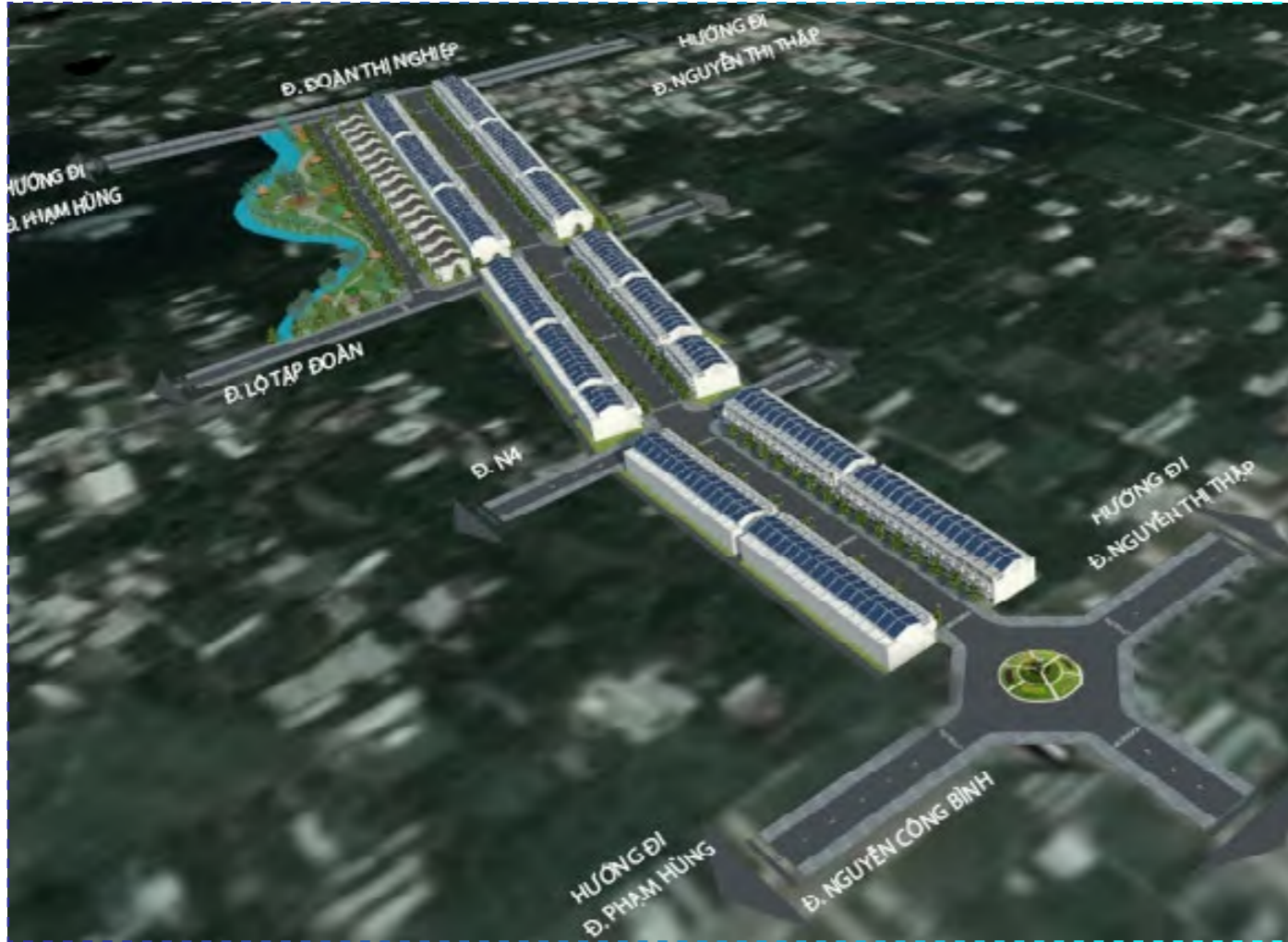
ĐƯỜNG SỐ 4 VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, để tạo khu nhà ở chuyển nhượng cho khách hàng và người dân có nhu cầu xây dựng nhà
Quy mô dự án	18,3 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Phường 4, Phường Nhị Mỹ - Xã Long Khánh, Thị xã Cai Lậy
Tổng mức đầu tư phê duyệt	613.000.000.000 đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	4 năm. Hiện đang hoàn thiện thiết kế hạ tầng kỹ thuật

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

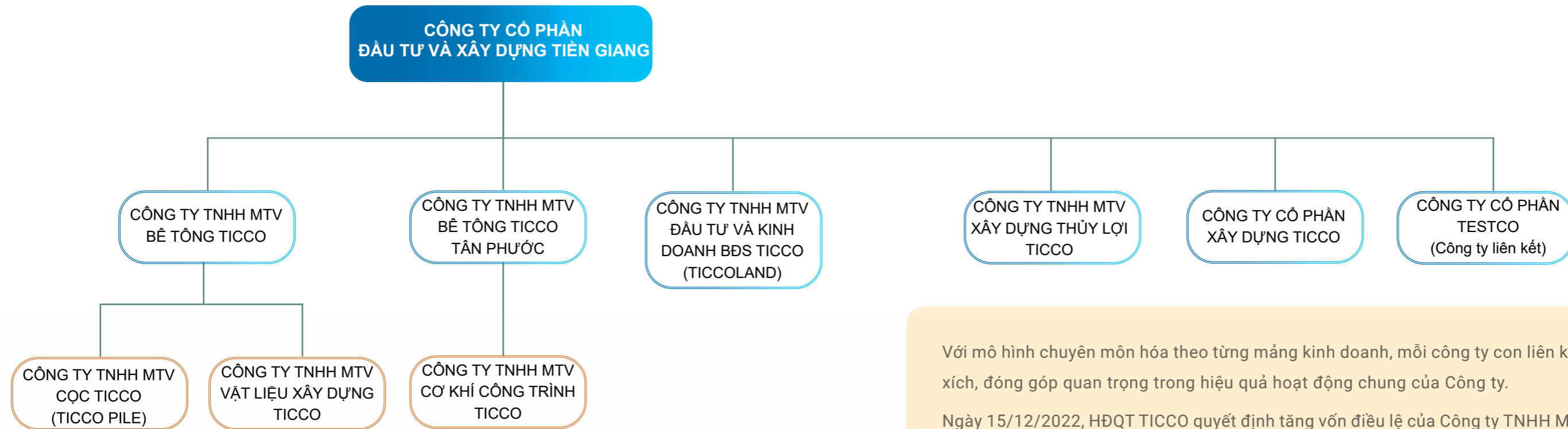
ĐƯỜNG D7 VÀ KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG



Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hình thức đầu tư	Đầu tư xây dựng và kinh doanh
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân có đất trong dự án, các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu.
Quy mô dự án	6,15 ha
Địa điểm thực hiện dự án	Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho
Tổng mức đầu tư phê duyệt	832.685.102.585 đồng
Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	4 năm. Hiện đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT



Với mô hình chuyên môn hóa theo từng mảng kinh doanh, mỗi công ty con liên kết đều là một mắt xích, đóng góp quan trọng trong hiệu quả hoạt động chung của Công ty.

Ngày 15/12/2022, HĐQT TICCO quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO (TICCOLAND) thêm 15.000.000.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của TICCO. Kể từ 02/01/2023, nâng vốn điều lệ của TICCOLAND lên 35.000.000.000 đồng.

Trong năm 2022, các Công ty con, liên kết đều ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng trên hai chữ số so với năm 2021, đóng góp to lớn vào sự tăng trưởng doanh thu chung của toàn Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	1.555.648	1.848.583	18,83%
Doanh thu thuần	1.318.964	1.648.053	24,95%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	322.871	375.090	16,17%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	161.513	178.980	10,81%
Lợi nhuận khác	1.052	2.585	145,62%
Lợi nhuận trước thuế	162.566	181.564	11,69%
Lợi nhuận sau thuế	128.538	143.908	11,96%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	6.029	6.692	11,01%
Vốn chủ sở hữu	530.577	641.737	20,95%

Tại thời điểm cuối năm 2022, tổng giá trị tài sản của TICCO đạt trên 1.848 tỷ đồng, tăng 18,83% so với thời điểm cuối năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự gia tăng trong giá trị tài sản ngắn hạn (chiếm 67% trên tổng tài sản), trong đó khoản phải thu khách hàng tăng 13,86% và hàng tồn kho tăng 49,79%, hàng tồn kho chủ yếu của Công ty là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các dự án mà công ty đang thực hiện. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của TICCO đều có sự tăng trưởng, lần lượt tăng 24,95% và 11,96% so với năm 2021, lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng được cải thiện từ 6.029 đồng lên 6.692 đồng mặc dù trong năm Công ty đã phát hành 3.992.587 cổ phiếu chi trả cổ tức nâng vốn điều lệ 199.638.930.000 đồng. Qua đó, cho thấy hiệu quả kinh doanh của TICCO dần phục hồi sau thời điểm khó khăn bị ảnh hưởng bởi đại dịch.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
I Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,38
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,67	0,68
II Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	65,89%	65,28%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	193,20%	188,06%
III Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,51	2,43
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,88	0,97
IV Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	9,75%	8,73%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	25,11%	24,55%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	8,56%	8,45%
4	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	12,25%	10,86%

Về khả năng thanh toán

Kết thúc năm 2022, các hệ số thanh toán của TICCO đều có sự cải thiện so với năm 2021, cụ thể cả hai chỉ tiêu về thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều tăng lên, lần lượt tăng thêm 0,17 lên mức 1,38 lần và 0,01 lên mức 0,68 lần. Nguyên nhân đến từ tài sản ngắn hạn trong năm tăng 31,33% trong khi đó nợ ngắn hạn chỉ tăng 15,69%, trong cơ cấu nợ ngắn hạn, hàng tồn kho và khoản phải thu chiếm tỷ trọng cao nhất lần lượt là 50,8% và 27,12% đều có mức tăng trên 25% so với cùng kỳ. Hệ số khả năng thanh toán nhanh tăng từ 0,67 lần lên mức 0,68 lần trong năm 2022 và vẫn duy trì ở mức dưới 1, do đặc thù mô hình kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng nên lượng hàng tồn kho của Công ty thường chiếm tỷ trọng rất lớn với trên 50% cơ cấu tài sản ngắn hạn của TICCO.

Về cơ cấu vốn

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng xây lắp, Công ty cần nguồn vốn ứng trước để tài trợ cho các dự án đang trong quá trình xây dựng, do đó các khoản nợ vay tương đối chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Năm 2022, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của TICCO giảm nhẹ so với năm 2021. Cụ thể, hệ số nợ phải trả/ tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu lần lượt là 65,28% và 188,06%. Cho thấy Ban Tổng giám đốc Công ty đang duy trì một chính sách đòn bẩy tài chính ổn định đảm bảo cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn như hiện nay.

Về năng lực hoạt động

Xét về hệ số về năng lực hoạt động, vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ từ 2,51 năm 2021 về 2,43 vào năm 2022, nguyên nhân đến từ việc hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng 90,63% so với cùng kỳ từ các dự án kinh doanh bất động sản mà Công ty đang triển khai, trong đó năm 2022 hạch toán tăng thêm đối với dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường. Trong năm 2022, tình hình kinh doanh phục hồi sau khoảng thời gian đại dịch ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụng tài sản cũng được cải thiện từ 0,88 lên 0,97 lần.

Về khả năng sinh lời

Trong năm 2022, các tỷ số thể hiện khả năng sinh lời của công ty như ROS, ROE, ROA và hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần lần lượt đạt 8,73%, 24,55%, 8,45%, 10,86% tiếp tục giảm nhẹ so với năm 2021. Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm này chủ yếu từ việc mặc dù thị trường kinh doanh dần phục hồi nhưng vẫn còn nhiều trở ngại gây khó khăn cho doanh nghiệp bất động sản, xây dựng, các vướng mắc từ thủ tục hành chính pháp lý làm chậm tiến độ triển khai một số dự án của TICCO, đồng thời giá nguyên vật liệu đầu vào cũng bật tăng khiến giá vốn hàng bán của Công ty tăng cao. Bên cạnh đó, trong năm Công ty vẫn thực hiện đúng kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông với tỷ lệ 25% làm cho vốn chủ sở hữu tăng lên. Nhận biết được các khó khăn hiện tại, Công ty đang tập trung chuẩn bị nội lực, ổn định sức khoẻ tài chính và có các kế hoạch nhằm thúc đẩy tiến độ triển khai, đặc biệt các dự án do công ty làm chủ đầu tư, từ đó nắm bắt được các cơ hội làm động lực cho sự tăng trưởng mạnh mẽ của Công ty trong tương lai.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2022, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 nâng vốn điều lệ Công ty lên 199.638.930.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông:

(Tính tại ngày 22/12/2022)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	19.832.646	198.326.460.000	99,34%
1	Cổ đông nhà nước	0	-	0
2	Cổ đông cá nhân	18.507.985	185.079.850.000	92,71%
3	Cổ đông tổ chức	1.324.661	13.246.610.000	6,64%
II	Cổ đông nước ngoài	131.247	1.312.470.000	0,66%
1	Cá nhân	46.580	465.800.000	0,23%
2	Tổ chức	84.667	846.670.000	0,42%
III	Cổ phiếu quỹ	0	-	0
Tổng cộng		19.963.893	199.638.930.000	100%

Cổ đông lớn:

STT	Cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Nguyễn Thị Hường	1.068.423	5,35%



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Bên cạnh phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị phần, TICCO cũng chú trọng vào vấn đề môi trường. Công ty quan niệm rằng môi trường là mục tiêu đi đôi với sự phát triển bền vững của Công ty, do đó các hoạt động phát triển của Công ty luôn xem xét đến yếu tố môi trường và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.



Tác động lên môi trường



Khí nhà kính (KNK) là những khí có khả năng hấp thụ các bức xạ sóng dài (hồng ngoại), được phản xạ từ bề mặt Trái Đất khi được chiếu sáng bằng ánh sáng mặt trời, sau đó phân tán nhiệt lại cho Trái Đất, gây nên hiệu ứng nhà kính. KNK ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiệt độ của Trái Đất, nếu không có chúng, nhiệt độ bề mặt Trái Đất trung bình sẽ lạnh hơn hiện tại khoảng 33°C.

Các hoạt động xử lý chất thải rắn và nước thải cũng có thể tạo ra một lượng lớn KNK, tác động lên môi trường xung quanh địa bàn hoạt động của Công ty nói riêng và Trái Đất nói chung. Nhận thức được điều này, các khâu xử lý chất thải được TICCOC thực hiện theo đúng các quy định và tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách về xử lý nước thải. Đối với TICCOC, chung tay bảo vệ môi trường cũng là một trong những mục tiêu mà Công ty hướng tới trong chính sách phát triển của mình. Vì vậy, các hoạt động gây phát sinh KNK luôn được Công ty hạn chế và xử lý đúng theo quy định hiện hành.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu



Nhằm hạn chế, tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu, các khâu hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về sử dụng nguyên vật liệu, quy định về xả thải hợp lý. Công ty cũng định kỳ kiểm tra, sửa chữa máy móc, thiết bị của Công ty nhằm đảm bảo không có sự cố rò rỉ, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

STT	Tổng lượng nguyên vật liệu tiêu thụ	Năm 2022
1	Dầu DO (Lít)	865.759
2	Cát (m3)	781.952
3	Đá 1x2 (m3)	416.731
4	Thép các loại (tấn)	4.531.885
5	Xi Măng (tấn)	137.990

Do đặc thù kinh doanh, Công ty không thực hiện tái chế, tái sử dụng các nguyên vật liệu



Tiêu thụ nước



Nguồn nước Công ty sử dụng được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang. TICCOC luôn lên các kế hoạch, chính sách nhằm đảm bảo sử dụng nguồn nước hợp lý, tránh xả thải gây lãng phí. Đồng thời, Ban Tổng giám đốc của Công ty cũng thường xuyên cử người kiểm tra và sửa chữa các đường ống nước có hiện tượng rò rỉ hoặc cũ kỹ, nhằm đảm bảo lượng nước trong hoạt động sản xuất và sinh hoạt luôn là nguồn nước sạch, đạt chuẩn chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty cũng tránh gây xả thải ra các nguồn nước lân cận, gây ảnh hưởng đến hoạt động của chính Công ty và người dân sinh sống tại các khu vực xung quanh. Trong năm, lượng nước mà Công ty tiêu thụ là 45.699 m3 nước.

Tiêu thụ năng lượng



Các hoạt động kinh doanh, sản xuất của TICCOC luôn chấp hành nghiêm túc các cam kết bảo vệ môi trường cũng như các quy định về môi trường tại địa bàn hoạt động của từng dự án. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho từng nhân viên, quyết tâm đồng lòng giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường. Ngoài ra, các sáng kiến của đội ngũ nhân viên về công tác tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường đều được Ban Tổng giám đốc Công ty ghi nhận và nghiên cứu thực hiện nếu có tính khả thi. Trong năm, lượng điện năng tiêu thụ của toàn Công ty là 3.352.510 KWh.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



Từ khi thành lập và phát triển đến nay, TICCO luôn trích lập một quỹ từ thù lao của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể công nhân viên Công ty để tham gia, đóng góp cho các chương trình tình nguyện trong và ngoài địa bàn tỉnh Tiền Giang. Đối với Công ty, trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là nhiệm vụ hàng đầu và tiên quyết trong chính sách phát triển của Công ty. Vì vậy, định kỳ hàng năm, Công ty tham gia các chương trình thiện nguyện, trao quà, học bổng tại các Mái ấm tình thương các xã phường,... nơi có nhiều hoàn cảnh khó khăn cần được giúp đỡ.

Chính sách liên quan đến người lao động



TICCO luôn đề cao tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn chủ động xây dựng các chính sách quản trị nguồn nhân lực hợp lý, đảm bảo được các quyền lợi cơ bản đối với công nhân viên cùng những phúc lợi đãi ngộ tốt nhằm giữ chân nhân tài có chất lượng cao.

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tính đến 31/12/2022, tổng số người lao động của Công ty là 663 người với mức thu nhập trung bình là 11.000.000 đồng/người/tháng, tăng 2,8% so với năm 2021.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi, đào tạo và đảm bảo an toàn của người lao động

Các chính sách về lương thưởng, điều kiện làm việc luôn được Ban Tổng giám đốc của TICCO xem xét và thay đổi định kỳ nhằm tăng tính cạnh tranh, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho Công ty, đồng thời tạo động lực làm việc cho đội ngũ lao động, qua đó nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách lương, thưởng được Công ty xây dựng dựa trên Luật Lao động do Nhà nước ban hành và quy định. Ngoài ra, quỹ lương của Công ty được phân bổ dựa trên hiệu suất làm việc của từng thành viên, đảm bảo tính công bằng đối với mọi nhân viên Công ty. Ngoài ra, cán bộ công nhân viên của Công ty còn được hưởng chính sách thưởng theo dự án, theo quý hoặc theo năm, tùy thuộc vào hiệu suất công việc so với kế hoạch công ty đã đề ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho đội ngũ nhân viên của mình, đảm bảo sức khỏe lao động của toàn thể Công ty.

Về môi trường lao động, TICCO luôn trang bị đầy đủ cho công nhân viên các thiết bị phòng hộ đảm bảo an toàn lao động khi tham gia quá trình sản xuất. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên tổ chức kiểm tra môi trường lao động hàng năm để phát hiện và khắc phục các yếu tố nguy hiểm đến sức khỏe và an toàn tính mạng của người lao động.

Về đào tạo, định kỳ, TICCO tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ nhân viên Công ty. Qua đó, đội ngũ lao động sẽ được phân công công việc phù hợp với trình độ và kỹ năng chuyên môn của từng cá nhân.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Hoạt động bảo vệ môi trường của TICCO được thực hiện không chỉ từ những dự án lớn ngoài xã hội mà còn từ những quy định trong Công ty như không xả rác bừa bãi, các quy định về ý thức tự vệ sinh môi trường, nơi làm việc của nhân viên. Công ty quan niệm rằng hành động nhỏ của mỗi cá nhân sẽ tạo ra được đóng góp đáng kể cho công tác bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Bảo vệ môi trường cũng chính là bảo vệ sức khỏe của từng cá nhân, đồng thời giúp Công ty tránh được các rủi ro liên quan đến vấn đề pháp lý về môi trường.

Hoạt động của TICCO tuân thủ đúng với quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 và có những chính sách sửa đổi, cải tiến kịp thời phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Trong năm 2022, Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường của Công ty là không có.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN



Hoạt động thị trường vốn xanh là chiến lược tăng trưởng xanh khi thúc đẩy các doanh nghiệp phát hành trái phiếu xanh và xây dựng Báo cáo Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), qua đó tạo nguồn vốn cho các doanh nghiệp hướng tới hoạt động sản xuất xanh, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững trong tương lai.

Là một trong những doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng và đang niêm yết trên sàn HOSE, TICCO luôn theo dõi và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Pháp luật và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty cũng thường xuyên cập nhật các chính sách mới liên quan đến thị trường vốn xanh nhằm xây dựng dần các chính sách hướng đến phát triển xanh, đảm bảo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và mục tiêu phát triển của Công ty.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



03

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những nhân tố vĩ mô và Bối cảnh kinh doanh năm 2022:

Thuận lợi

TICCO đang đứng trước cơ hội lớn từ việc đầu tư cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư đang phát triển mạnh mẽ. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn 2021 - 2030, với tầm nhìn tới năm 2050 sẽ là khu vực đặc biệt quan trọng trong quy hoạch đô thị thông minh cũng như phát triển cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đây là điều kiện để thu hút vốn đầu tư, đẩy mạnh phát triển mở rộng các dự án. Vì vậy, với mô hình kinh doanh xoay quanh 3 lĩnh vực chính: vật liệu, thi công xây dựng và kinh doanh bất động sản, TICCO kỳ vọng sẽ đón đầu các cơ hội và mang lại triển vọng cho sự tăng trưởng của Công ty.

Với bề dày lịch sử hơn 40 năm hình thành và phát triển, thương hiệu TICCO được biết đến là một đơn vị uy tín, có truyền thống lâu đời trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, ngày càng khẳng định vị thế của mình trong địa bàn tỉnh cũng như khu vực. Mặc dù, sản phẩm bê tông của Công ty chịu sự cạnh tranh giá từ các đối thủ nhưng bê tông thương hiệu TICCO vẫn luôn được khẳng định trên thị trường với các sản phẩm bê tông tươi, bê tông đúc sẵn sản xuất bằng dây chuyền hiện đại, chất lượng đồng đều và khả năng cung cấp đảm bảo tiến độ. Bên cạnh đó, còn có sự hỗ trợ tín dụng từ các nhà cung cấp, nhà cung ứng nguyên vật liệu (giá cả cạnh tranh, chất lượng đảm bảo và đúng tiến độ).

Khó khăn

Ngành xây dựng, bất động sản luôn chịu tác động lớn bởi các chính sách, quy định pháp lý liên quan đến thủ tục hành chính về đất đai, môi trường, giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa,... Đây là các vấn đề khiến lĩnh vực bất động sản Việt Nam chưa thể tăng tốc trong giai đoạn từ 2019 đến nay, tuy nhiên để gỡ bỏ các vướng mắc này sẽ không phải là vấn đề một sớm một chiều có thể giải quyết mà cần có sự chung tay của các doanh nghiệp, người dân và chỉ đạo của cơ quan Nhà nước trong việc điều hành, thay đổi chính sách. Bên cạnh đó, tín dụng cũng là một yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp, năm 2022 thị trường bất động sản chứng kiến cơn khát vốn của hầu hết các doanh nghiệp khi các kênh huy động vốn chính là trái phiếu và tín dụng ngân hàng đều gặp khó khăn. Với triển vọng lớn của ngành xây dựng, bất động sản sẽ có không ít doanh nghiệp trong ngành tiến tới cạnh tranh sâu hơn về gói thầu, công nghệ và kỹ thuật sản xuất, dẫn đến môi trường cạnh tranh gay gắt hơn.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Trước bối cảnh trên, với sự nỗ lực và chung tay của Ban Tổng giám đốc, tập thể cán bộ công nhân viên trong việc điều hành và thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp, TICCO đã đạt được kết quả như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH 2022/ KH 2022	% Tăng/giảm cùng kỳ
1	Doanh thu thuần hợp nhất	1.319	1.606	1.648	102,6%	24,95%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	128,6	172	143,9	83,7%	11,9%
3	Giá trị đầu tư	155,8	600	486,5	81,1%	212,3%
4	Vốn điều lệ	159,7	199,6	199,6	100%	24,98%

- ◊ Doanh thu năm 2022 đạt 102,6% so với kế hoạch và tăng 25% so với năm 2021.
- ◊ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 83,7% so với kế hoạch và tăng 11,9% so với năm 2021.
- ◊ Kết quả kinh doanh năm 2022 không đạt kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ do bối cảnh kinh doanh chưa ổn định, có phần ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và sự điều hành chưa tốt của Ban Tổng giám đốc.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

Tình hình thực hiện các dự án lĩnh vực bất động sản

- ◊ Lĩnh vực bất động sản tiếp tục duy trì ổn định và đóng góp phần lớn vào hiệu quả kinh doanh của công ty.
- ◊ Tiếp tục thực hiện các công tác liên quan đến đền bù dự án Đường số 4 và khu dân cư hai bên đường tại thị xã Cai Lậy.
- ◊ Tiếp tục thực hiện công tác xin cấp giấy phép môi trường tại CCN Gia Thuận 1. Chuyển mục đích sử dụng đất, rừng, công tác đền bù dự án CCN Gia Thuận 2 tại huyện Gò Công Đông.
- ◊ Thực hiện hoàn thành đầu tư hạ tầng dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường tại thị xã Gò Công, tiếp tục thực hiện công tác xây nhà thô và kinh doanh.
- ◊ Tiếp tục công tác bán hàng dự án Đường Nguyễn Trãi nối dài và khu dân cư hai bên đường tại thị xã Gò Công.
- ◊ Tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến xúc tiến đầu tư vào CCN Gia Thuận 1 tại huyện Gò Công Đông.
- ◊ Thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường tại TP Mỹ Tho.
- ◊ Tiếp tục thực hiện khảo sát, nghiên cứu, lập quy hoạch các dự án đầu tư bất động sản trên địa bàn Tiền Giang.



Tình hình lĩnh vực bê tông

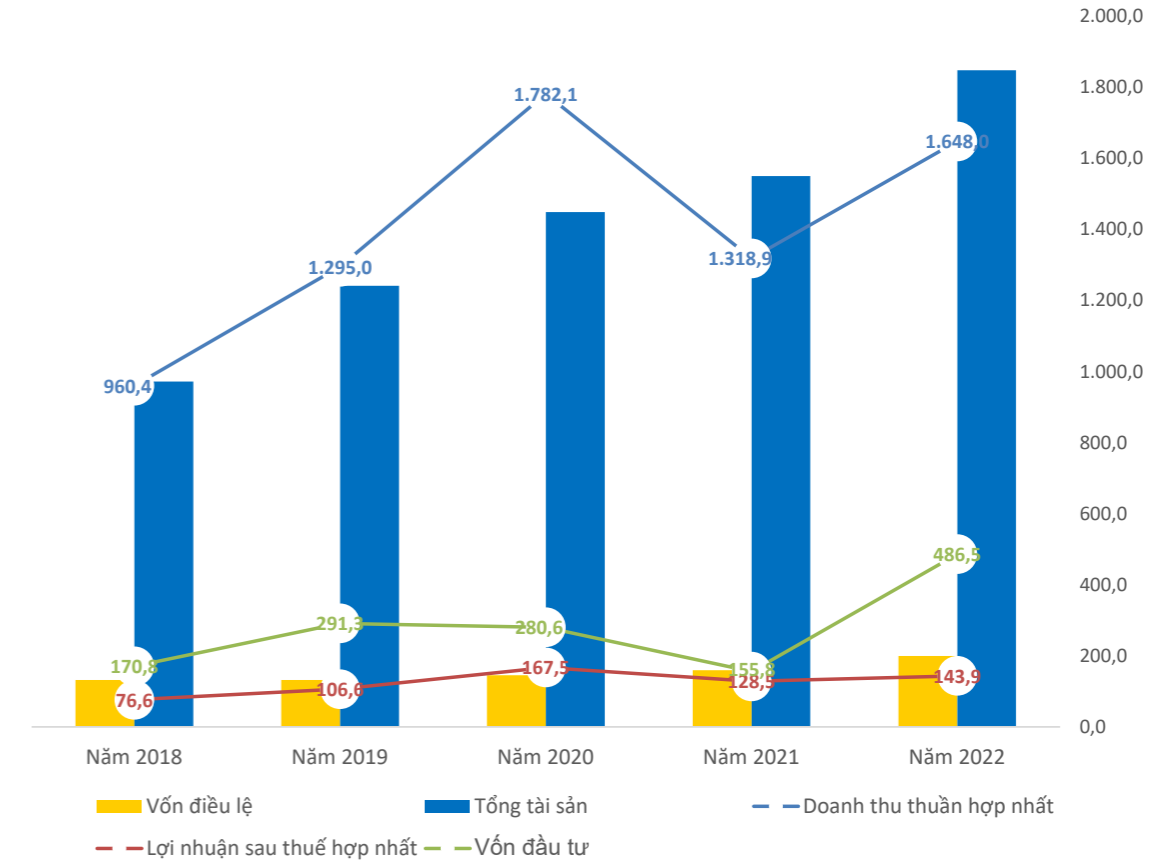
- ◊ Lĩnh vực bê tông tiếp tục giữ vững thương hiệu, thị trường và đóng góp thứ hai sau bất động sản vào hiệu quả kinh doanh của công ty.
- ◊ Tiếp tục đầu tư, cải tiến nhằm đối phó với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá nguyên liệu không ổn định.
- ◊ Triển khai sản xuất các cấu kiện chữ A để cung cấp cho các tuyến kè biển khu vực Gò Công.



Tình hình lĩnh vực thi công xây dựng

- ◊ Lĩnh vực xây dựng được xác định là lĩnh vực hỗ trợ cho bất động sản và bê tông nên việc đầu tư mở rộng được duy trì có giới hạn.

Những tiến bộ công ty đã đạt được, kết quả thực hiện chỉ tiêu từ 2018 – 2022:



ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Doanh thu thuần hợp nhất	960,4	1.295,0	1.782,1	1.318,9	1.648,1
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	76,6	106,6	167,5	128,5	143,9
3	Vốn đầu tư	170,8	291,3	280,6	155,8	486,5
4	Khấu hao	36,1	38,9	44,7	51,2	47,4
5	Vốn điều lệ	132,0	132,0	145,2	159,7	199,6
6	Tổng tài sản	972,4	1.241,9	1.448,8	1.555,6	1.848,6
7	Cổ tức (%)	40,0	50,0	60,0	50,0	Dự kiến 40

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Tăng/ Giảm
	Tài sản ngắn hạn	942.363	1.237.599	31,33%
1	Tiền & các khoản tương đương tiền	219.351	221.286	0,88%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	266.354	335.661	26,02%
3	Hàng tồn kho	419.788	628.795	49,79%
4	Tài sản ngắn hạn khác	4.853	10.124	108,59%
	Tài sản dài hạn	613.285	610.984	-0,38%
1	Tài sản cố định	363.113	338.960	-6,65%
2	Tài sản dở dang dài hạn	214.790	241.872	12,61%
3	Bất động sản đầu tư	18.724	17.359	-7,29%
	Tổng tài sản	1.555.648	1.848.583	18,83%

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng giá trị tài sản tăng 18,83% so với cùng thời điểm 2021, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 31,33%, chiếm 67% trên tổng tài sản. Với đặc điểm kinh doanh của TICCO có hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công các công trình diễn ra thường xuyên, do đó lượng hàng tồn kho và phải thu của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao, trong năm lượng hàng tồn kho có sự tăng mạnh chủ yếu đến từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chiếm tỷ trọng lớn nhất, tăng 90,63% so với cùng kỳ năm 2021 từ các dự án kinh doanh bất động sản mà Công ty đang triển khai, trong đó năm 2022 hạch toán tăng thêm đối với dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường. Ngược lại, tài sản dài hạn giảm nhẹ 0,38% so với cùng kỳ năm 2021. Chủ yếu đến từ việc Công ty thanh lý chuyển nhượng tài sản cố định là căn hộ tại dự án Sunrise Cityview và tài sản tại dự án Khu 490 Đinh Bộ Lĩnh.



Tình hình nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Tăng/ Giảm
	Nợ phải trả	1.025.071	1.206.846	17,73%
1	Nợ ngắn hạn	776.322	898.164	15,69%
2	Nợ dài hạn	248.749	308.683	24,09%
	Vốn chủ sở hữu	530.577	641.737	20,95%
1	Vốn góp chủ sở hữu	159.713	199.639	25,00%
2	LNST chưa phân phối	222.635	267.415	20,11%
	Tổng nguồn vốn	1.555.648	1.848.583	18,83%

Về tình hình nguồn vốn, nợ phải trả vẫn chiếm 65% trên tổng nguồn vốn, tăng 17,73% tại thời điểm cuối năm 2022. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm 76% nợ phải trả, hai khoản chiếm tỷ trọng lớn nhất là người mua trả trước tiền bán tăng 61,5% và phải trả người bán cũng tăng nhẹ 6,44%, qua đó cho thấy TICCO đang có các lợi thế nhất định trong chính sách thương mại bán hàng nhờ uy tín mà Công ty đã xây dựng trên thị trường. Bên cạnh đó, trong năm 2022, nợ dài hạn của Công ty cũng tăng 24,09% chủ yếu đến từ khoản nợ vay ngân hàng nhằm huy động cho các dự án bất động sản dài hạn mà TICCO đang triển khai. Về vốn chủ sở hữu cũng tăng hơn 20% trong năm 2022 là do Công ty thực hiện tăng vốn do phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ là 25%, tương đương 39.925.870.000 đồng về giá trị.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 663 người.

- Ban Tổng giám đốc gồm có 05 người.
- Công tác tổ chức và nhân sự cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, các chế độ chính sách cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động được quan tâm thường xuyên.

Ban Tổng giám đốc của TICCO không ngừng nghiên cứu, đưa ra những bước cải tiến trong hoạt động quản lý nhằm tiết kiệm chi phí, tăng cường tài sản nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động của toàn Công ty. Tháng 06/2022, Hội đồng quản trị đã ra Quyết định thành lập Ban chuyển đổi số Công ty, nhằm nghiên cứu triển khai áp dụng công nghệ khoa học vào các quy trình giám sát dự án, tiến độ thi công để giảm bớt nguồn lực lao động tại các quy trình này, đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023	%tăng/giảm
1	Doanh thu thuần hợp nhất	1.648	1.668,9	1,3%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	143,9	150,0	4,2%
3	Giá trị đầu tư	486,5	573,2	17,8%
4	Vốn điều lệ	199,6	229,5	15,0%
5	Cổ tức (%)	Dự kiến 40	40	-

Về tổ chức nhân sự

Tiếp tục rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp. Phân công quyền hạn và trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên trong Ban Tổng giám đốc. Đào tạo, luân chuyển đội ngũ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Xây dựng bộ máy tổ chức Công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động phát triển.

Về công tác tài chính

Tiếp tục tăng cường công tác về quản trị tài chính, thực hiện nâng cao năng lực tài chính, tái cấu trúc nguồn vốn hoạt động để đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty. Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh. Điều chỉnh, bổ sung các quy chế về tài chính phù hợp với yêu cầu phát triển.

Về triển khai thực hiện và kinh doanh các dự án

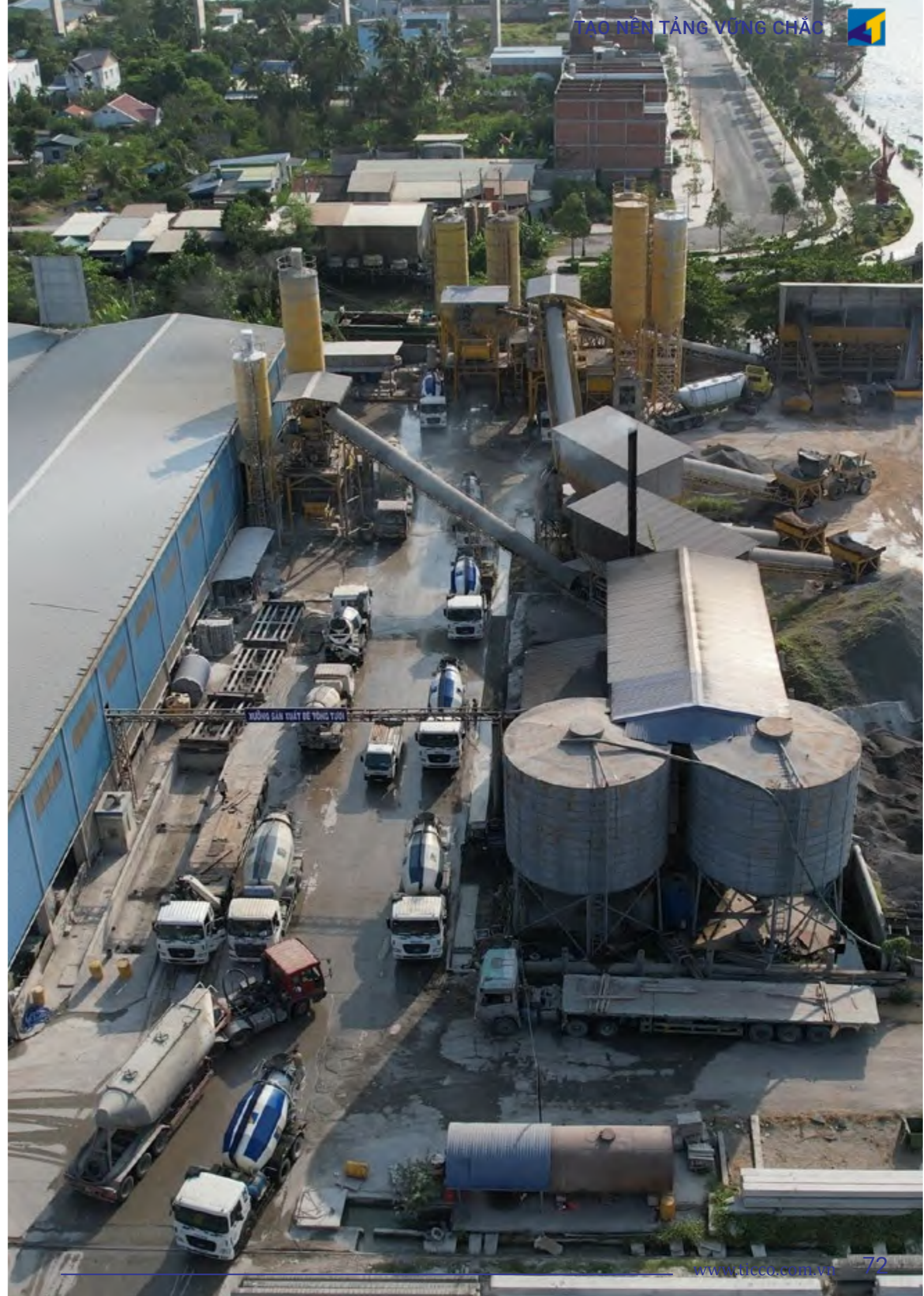
Nghiên cứu sắp xếp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án. Chủ động, phối hợp với các Sở ban ngành để giải quyết các vấn đề về thủ tục đầu tư, công tác quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, công tác bồi thường, báo cáo tác động môi trường... Tăng cường công tác tiếp thị, bán hàng và xúc tiến đầu tư vào các dự án.

Về công tác đầu tư

Bám sát các mục tiêu chiến lược đã được phê duyệt. Tăng cường quản lý và sử dụng vốn đầu tư hiệu quả. Thực hiện triển khai các công tác liên quan đến chuyển đổi số và các ứng dụng công nghệ mới.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào trong hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là nguồn tài nguyên hữu hạn như: thép, cát, đá, xi măng. Do đó, việc sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu đầu vào, tránh gây lãng phí là một trong những mục tiêu hàng đầu trong công cuộc phát triển bền vững của Công ty nói riêng và mục tiêu bảo vệ môi trường cộng đồng nói chung. Công ty tập trung đầu tư các hệ thống cân đo hiện đại đảm bảo độ chính xác tỷ lệ các nguồn nguyên liệu trong quá trình sản xuất các sản phẩm bê tông, đồng thời thường xuyên kiểm tra giám sát hệ thống trạm trộn, xe bồn và các công trình thi công nhằm tránh gây thất thoát nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuyên truyền nhắc nhở các cán bộ người lao động toàn Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm và ủng hộ các sáng kiến giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, không gây tác hại đến môi trường.

Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng chính của công ty là: Điện và xăng dầu, Hoạt động tiêu thụ năng lượng của Công ty luôn được kiểm soát và áp dụng các biện pháp thi công, sản xuất tiên tiến đạt được mức tiết kiệm năng lượng tối đa, nhằm sử dụng hiệu quả và mang lại giá trị cao nhất cho sản phẩm. Hàng năm công ty có tổng kết phong trào phát huy sáng tạo tiết kiệm năng lượng.

Tiêu thụ nước

Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án đều được thu gom và xử lý, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung trong khu vực thực hiện công trình, dự án.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ các quy định về môi trường nên trong quá trình sản xuất kinh doanh, xây dựng và thi công công ty không bị vi phạm và không bị xử phạt về vi phạm môi trường, định kỳ cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường cũng như công tác phòng cháy chữa cháy của Công ty.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Đối với TICCO, lực lượng lao động là nguồn tài sản lớn nhất mà Công ty có. Do đó, Công ty luôn chú trọng trong việc nghiên cứu, cải tiến các chính sách đối với người lao động, đảm bảo toàn thể nhân viên của Công ty được hưởng đầy đủ các lợi ích, quyền lợi theo quy định của Pháp luật. Chính sách lương thưởng, đãi ngộ được Công ty thực hiện dựa trên tiêu chí công khai, minh bạch, đảm bảo người lao động được hưởng mức đãi ngộ tương xứng với thành quả mà họ tạo ra. Đồng thời, Ban Tổng giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện để người lao động có thể tổ chức các hoạt động đoàn thể, giải trí ngoại khóa nhằm giải tỏa căng thẳng sau những ngày làm việc mệt mỏi, gia tăng sức mạnh đoàn kết trong nội bộ Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất, TICCO đóng góp tích cực vào các hoạt động an sinh xã hội tại cộng đồng địa phương. Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị địa phương tổ chức các hoạt động thiện nguyện như thăm hỏi, phát quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cựu chiến binh, những người có công với Cách mạng, những học sinh nghèo vượt khó trong học tập,... Bên cạnh đó, lấy công tác xã hội là cầu nối để doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng; kết nối toàn thể nhân viên, gia tăng tinh thần tương thân tương ái trong nội bộ.

Đối với cổ đông, Công ty luôn minh bạch hóa các hoạt động kinh doanh, thường xuyên cập nhật thông tin nhằm củng cố niềm tin và thúc đẩy mối quan hệ giữa công ty với nhà đầu tư thành một khối thống nhất vững chắc. Thông qua các hoạt động nêu trên, Công ty đã được các cấp chính quyền công nhận thành tích đóng góp và biểu dương hàng năm, đồng thời tạo được hình ảnh tốt đẹp đối với cộng đồng và thương hiệu uy tín trên thị trường.





04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về kết quả sản xuất kinh doanh

Đối mặt với thị trường bất động sản, xây dựng năm 2022 ảm đạm, bằng sự chỉ đạo sát sao của Ban Tổng giám đốc cùng sự nỗ lực của toàn thể các cán bộ, người lao động Công ty. Doanh thu thuần hợp nhất của TICCO đạt 1.648 tỷ đồng (tăng 25% so với năm 2021), Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 143,9 tỷ đồng (tăng 11,96% so với năm 2021), lần lượt đạt 102,6% và 83,2% kế hoạch năm 2022.

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH 2022/ KH 2022	%tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	1.319	1.606	1.648	102,6%	24,95%
2	Lợi nhuận sau thuế	128,6	172	143,9	83,7%	11,91%
3	Giá trị đầu tư	155,8	600	486,5	81,10%	212,26%
4	Vốn điều lệ	159,7	199,6	199,6	100,00%	24,98%
5	Cổ tức (%)	50	40	Dự kiến 40	100%	-20%

Về công tác đầu tư

Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2022 là: 486,5 tỷ đồng, đạt 81,10% kế hoạch.

Trong năm 2022, HĐQT đã phê duyệt điều chỉnh vốn đầu tư 2 dự án trọng điểm của Công ty, cụ thể:

- Dự án đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường tại thị xã Gò Công với qui mô đầu tư là 7,61 ha cho xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh, chuyển nhượng nhà cho khách hàng có nhu cầu. Vốn đầu tư dự kiến: 632.117.955.259 đồng.
- Dự án đường D7 và khu dân cư 2 bên đường tại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang với qui mô đầu tư: 6,15 ha cho xây dựng nhà ở, hạ tầng kỹ thuật và kinh doanh bất động sản. Vốn đầu tư dự kiến: 832.685.102.585 đồng.

Về cổ tức

Mức cổ tức năm 2022 dự kiến trình ĐHCĐ là 40% (bằng tiền mặt 25% và cổ phiếu 15%). Trong đó đã tạm ứng bằng tiền mặt 20%.

Về kế hoạch tăng vốn điều lệ

Thực hiện phương án đã được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua, ngày 25/07/2022, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hồ sơ xin cấp phép Ủy ban chứng khoán nhà nước, nhận thấy tình hình thị trường không thuận lợi cho kế hoạch tăng vốn, HĐQT đã có quyết định 76/NQ-HĐQT ngày 07/11/2022 về việc tạm dừng thực hiện chào bán và sẽ báo cáo tại ĐHCĐ thường niên năm 2023.

Về hoạt động quản trị, môi trường và phát triển bền vững

HĐQT tiếp tục nâng cao quản trị doanh nghiệp và định hướng các chính sách phát triển bền vững. Rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp.

Đối với TICCO, trách nhiệm với môi trường và xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng trong chính sách phát triển của Công ty. Do đó, Công ty luôn theo dõi và tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách liên quan đến môi trường và an sinh xã hội do pháp luật đề ra. Nhờ sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể cán bộ, công nhân viên, trong năm 2022, Công ty không vi phạm lỗi liên quan đến môi trường. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty vẫn duy trì tốt hoạt động thiện nguyện nhằm hỗ trợ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn tỉnh Tiền Giang.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc được thực hiện căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty trong năm 2022, thông qua các hoạt động sau:

Hội đồng quản trị luôn rà soát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra tại các cuộc họp trong năm và thông qua các Nghị quyết để Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc làm cơ sở triển khai thực hiện;

Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng quý để có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được báo cáo, phân tích và giải quyết kịp thời;

Tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh để có biện pháp chỉ đạo kịp thời. Giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thường xuyên tổ chức hội ý và trao đổi trong công tác quản lý điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và xử lý các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong mọi hoạt động của công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ phát triển và Ban kiểm toán nội bộ

Hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ phát triển

- Các hoạt động hỗ trợ Công ty về tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2022;
- Hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty về hoạch định công tác nhân sự, tiền lương và chuyển đổi số;
- Nghiên cứu xây dựng chiến lược và định hướng phát triển Công ty đến 2031;
- Hỗ trợ hoạch định chiến lược nguồn vốn và thực hiện các dự án của Công ty;
- Hoạch định kế hoạch tăng vốn và chiến lược phát triển các Công ty thành viên;

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

- Thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch.
- Phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty, rà soát, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.
- Công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc: Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT trên cơ sở điều hành Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua. Trong công tác quản trị, điều hành, Ban Tổng giám đốc luôn tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.
- Công tác giám sát hoạt động tài chính, kế toán: Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ, hệ thống thông tin kế toán và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.
- Hỗ trợ, tham vấn các công tác về tài chính, nghiệp vụ chuyên môn; tham vấn, góp ý xây dựng các quy chế nội bộ của Công ty.
- Phối hợp với Kiểm toán độc lập trong công tác kiểm

kê tài sản, nguyên vật liệu, thành phẩm, khối lượng dở dang phục vụ công tác soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

- Thẩm tra quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.

Trong năm 2022, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và đem lại hiệu quả cho Công ty. Các thành viên HĐQT được đánh giá tốt, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, có đóng góp thiết thực, hiệu quả. Các ý kiến đóng góp đề xuất được ghi nhận và triển khai. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình về quản trị Công ty, ngày càng nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động quản trị. Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng trình tự thủ tục, đảm bảo số lượng các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt sự đồng thuận cao. Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành 91 Nghị quyết và Quyết định. Các Nghị quyết của HĐQT luôn sát với mục tiêu kế hoạch, kiểm soát tình hình thực tế, đưa ra những giải pháp phù hợp để đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về chiến lược phát triển

Tiếp tục tập trung đầu tư vào lĩnh vực chính là kinh doanh bất động sản và hạ tầng khu/cụm công nghiệp; sản xuất kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn. Xây dựng chiến lược phát triển phù hợp giai đoạn 2022-2026.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023

- Doanh thu thuần hợp nhất: 1.669 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 150 tỷ đồng;
- Tổng giá trị đầu tư: 573 tỷ đồng;
- Cổ tức: 40%

Tiếp tục nâng cao công tác quản trị và phát triển bền vững

Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị Công ty, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất làm việc. Tiếp tục rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp. Tăng cường công tác quản trị và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ và Tiểu ban hỗ trợ phát triển.

Các giải pháp thực hiện mục tiêu

Định hướng đầu tư

Phát huy các lợi thế sẵn có của công ty để tăng doanh thu và lợi nhuận trên các mảng kinh doanh chủ yếu của công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh Bất động sản và Bê tông. Xây dựng và quản lý chặt chẽ kế hoạch tài chính gắn liền với chiến lược phát triển của doanh nghiệp, phát triển công ty theo mô hình năng động, linh hoạt tập trung vào các ngành nghề cốt lõi, có lợi thế của TICCO. Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao. Tập trung củng cố phát triển mặt hàng chủ lực của Công ty, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường.

Từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có các định hướng đầu tư như sau:

Về kinh doanh bất động sản: Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, văn phòng, kho xưởng cho thuê và bất động sản căn hộ .

Về kinh doanh bê tông: Sẵn sàng đầu tư thích đáng theo yêu cầu để mở rộng địa bàn, thị phần kinh doanh, tăng năng lực cung ứng và phát triển thêm sản phẩm mới. Xây dựng thêm nhà máy bê tông và các trạm bê tông vệ tinh.

Về thi công xây dựng: Duy trì củng cố trên nền tảng hiện hữu

Công tác quản trị và nhân sự

Tiếp tục nâng cao công tác quản trị và phát triển bền vững: Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất làm việc. Tiếp tục rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp. Tăng cường công tác quản trị và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ và Tiểu ban hỗ trợ phát triển.

Lựa chọn nhân sự có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách quy hoạch nhằm chủ động có kế hoạch

Công tác tài chính

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý tài chính kế toán, nợ phải thu phải trả, củng cố hoàn thiện bộ máy kế toán để quản lý tốt nguồn vốn. Rà soát lại các nguồn vốn để xây dựng kế hoạch sử dụng vốn trong thời gian tới.

Thường xuyên tiến hành phân tích hoạt động tài chính để đánh giá về thực trạng tài chính của Công ty. Thực hiện tốt việc tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí đầu vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ để tăng cường tính cạnh tranh của Công ty trên thị trường;

bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân sự kế thừa. Thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực gắn liền với đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, thực hiện các chính sách đãi ngộ nhân viên.

Tái cấu trúc bộ máy tổ chức Công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động Công ty cổ phần và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.

Tăng cường việc mời gọi, huy động và tiếp cận các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, sử dụng hợp lý nguồn vốn đã được huy động và quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch, chính xác. Tái cấu trúc nguồn vốn hoạt động để đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty.

Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh.

Công tác khác

Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội hiện đại.

Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi con người trong tập thể TICCO.

Lấy công tác xã hội là cầu nối để doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng để cùng phát triển. Với sự chung tay của toàn thể nhân viên, TICCO thường xuyên tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ cộng đồng bằng tinh thần tương thân tương ái.

Việc đầu tư kinh doanh của Công ty đặc biệt tuân thủ các Quy định và luật về môi trường do chính phủ ban hành.

Minh bạch hóa các hoạt động kinh doanh, cập nhật thông tin thường xuyên nhằm củng cố niềm tin và thúc đẩy mối quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà đầu tư thành một khối thống nhất vững chắc.

Ứng dụng công nghệ và đẩy nhanh chuyển đổi số trong doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển. Chuyển đổi số là ưu tiên chiến lược bậc nhất, là vấn đề sống còn của Công ty ngay từ bây giờ và phải có được những kết quả quan trọng trong một hai năm tới đây. Biến đổi phương thức tư duy và cách làm hiện tại sang một cách làm hoàn toàn khác biệt để nắm bắt các cơ hội tăng trưởng bền vững thông qua đổi mới sáng tạo. Có thể thay thế một phần hoặc hoàn toàn một vài bộ phận của Công ty và cách thức vận hành để thu được nhiều giá trị hơn với chi phí được tối thiểu hóa. Để thay đổi diễn ra cần có sự cam kết thống nhất toàn diện từ Ban TGD đến từng phòng ban chức năng, lập Ban Chuyển đổi số TICCO (TICCO Digital). Liên tục theo dõi các xu thế, liên tục thử nghiệm, thích nghi.

Liên tục đào tạo, đào tạo lại và trang bị cho đội ngũ nhân viên kỹ năng phối hợp hiệu quả với công nghệ mới trong công việc. Đầu tư cho tự học và khuyến khích tự học, lập quỹ khen thưởng cho những thành tích trong tự học.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (Tại ngày 22/12/2022)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Hoàng Huân	Chủ tịch HĐQT	895.998	4,49%
2	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch HĐQT	984.383	4,93%
3	Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên HĐQT	900.005	4,51%
4	Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên HĐQT không điều hành	1.068.423	5,35%
5	Bà Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên độc lập HĐQT	29.801	0,15%
6	Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên độc lập HĐQT	68	0,00%

Thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2022

Ngày 22/04/2022, Ông Lê Vinh Hiến được miễn nhiệm thành viên HĐQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022. Ông Phạm Văn Hậu được bầu cử bổ sung làm thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2026.



ÔNG TRẦN HOÀNG HUÂN CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1969

Giới tính: Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Nông

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có



ÔNG NGUYỄN THANH NGHĨA PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1976

Giới tính: Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế học

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

◇ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO;

◇ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước.



ÔNG VŨ HUY GIÁP THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1977

Giới tính: Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có



BÀ NGUYỄN THỊ HƯƠNG
THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Năm sinh: 1958
Nơi sinh: Châu Thành, Tiền Giang
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sinh – KT Nông nghiệp
Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có
Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có



BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Năm sinh: 1982
Nơi sinh: Châu Thành, Tiền Giang
Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có
Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có



ÔNG PHẠM VĂN HẬU
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Năm sinh: 1987
Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh; Cử nhân kế toán
Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có
Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:

- ◊ Giám đốc Tài chính – Công ty Cổ phần Xây dựng Gia Thy;
- ◊ Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghiệp – Thương mại Củ Chi;
- ◊ Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Gạch ngói gốm Xây dựng Mỹ Xuân.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có 2 tiểu ban trực thuộc bao gồm: Ban kiểm toán nội bộ và Tiểu ban hỗ trợ phát triển. Hoạt động của 2 tiểu ban trong năm 2022 như sau:

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

Thực hiện công tác kiểm toán theo kế hoạch.
Phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty, rà soát, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.
Công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc: Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT trên cơ sở điều hành Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua. Trong công tác quản trị, điều hành, Ban Tổng giám đốc luôn tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, và các quy định quản trị nội bộ của Công ty.
Công tác giám sát hoạt động tài chính, kế toán: Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ, hệ thống thông tin kế toán và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.
Hỗ trợ, tham vấn các công tác về tài chính, nghiệp vụ chuyên môn; tham vấn, góp ý xây dựng các quy chế nội bộ của Công ty.
Phối hợp với Kiểm toán độc lập trong công tác kiểm kê tài sản, nguyên vật liệu, thành phẩm, khối lượng dở dang phục vụ công tác soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022. Thẩm tra quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.

Hoạt động của Tiểu ban hỗ trợ phát triển

Các hoạt động hỗ trợ Công ty về tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2022;
Hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty về hoạch định công tác nhân sự, tiền lương và chuyển đổi số;
Nghiên cứu xây dựng chiến lược và định hướng phát triển Công ty đến 2031;
Hỗ trợ hoạch định chiến lược nguồn vốn và thực hiện các dự án của Công ty;
Hoạch định kế hoạch tăng vốn và chiến lược phát triển các Công ty thành viên;

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Hoàng Huân	18	100%	
2	Nguyễn Thanh Nghĩa	18	100%	
3	Vũ Huy Giáp	18	100%	
4	Nguyễn Thị Hường	18	100%	
5	Nguyễn Thị Trúc Giang	18 (17 cuộc tham dự trực tiếp, 1 cuộc ủy quyền)	100%	
6	Phạm Văn Hậu	13	72,22%	Được bầu vào HĐQT kể từ ngày 22/04/2022
7	Lê Vinh Hiến	4 (3 cuộc tham dự trực tiếp, 1 cuộc ủy quyền)	22,22%	Không còn là TV HĐQT kể từ ngày 22/04/2022

Hội đồng quản trị đã tổ chức 18 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	10/01/2022	Bổ sung ngành nghề kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO (TICCOLAND)	100%
2	02/NQ-HĐQT	03/01/2022	Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Trạm trộn bê tông tươi tại khu vực Bến Tre thuộc tỉnh Bến Tre	100%
3	03/NQ-HĐQT	28/02/2022	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt	100%
4	04/NQ-HĐQT	28/02/2022	Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
5	05/NQ-HĐQT	28/02/2022	Bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	100%
6	06/NQ-HĐQT	28/02/2022	Bổ nhiệm Trưởng Văn phòng Hội đồng quản trị	100%
7	07/NQ-HĐQT	28/02/2022	Bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính Kế toán	100%
8	08/NQ-HĐQT	01/03/2022	Bổ sung nhân sự vào Tiểu ban hỗ trợ phát triển	100%

9	09/NQ-HĐQT	01/03/2022	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
10	10/NQ-HĐQT	01/03/2022	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
11	11/NQ-HĐQT	01/03/2022	Thông qua bổ nhiệm và tái bổ nhiệm các chức danh tại các đơn vị thành viên	100%
12	12/NQ-HĐQT	01/03/2022	Thông qua danh mục các nội dung dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
13	13/NQ-HĐQT	01/03/2022	Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2021	100%
14	14/NQ-HĐQT	01/03/2022	Phê duyệt quyết toán tiền lương và thù lao cán bộ quản lý	100%
15	15/NQ-HĐQT	01/03/2022	Đầu tư cầu trục dầm đôi (20+20) tấn cho xưởng cọc vuông tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
16	16/NQ-HĐQT	01/03/2022	Đầu tư khuôn dầm I33 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
17	17/NQ-HĐQT	01/03/2022	Tạm dừng việc mua lại cổ phần của Cổ đông thiểu số tại Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	100%
18	18/NQ-HĐQT	01/03/2022	Kinh doanh tại Cụm công nghiệp Gia Thuận 1	100%
19	19/NQ-HĐQT	02/03/2022	Thanh lý căn hộ thuộc dự án Sunrise Cityview	100%
20	20/NQ-HĐQT	30/03/2022	Thanh lý các tài sản tại Khu 490 Đinh Bộ Lĩnh	100%
21	21/NQ-HĐQT	30/03/2022	Thông qua danh mục các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
22	22/NQ-HĐQT	30/03/2022	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm toán nội bộ	100%
23	23/NQ-HĐQT	30/03/2022	Thông qua các Báo cáo đại diện quản lý vốn năm 2021 của các đơn vị thành viên	100%
24	24/NQ-HĐQT	30/03/2022	Ủy quyền thực hiện dự án và ủy quyền vay vốn, thế chấp cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước tại BIDV - CN Tiền Giang	100%
25	25/NQ-HĐQT	22/04/2022	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
26	26/NQ-HĐQT	22/04/2022	Bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
27	27/NQ-HĐQT	22/04/2022	Phân công thường trực Hội đồng quản trị	100%
28	28/NQ-HĐQT	22/04/2022	Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
29	29/NQ-HĐQT	25/04/2022	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021	100%
30	30/NQ-HĐQT	19/05/2022	Chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	100%
31	31/NQ-HĐQT	19/05/2022	Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt	100%
32	32/NQ-HĐQT	19/05/2022	Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022	100%
33	33/NQ-HĐQT	14/06/2022	Ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty phân bổ vốn điều lệ cho các đơn vị thành viên TICCO	100%
34	34/NQ-HĐQT	14/06/2022	Chọn câu slogan của Công ty	100%
35	35/NQ-HĐQT	14/06/2022	Chọn công ty kiểm toán để thực hiện việc soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	100%
36	36/NQ-HĐQT	14/06/2022	Tạm ngừng thực hiện dự án Trạm trộn bê tông tươi tại Khu vực Bến Tre thuộc tỉnh Bến Tre	100%
37	37/NQ-HĐQT	14/06/2022	Ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO vay vốn/bảo lãnh tại BIDV - CN Tiền Giang	100%
38	38/NQ-HĐQT	14/06/2022	Ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO vay vốn/bảo lãnh tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tiền Giang	100%
39	39/NQ-HĐQT	14/06/2022	Phân công Người đại diện vốn và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
40	40/NQ-HĐQT	14/06/2022	Phân công Người đại diện vốn và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
41	41/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thông qua bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
42	42/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thông qua bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
43	43/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thông qua bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch và Kiểm soát viên tại các Công ty con trực thuộc của Công ty TNHH MTV	100%
44	44/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thông qua tái bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%

45	45/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thông qua bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
46	46/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thông qua bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
47	47/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thông qua miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
48	48/NQ-HĐQT	14/06/2022	Về công tác nhân sự trong hệ thống TICCO	100%
49	49/NQ-HĐQT	14/06/2022	Thành lập Ban chuyển đổi số Công ty	100%
50	50/NQ-HĐQT	14/06/2022	Quý lương gián tiếp và kinh doanh Công ty năm 2022	100%
51	51/NQ-HĐQT	14/06/2022	Điều chỉnh dự án xây dựng bờ kè bảo vệ Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	100%
52	52/NQ-HĐQT	14/06/2022	Điều chỉnh định hướng phát triển khu 490 Đình Bộ Lĩnh	100%
53	53/NQ-HĐQT	14/06/2022	Điều chuyển ô tô con tại 02 Công ty Bê tông TICCO	100%
54	54/NQ-HĐQT	21/06/2022	Phê duyệt dự án đầu tư Đường D7 và Khu dân cư hai bên đường	100%
55	55/NQ-HĐQT	24/06/2022	Tăng vốn điều lệ Công ty sau khi kết thúc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021	100%
56	56/NQ-HĐQT	28/06/2022	Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 13 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
57	57/NQ-HĐQT	01/07/2022	Điều chỉnh ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại BIDV - CN Tiền Giang	100%
58	58/NQ-HĐQT	01/07/2022	Điều chỉnh ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại BIDV - CN Tiền Giang	100%
59	59/NQ-HĐQT	25/07/2022	Chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100%
60	60/NQ-HĐQT	25/07/2022	Kế hoạch chi trả lương, thưởng, bảo hiểm cho người lao động và các khoản thù lao của Công ty trong năm 2023	100%
61	61/NQ-HĐQT	25/07/2022	Triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
62	62/NQ-HĐQT	25/07/2022	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100%
63	63/NQ-HĐQT	08/08/2022	Tái bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
64	64/NQ-HĐQT	08/08/2022	Tái bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
65	65/NQ-HĐQT	01/10/2022	Thông qua bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
66	66/NQ-HĐQT	01/10/2022	Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư dự án Đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường	100%
67	67/NQ-HĐQT	01/10/2022	Đầu tư xây dựng 06 căn biệt thự tại dự án Đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường	100%
68	68/NQ-HĐQT	01/10/2022	Đầu tư khuôn cấu kiện giảm sóng kè đê biển tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
69	69/NQ-HĐQT	01/10/2022	Đầu tư mở rộng xưởng sản xuất cọc vuông, gổi cồng tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%
70	70/NQ-HĐQT	01/10/2022	Đầu tư khu thể thao tại Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	100%
71	71/NQ-HĐQT	25/10/2022	Bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
72	72/NQ-HĐQT	25/10/2022	Phê duyệt tiền lương	100%
73	73/NQ-HĐQT	25/10/2022	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
74	74/NQ-HĐQT	25/10/2022	Phê duyệt Dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và Khu dân cư hai bên đường	100%
75	75/NQ-HĐQT	27/10/2022	Ủy quyền Tổng giám đốc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại BIDV - CN Tiền Giang	100%
76	76/NQ-HĐQT	07/11/2022	Tạm dừng thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
77	77/NQ-HĐQT	17/11/2022	Điều chỉnh Nghị quyết 54/NQ-HĐQT ngày 21/06/2022 về việc phê duyệt dự án đầu tư Đường D7 và khu dân cư hai bên đường	100%

78	78/NQ-HĐQT	17/11/2022	Thông qua vay vốn tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang để thực hiện đầu tư dự án đường D7 và Khu dân cư hai bên đường	100%
79	79/NQ-HĐQT	05/12/2022	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền mặt	100%
80	80/NQ-HĐQT	05/12/2022	Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại BIDV - CN Tiền Giang	100%
81	81/NQ-HĐQT	05/12/2022	Thông qua phương án vay vốn, bảo lãnh và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn, bảo lãnh, mở L/C, thế chấp tại BIDV - CN Tiền Giang	100%
82	82/NQ-HĐQT	05/12/2022	Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	100%
83	83/NQ-HĐQT	05/12/2022	Thông qua việc bổ sung chức danh quản lý tại 02 Công ty Bê tông	100%
84	84/NQ-HĐQT	05/12/2022	Trích quỹ Khen thưởng - Phúc lợi	100%
85	85/NQ-HĐQT	07/12/2022	Điều chỉnh dự án đầu tư xưởng sản xuất cọc vuông, gổi cồng tại Công ty TNHH MTV TICCO Tân Phước	100%
86	86/NQ-HĐQT	15/12/2022	Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản TICCO (TICCOLAND)	100%
87	87/NQ-HĐQT	28/12/2022	Thông qua vay vốn và ủy quyền cho Giám đốc Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước vay vốn tại BIDV - CN Tiền Giang	100%
88	01/QĐ-HĐQT	21/03/2022	Điều chuyển 03 xe chuyển trộn bê tông nhãn hiệu Hyundai HD270 từ Công ty mẹ về Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
89	02/QĐ-HĐQT	20/05/2022	Ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 12 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	100%
90	57A/QĐ-HĐQT	01/07/2022	Phê duyệt kế hoạch đầu tư, mua sắm các tài sản cố định năm 2022 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	100%
91	58A/QĐ-HĐQT	04/07/2022	Phê duyệt kế hoạch đầu tư, mua sắm các tài sản cố định năm 2022 tại Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước	100%

Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó; Tham gia đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề cần sự quyết định của Hội đồng quản trị; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động theo phân công công việc của Hội đồng quản trị. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022, thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhận thấy:

Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đầy đủ các quy định đối với công ty đại chúng.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp mở rộng theo đúng quy định của Điều lệ. Các nội dung cuộc họp được các thành viên Hội đồng quản trị thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những quyết định, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Biên bản các cuộc họp được lập đầy đủ, chi tiết và rõ ràng có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Các vấn đề liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoạt động của doanh nghiệp và xây dựng hệ thống quản lý đã được Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.

Các quyết định của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc. Các thành viên Hội đồng quản trị giữ chức danh Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc đã thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Tổng giám đốc; kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị những kết quả đạt được cũng như những khó khăn vướng mắc, qua đó giúp Hội đồng quản trị nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Không có

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (Tại ngày 22/12/2022)	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng Ban	15.675	0,08%
2	Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên	22.226	0,11%
3	Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên	7.540	0,04%

Trong năm 2022, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022 bao gồm: Ông Trương Bích Huyền, Ông Phan Trọng Liêm và Bà Phạm Thị Xuân Lan đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/04/2022 thông qua miễn nhiệm. Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bổ nhiệm gồm các ông bà như bảng trên.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát có tổ chức 5 cuộc họp:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Trương Bích Huyền	1	20%	100%	Không còn là TV BKS kể từ ngày 22/04/2022
2	Phan Trọng Liêm	1	20%	100%	Không còn là TV BKS kể từ ngày 22/04/2022
3	Phạm Thị Xuân Lan	1	20%	100%	Không còn là TV BKS kể từ ngày 22/04/2022
4	Nguyễn Tiến Nhân	4	80%	100%	Được bầu vào BKS kể từ ngày 22/04/2022
5	Đoàn Thị Hồng Cẩm	4	80%	100%	Được bầu vào BKS kể từ ngày 22/04/2022
6	Nguyễn Kiều Diễm Trang	4	80%	100%	Được bầu vào BKS kể từ ngày 22/04/2022

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc

Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quy định nội bộ trong việc ban hành và triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Giám sát công ty trong việc tuân thủ theo các quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng;

Lựa chọn và đề xuất danh sách các công ty kiểm toán độc lập được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022 theo quyết định số 2141/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/11/2021 để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm của các công ty con trong hệ thống TICCO, Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất;

Giới thiệu danh sách ứng viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022-2026 để trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Phối hợp Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thẩm định tính hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày các nội dung trong báo cáo tài chính của công ty kỳ 6 tháng và cuối năm.

Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty về việc cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu các cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; Báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua đó Ban kiểm soát luôn bám sát kịp thời các thông tin trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
I Hội đồng quản trị					
1	Trần Hoàng Huân	Chủ tịch	320.091.129	403.658.840	74.000.000
2	Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch	320.091.129		
3	Vũ Huy Giáp	Thành viên	320.091.129		
4	Lê Vinh Hiển	Thành viên	240.091.129		
5	Nguyễn Thị Hường	Thành viên	320.091.129		
6	Phạm Văn Hậu	Thành viên	80.000.000		
7	Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên	320.091.128	48.000.000	
II Ban kiểm soát					
1	Trương Bích Huyền	Trưởng ban	36.000.000		
2	Phan Trọng Liêm	Thành viên	32.000.000		
3	Phạm Thị Xuân Lan	Thành viên	32.000.000		
4	Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng Ban	72.000.000	161.390.415	
5	Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên	64.000.000	214.491.217	
6	Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên	64.000.000	126.917.743	
III Ban Tổng giám đốc					
2	Vũ Huy Giáp	Tổng giám đốc		558.560.000	74.000.000
3	Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng giám đốc		441.280.000	74.000.000
4	Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng giám đốc		441.280.000	74.000.000
5	Lê Mỹ Phượng	Kế toán trưởng		347.160.000	46.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông – Thủy lợi Tiền Giang	Tổ chức có liên quan Người nội bộ - Nguyễn Hữu Hiệp – Phó Tổng giám đốc	95,500	0.60%	74,300	0.47%	Bán
	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông – Thủy lợi Tiền Giang	Tổ chức có liên quan Người nội bộ - Nguyễn Hữu Hiệp – Phó Tổng giám đốc	74,300	0.47%	92,200	0.58%	Bán, Mua
3	Nguyễn Thị Hường	Thành viên HĐQT	1,208,123	6.05%	1,108,123	5.55%	Bán
4	Nguyễn Thị Hường	Thành viên HĐQT	1,108,123	5.55%	1,078,423	5.40%	Bán
5	Vũ Huy Giáp	Thành viên HĐQT kiêm TGD	868,005	4.35%	900,005	4.50%	Mua

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2011, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty. Đồng thời, HĐQT thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn để nâng cao hiệu quả quản trị. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo đúng hướng dẫn của quy định hiện hành.



Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú	
1	Công ty TNHH MTV Bê Tông TICCO Tân Phước	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1201602574 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 4/7/2022 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	31/03/2022		Cho thuê thiết bị	248,600,301	Hợp đồng số 06/HĐ.2019/BT.TIC-COTANPHUOC ngày 01 tháng 07 năm 2019
					30/06/2022		Cho thuê thiết bị	244,518,850	
					29/09/2022		Cho thuê thiết bị	239,682,818	
					28/12/2022		Cho thuê thiết bị	234,773,685	
2	Công ty TNHH MTV Bê Tông TICCO	Công ty con			31/03/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	1.253.744.394	22/HĐ2018/TICCO ngày 01 tháng 07 năm 2018 và các phụ lục
					30/06/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	988.246.193	
					31/03/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	284.432.064	Hợp đồng số 01/HĐ2021/TICCO ngày 01/10/2021
					30/06/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	324.334.729	
					31/03/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	533.287.594	Hợp đồng số 02/HĐ2021/TICCO ngày 01/10/2021
					30/06/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	476.636.727	
					31/03/2022		Cho thuê đất	89.592.000	Hợp đồng số 05/HĐTĐ/2019 ngày 01/09/2019 và Hợp đồng số 12/HĐTĐ/2019 ngày 01/06/2019
					30/06/2022		Cho thuê đất	48.000.000	
					27/09/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	969.569.279	22/HĐ2018/TICCO ngày 01 tháng 07 năm 2018 và các phụ lục
					27/09/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	280.044.451	
					27/09/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	468.851.296	Hợp đồng số 01/HĐ2021/TICCO ngày 01/10/2021
					27/12/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	950.550.434	
					27/12/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	315.522.891	Hợp đồng số 02/HĐ2021/TICCO ngày 01/10/2021
					27/12/2022		Cho thuê thiết bị xe máy	518.069.475	
			15/11/2022		Cho thuê đất	126.900.000	Hợp đồng số 04A/HĐTĐ/2022 ngày 01/04/2022		
			31/12/2022		Cho thuê đất	63.450.000	Hợp đồng số 04/HĐTĐ/2022 ngày 01 tháng 10 năm 2022		
			31/03/2022		Quyết định 20/QĐ-HĐQT ngày 21/3/21	Điều chuyển tài sản	3.342.636.765	Hợp đồng số 01/HĐMB/TICCO ngày 31/3/2022	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú		
3	Công ty TNHH MTV Cọc TICCO	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1201537131 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 06/01/2021 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Lô 1-6 đường số 1, KCN Mỹ Tho, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	31/03/2022		Cho thuê thiết bị	177,458,703	07/HĐ2021/TICCO ngày 01 tháng 10 năm 2021	
					30/06/2022		Cho thuê thiết bị	163,826,013		
					23/09/2022		Cho thuê thiết bị	161,172,247		
					21/12/2022		Cho thuê thiết bị	172,343,335		
					13/01/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	3.935.037.000		Hợp đồng số 15/HĐ-XD/2021 ngày 25/5/2021
					24/03/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.612.065.000		
					22/06/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	10.431.580.000		
					20/01/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	449.385.000		HĐ số 10/HĐ-XD/2021 ngày 18/05/2021
					27/01/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.076.210.000		Hợp đồng số 21/HĐ-XD/2021 ngày 06/07/2021
					30/03/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	635.008.000		HĐ số 25/HĐ-XD/2021 ngày 10/11/2021
09/06/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	460.000.000	HĐ số 4/HĐXD/2022 ngày 03/5/2022						
23/01/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	5.281.328.000							
4	Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1200683404 đăng ký thay đổi lần 12 ngày 01/11/2021 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	28/02/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.151.417.000	Hợp đồng số 08/HĐ-XD/2021 ngày 03/5/2021	
					31/03/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.923.063.000		
					10/05/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.963.145.000		
					09/06/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	4.467.893.000		
					31/03/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.770.000.000	Hợp đồng số 02/HĐ-XD/2022 ngày 10/2/2022	
					11/05/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	617.000.000		
					09/06/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	768.000.000		
					21/03/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	5.199.000.000		
					31/03/2022			1.002.000.000	HĐ 03/HĐ-XD/2022 ngày 7/1/2022	
					10/05/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.546.000.000		
					09/06/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	872.000.000		
					10/05/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	896.000.000	HĐ số 08/HĐ-XD/2022 ngày 31/03/2022	
					09/06/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	291.000.000		
					10/05/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	822.000.000	HĐ số 06/HĐ-XD/2022 ngày 14/03/2022	
					10/05/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.428.000.000	HĐ số 09/HĐ-XD/2022 ngày 09/04/2022	
					09/06/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	408.000.000		
10/06/2022		Cho thuê ki ốt	40.500.000	Hợp đồng 44/HĐCTKO.TICCO ngày 01/04/2022						

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú	
4	Công ty Cổ phần Xây dựng TICCOC	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1200683404 đăng ký thay đổi lần 12 ngày 01/11/2021 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	06/06/2022		Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất-20/HĐMB.NTD.TICCO ngày 06/06/2022 (A9-06)	4.076.000.000	
					06/06/2022		Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất-21/HĐMB.NTD.TICCO ngày 06/06/2022 (A9-07)	1.189.000.000	
					12/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	629.000.000	HĐ số 02/HĐ-XD/22 ngày 10/02/22
					20/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	70.000.000	HĐ số 13/HĐXD.TICCO/2021 ngày 11/6/21
					04/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	605.000.000	HĐ số 20/HĐXD.TICCO ngày 26/6/2021
					16/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	435.000.000	HĐ số 02/HĐ-XD/22 ngày 10/02/22
					12/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	241.000.000	
					16/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	614.000.000	HĐ số 4/HĐXD/2022 ngày 03/5/22
					21/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	900.000.000	
					16/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	5.746.926.000	HĐ số 17/HĐXD.TICCO ngày 31/5/22
					10/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	7.936.669.000	Hợp đồng số 15/HĐ-XD/2021 ngày 25/5/2021
					06/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.483.228.000	Hợp đồng số 18/HĐ-XD/2022
					30/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	839.000.000	29/8/22
					12/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	4.380.000.000	HĐ số 30/HĐ-XD/2022 ngày 29/10/2022
					12/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	917.000.000	HĐ số 28/HĐ-XD/2022 ngày 07/10/2022
					28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.535.000.000	HĐ số 30/HĐ-XD/2022 ngày 29/10/2022
					28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	693.867.000	HĐ số 28/HĐ-XD/2022 ngày 07/10/2022
					28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	693.867.000	HĐ số 14A/HĐ-XD/2022 ngày 1/6/2022
					30/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.097.885.000	HĐ Số 14B/HĐ-XD/2022 ngày 16/6/2022
					22/11/2022		Cho thuê đất	34,500,000	Hợp đồng số 04C/HĐTĐ/2022 ngày 01/04/2022
21/09/2022		Cho vay	5.000.000.000	HĐ số 01/2022/HĐVV/TICCO-XD					
15/12/2022		Thu hồi khoản cho vay	3.000.000.000						

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú	
4	Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1200683404 đăng ký thay đổi lần 12 ngày 01/11/2021 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	05/08/2022		Cho thuê ki ốt	40.500.000	Hợp đồng số 44/HĐCTKO.TICCO ngày 01/04/2022
					17/10/2022		Cho thuê ki ốt	40.500.000	Hợp đồng số 44/HĐCTKO.TICCO ngày 01/04/2022
					31/12/2022		Cho thuê đất	17.250.000	Hợp đồng số 05/HĐTĐ/2022 ngày 01 tháng 10 năm 2022
					28/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	88.341.000	HĐ số 10/HĐ-XD/2021 ngày 18/05/2021
					28/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	7.158.000	HĐ số 20/HĐ-XD/2020 ngày 03/11/2020
					29/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	566.229.000	HĐ số 16/HĐ-XD/2020 ngày 18/09/2020
					29/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	507.150.000	HĐ số 21/HĐ-XD/2021 ngày 06/07/2021
					28/10/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.020.000.000	HĐ số 25/HĐ-XD/2021 ngày 10/11/2021
					30/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	96.436.000	
					28/10/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.090.162.000	HĐ số 1A/HĐ-XD/2022 ngày 18/1/2022
					18/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	3.746.862.000	
					11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	377.987.000	Hợp đồng số 08/HĐ-XD/2021 ngày 03/5/2021
					15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	628.229.000	
					06/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	581.000.000	
					11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.326.000.000	HĐ 03/HĐ-XD/2022 ngày 7/1/2022
					15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.564.000.000	
					06/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	299.000.000	
					11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	235.000.000	HĐ số 08/HĐ-XD/2022 ngày 09/04/2022
					15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	395.000.000	
					07/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	501.000.000	
					11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	384.000.000	HĐ số 06/HĐ-XD/2022 ngày 14/03/2022
					15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	144.000.000	
					06/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	298.000.000	
11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	441.000.000	HĐ số 09/HĐ-XD/2022 ngày 31/03/2022					
15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	425.000.000						
06/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.193.000.000						
11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.324.000.000						
15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.068.000.000						
07/10/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	663.000.000	HĐ số 10/HĐ-XD/2022 ngày 01/06/2022					
03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.334.000.000						
08/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	277.000.000						
28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	369.000.000						

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú	
4	Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1200683404 đăng ký thay đổi lần 12 ngày 01/11/2021 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	06/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.605.000.000	HĐ số 12/HĐ-XD/2022 ngày 01/06/2022
					11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	351.000.000	
					15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	507.000.000	
					15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	443.000.000	
					07/10/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	837.000.000	
					03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	797.000.000	
					06/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	3.792.000.000	
					11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.014.000.000	
					15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.499.000.000	
					07/10/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.524.000.000	
					03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	299.000.000	
					08/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.037.000.000	
					28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	315.000.000	
					06/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.317.000.000	
					11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	283.000.000	
					15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	438.000.000	
					07/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	353.000.000	
					03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	955.000.000	HĐ số 13/HĐ-XD/2022 ngày 01/06/2022
					06/07/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.759.000.000	
					11/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	400.000.000	
					15/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	837.000.000	
					07/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	663.000.000	
					03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	861.000.000	
					15/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	5.369.000.000	
					07/10/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.422.000.000	
					03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.303.000.000	
					08/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	245.000.000	
					17/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.829.000.000	
					28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.144.000.000	
					03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.710.000.000	
08/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	1.519.000.000						
28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	865.000.000	HĐ số 17/HĐ-XD/2022 ngày 19/07/2022					
03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	7.297.000.000						
08/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.355.000.000						
28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	5.510.000.000	HĐ số 25/HĐ-XD/2022 ngày 01/10/2022					
03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	5.871.000.000						
08/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.159.000.000						
28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	3.936.000.000	HĐ số 26/HĐ-XD/2022 ngày 01/10/2022					
03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	5.871.000.000						
08/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.159.000.000						
28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	3.936.000.000	HĐ số 27/HĐ-XD/2022 ngày 19/10/2022					
03/11/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	5.871.000.000						
08/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	2.159.000.000						
28/12/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	3.936.000.000						

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú	
5	Cty TNHH MTV Xây Dựng Thủy Lợi TICCO	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1201534074 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18/11/2020 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	28/03/2022		Thu hồi khoản cho vay	3.300.000.000	Hợp đồng số 01/2021/HĐVV/TICCO-XDTL ngày 22/10/2021
					19/05/2022		Thu hồi khoản cho vay	4.900.000.000	Hợp đồng số 02/2021/HĐVV/TICCO-XDTL ngày 22/10/2021
					09/06/2022		Thu hồi khoản cho vay	700.000.000	Hợp đồng số 02/2021/HĐVV/TICCO-XDTL ngày 22/10/2021
					31/03/2022		Lãi cho vay	118.709.589	
					13/06/2022		Lãi cho vay	42.719.178	
					10/03/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	7.764.391.000	Hợp đồng số 01-11/HĐ-XD/2018 ngày 01/11/2018
					21/04/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	4.861.262.000	Hợp đồng số 22-7/HĐ-XD/2020 ngày 22/7/2020
					18/05/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	8.285.241.000	Hợp đồng số 23-9/HĐ-XD/2020 ngày 23/9/2020
					23/03/2022		Cho thuê Văn phòng	13.680.000	Hợp đồng số 03/HĐTV.P.TICCO ngày 01/01/2019
					23/03/2022		Cho thuê đất	5.932.500	Hợp đồng số 03A/HĐTĐ/2019 ngày 01/01/2019
					10/06/2022		Cho thuê ki ốt	19.500.000	45/HĐCTKO.TICCO ngày 01/04/2022
					06/06/2022		Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất-22/HĐMB.NTD.TICCO ngày 06/06/2022 (A9-08)	4.076.000.000	
					06/06/2022		Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất-23/HĐMB.NTD.TICCO ngày 06/06/2022 (A9-09)	4.076.000.000	
					12/08/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	4.278.831.000	07/2022/HĐXD ngày 24/04/2022
					30/09/2022		Cho vay	5.166.000.000	HĐ số 01/2022/HĐVV/TICCO-XDTL
30/09/2022		Lãi cho vay	9.589.041						
30/09/2022		Nghiệm thu khối lượng công trình	720.485.000	Hợp đồng số 22-07/HĐ-XD/2020 ngày 22/7/2020					

5	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Thủy Lợi TICCO	Công ty con	Giấy CNĐKDN số 1201534074 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18/11/2020 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	19/10/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	4.183.757.000	Hợp đồng số 23/HĐ-XD/2022 ngày 23/09/2022
					19/10/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	4.784.352.000	Hợp đồng số 16-04/HĐ-XD/2020 ngày 16/4/2020
					03/11/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	2.883.363.000	Hợp đồng số 11/HĐ-XD/2022 ngày 11/8/2022
					16/11/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	79.013.698	Hợp đồng số 22/HĐ-XD/2022 ngày 22/08/22
					06/12/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	7.296.696.000	Hợp đồng số 23-9/HĐ-XD/2020 23/9/2020
					28/12/2022	Lãi cho vay	4.231.086.000	
					30/12/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	6.938.076.000	117/2020/HĐXD ngày 23/09/2020
					30/12/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	1.829.048.000	Hợp đồng số 22/HĐ-XD/2022 ngày 22/08/22
					30/12/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	12.000.000	07/2022/HĐXD ngày 24/04/2022
					31/12/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	19.500.000	Hợp đồng số 23-9/HĐ-XD/2020 23/9/2020
					08/11/2022	Cho thuê đất	19.500.000	Hợp đồng số 04B/HĐTĐ/2022 ngày 01/04/2022
					05/08/2022	Cho thuê ki ốt	6.000.000	Hợp đồng số 45/HĐCTKO.TICCO ngày 01/04/2022
					17/10/2022	Cho thuê ki ốt	19,500,000	Hợp đồng số 45/HĐCTKO.TICCO ngày 01/04/2022
					31/12/2022	Cho thuê ki ốt	6,000,000	Hợp đồng số 06/HĐTĐ/2022 ngày 01 tháng 10 năm 2022
					6	Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	Công ty con cấp 2	Giấy CNĐKDN số 1201534099 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 01/02/2021 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang
24/02/2022	Thu hồi khoản cho vay	200.000.000	Hợp đồng số: 02/2021/HĐVV/TICCO-CKCT ngày 27/12/2021					
24/02/2022	Lãi cho vay	4.068.493						
22/01/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	1.419.559.000	Hợp đồng số: 10/HĐTC.TICCO-2020 ngày 10/7/20					
22/01/2022	Nghiệm thu khối lượng công trình	3.466.759.000	Hợp đồng số: 11/HĐTC.TICCO-2020 ngày 15/7/20					
16/08/2022	Gia công hàng rào, lan can cầu thang	90.971.000						
28/11/2022	Cho vay	2.000.000.000	HĐ số 03/2022/HĐVV/TICCO-CKCT					
28/12/2022	Lãi cho vay	15.835.616						
7	Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng TICCO	Công ty con cấp 2	Giấy CNĐKDN số 1201577198 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14/01/2021 tại Sở KH & ĐT tỉnh Tiền Giang	Số 490, Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	31/03/2022	Cho thuê ki ốt	30.000.000	Hợp đồng số 21/HĐCTKO.TICCO ngày 01/01/2019
					30/06/2022	Cho thuê ki ốt	30.000.000	
					31/03/2022	Cho thuê đất	34.893.000	Hợp đồng số 04/HĐTĐ/2019 ngày 01/01/2019
					05/08/2022	Cho thuê ki ốt	30.000.000	
					17/10/2022	Cho thuê ki ốt	30.000.000	Hợp đồng số 21/HĐCTKO.TICCO ngày 01/01/2019

Ghi chú: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



06

MỤC LỤC

	Trang
1. Thông tin chung	1 - 3
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 67

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2004. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1200526842, điều chỉnh lần thứ 19 ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

Các hoạt động được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là:

- > Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản; trừ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ quản trị viên;
- > Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- > Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- > Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- > Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng); đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu tái định cư, nhà ở công nhân. Cho thuê lại đất, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi; Mua bán nhà ở, cho thuê văn phòng, cho thuê ki ốt; Quản lý duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu tái định cư, nhà ở công nhân.
- > Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- > Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát. Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi;
- > Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- > Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- > Xây dựng nhà để ở;
- > Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- > Xây dựng công trình đường sắt;
- > Bán buôn chuyên doanh khác. Chi tiết: kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- > Cho thuê xe có động cơ;
- > Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông; cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- > Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- > Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; trừ thiết lập vận hành duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải;
- > Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- > Truyền tải và phân phối điện trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội;
- > Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;

Kính gửi

Kính gửi

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thông tin chung (tiếp theo)

Các hoạt động được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty (tiếp theo):

- > Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- > Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- > Thoát nước và xử lý nước thải;
- > Xây dựng nhà không để ở;
- > Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Trừ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình;
- > Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- > Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- > Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- > Khai thác vận tải; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
 Điện thoại : 0273 387 28 78
 Fax : 0273 385 05 97
 Website : <http://ticco.com.vn>
 Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2

Ngoài ra, Công ty có 02 chi nhánh và 01 văn phòng đại diện hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal)	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO	Cụm Công nghiệp Gia Thuận, ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	Số 47 Nguyễn Trãi, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hoàng Huân	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022
Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên	
Ông Lê Vinh Hiển	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên	
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thông tin chung (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022
Ông Trương Bích Huyền	Trưởng ban	miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022
Bà Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022
Ông Phan Trọng Liêm	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Thị Xuân Lan	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 4 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hoàng Huân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

Khai báo theo pháp luật

Khai báo theo pháp luật

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

 Vũ Huy Giáp

Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD

Trụ sở Chính : 54/4 Đường DHT 21, Phường Đồng Hưng Thuận, Quận 12, TP. HCM. Tel : (028) 3836 4038 Fax : (028) 3719 3948
 Chi nhánh Nhà Trang : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diêm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Khánh Hòa. Tel : (0258) 3893 777 Fax : (0258) 3893 377
 Chi nhánh Vũng Tàu : 189 Trương Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tel : (0254) 3210 287 Fax : (0254) 5253 070
 Chi nhánh Miền Trung : 01 Trần Phú, P. Tân Thành, TP. Tân Kỳ, Tỉnh Quảng Nam. Tel : (0235) 2226 889 Fax : (0235) 3837 878
 Chi nhánh Hà Nội : Phòng 2M05, Tầng 2A, Tòa nhà Cosco Tower, số 189 Hồ Tùng Mậu, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Tel : (024) 7300 7888

Số: 064/2022/BCTCHN-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 7 đến trang 67, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

12/3/2023

12/3/2023



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD

Trụ sở Chính : 644 Đường BHT 21, Phường Đồng Hưng Thuận, Quận 12, TP. HCM. Tel : (028) 3638 4038 Fax : (028) 3719 3949
 Chi nhánh Nha Trang : 27 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Điện Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Khánh Hòa. Tel : (0258) 6270 027 Fax : (0258) 3893 377
 Chi nhánh Vũng Tàu : 163 Trương Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tel : (0254) 2210 287 Fax : (0254) 6253 070
 Chi nhánh Miền Trung : 01 Trần Phú, P. Tân Thành, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam. Tel : (0235) 2226 888 Fax : (0235) 3837 878
 Chi nhánh Hà Nội : Phòng 2M05, Tầng 2A, Tòa nhà Cowi Tower, số 199 Hồ Tùng Mậu, Phường Cầu Giấy, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Tel : (024) 7300 7886

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2022.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 2662-2023-099-1
 Thành phố Hồ Chí Minh
 Ngày 23 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Hữu Thắng - Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 2818-2020-099-1

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.237.599.202.156	942.363.307.902
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	221.286.185.107	219.351.429.274
1 Tiền	111		124.480.985.567	125.900.467.977
2 Các khoản tương đương tiền	112		96.805.199.540	93.450.961.297
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.733.142.843	32.016.876.290
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	41.733.142.843	32.016.876.290
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		335.661.112.442	266.353.806.792
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	292.262.667.540	256.685.499.035
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	14.918.966.770	11.011.913.133
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	60.882.775.655	29.323.488.629
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(32.403.297.523)	(30.667.094.005)
IV. Hàng tồn kho	140	10	628.794.930.719	419.787.769.445
1 Hàng tồn kho	141		629.162.371.301	420.155.210.027
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(367.440.582)	(367.440.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.123.831.045	4.853.426.101
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17	32.570.183	37.225.654
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.488.607.481	1.054.351.383
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	7.602.653.381	3.761.849.064

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01-DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		610.983.947.880	613.284.633.168
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		330.945.615	330.945.615
1 Phải thu dài hạn khác	216	8	330.945.615	330.945.615
II. Tài sản cố định	220		338.960.015.173	363.113.430.312
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	306.643.947.272	331.632.834.729
- Nguyên giá	222		684.938.292.513	668.084.690.665
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(378.294.345.241)	(336.451.855.936)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	32.316.067.901	31.480.595.583
- Nguyên giá	228		36.360.811.206	34.458.544.456
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.044.743.305)	(2.977.948.873)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	17.358.693.117	18.723.798.285
- Nguyên giá	231		23.288.438.055	23.596.537.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.929.744.938)	(4.872.739.372)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		241.871.735.321	214.789.801.845
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	241.871.735.321	214.789.801.845
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		365.107.729	409.822.683
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	365.107.729	409.822.683
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.097.450.925	15.916.834.428
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	17	5.785.141.422	8.124.262.223
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	35.2	6.312.309.503	7.792.572.205
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.848.583.150.036	1.555.647.941.070

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B01-DN/HN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.206.846.056.372	1.025.070.990.831
I. Nợ ngắn hạn	310		898.163.536.568	776.322.336.360
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	269.247.579.491	252.949.011.758
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	284.380.715.665	176.056.371.772
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	6.984.602.645	11.986.341.488
4 Phải trả người lao động	314		15.987.337.791	14.917.938.306
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	109.763.795.918	93.018.125.843
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		20.000.000	-
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	22	4.757.390.159	9.978.194.736
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	188.764.972.868	199.223.327.202
9 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	9.895.759.841	9.723.717.008
10 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	8.361.382.190	8.469.308.247
II. Nợ dài hạn	330		308.682.519.804	248.748.654.471
1 Phải trả dài hạn khác	337	22	533.040.000	553.040.000
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	303.167.504.144	243.767.191.662
3 Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	4.981.975.660	4.428.422.809
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		641.737.093.664	530.576.950.239
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	641.737.093.664	530.576.950.239
1 Vốn cổ phần	411		199.638.930.000	159.713.060.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.638.930.000	159.713.060.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		159.810.401.016	134.102.713.095
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		267.414.673.370	222.635.117.299
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		125.283.778.362	94.598.665.777
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		142.130.895.008	128.036.451.522
5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.172.159.278	8.425.129.845
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.848.583.150.036	1.555.647.941.070

Huỳnh Thị Mỹ Hương
Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Hương
Kế toán trưởng

Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2023




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.648.053.437.867	1.318.963.695.310
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.648.053.437.867	1.318.963.695.310
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	28	1.272.963.785.686	996.093.135.276
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		375.089.652.181	322.870.560.034
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	5.384.340.834	3.450.113.273
7 Chi phí tài chính	22	30	11.300.216.855	13.220.487.630
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.290.429.775	13.204.067.321
8 Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	24	16	79.005.703	98.603.288
9 Chi phí bán hàng	25	31	142.807.690.942	116.196.614.271
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	47.465.529.433	35.488.766.561
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		178.979.561.488	161.513.408.133
12 Thu nhập khác	31	33	3.608.666.487	3.657.105.003
13 Chi phí khác	32	33	1.023.972.299	2.604.777.246
14 Lợi nhuận khác	40	33	2.584.694.188	1.052.327.757
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		181.564.255.676	162.565.735.890
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35.1	36.175.949.249	34.068.762.906
17 Chi phí (thu nhập) thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35.2	1.480.262.702	(41.466.621)
18 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		143.908.043.725	128.538.439.605
19 Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		142.130.895.008	128.036.451.522
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.777.148.717	501.988.083
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	6.692	6.029
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	37	6.692	6.029


Huỳnh Thị Mỹ Hương
Người lập biểu


Huỳnh Thị Mỹ Hương
Kế toán trưởng




Vũ Huy Giáp
Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		181.564.255.676	162.565.735.890
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		47.424.531.177	51.089.613.934
- Các khoản dự phòng	03		2.461.799.202	(174.947.508)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.308.741	7.164.156
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.209.662.080)	(3.970.483.007)
- Chi phí lãi vay	06	30	11.290.429.775	13.204.067.321
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		236.535.662.491	222.721.150.786
- Tăng các khoản phải thu	09		(67.702.282.061)	(19.711.823.802)
- Tăng hàng tồn kho	10		(209.007.161.274)	(41.789.062.387)
- Tăng các khoản phải trả	11		134.121.143.734	21.822.404.134
- Giảm chi phí trả trước	12		2.343.776.272	2.327.783.673
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.327.381.894)	(21.408.806.118)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(42.794.666.376)	(50.145.079.673)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.567.000.000	4.443.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.447.471.000)	(16.800.750.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.288.619.892	101.458.816.217
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(52.698.846.154)	(44.515.303.039)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		772.727.273	528.336.364
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.716.266.553)	(3.995.413.599)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	13.388.227.116
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.306.506.668	3.596.339.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(56.335.878.766)	(30.997.813.683)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B03-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33	23	496.596.364.165	450.924.886.981
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(447.654.406.017)	(378.726.691.934)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.955.634.700)	(74.649.546.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		23.986.323.448	(2.451.350.953)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.939.064.574	68.009.651.581
Tiền đầu năm	60	4	219.351.429.274	151.348.941.849
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.308.741)	(7.164.156)
Tiền cuối năm	70	4	221.286.185.107	219.351.429.274

Huỳnh Thị Mỹ Hương
 Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Hương
 Kế toán trưởng

Vũ Huy Giáp
 Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Mẫu số B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB ngày 05 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5303000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2004. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1200526842, điều chỉnh lần thứ 19 ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Các hoạt động được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản; trừ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ quản trị viên;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng); đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu tái định cư, nhà ở công nhân. Cho thuê lại đất, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi; Mua bán nhà ở, cho thuê văn phòng, cho thuê ki ốt; Quản lý duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư, khu tái định cư, nhà ở công nhân.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát. Lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Xây dựng nhà ở;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Bán buôn chuyên doanh khác. Chi tiết: kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông; cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống đập, đê, kè sóng, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương; trừ thiết lập vận hành duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Truyền tải và phân phối điện trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội;

1200526842

1200526842

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Các hoạt động được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty (tiếp theo):

- > Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ đúng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- > Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- > Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- > Thoát nước và xử lý nước thải;
- > Xây dựng nhà không để ở;
- > Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Trừ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình;
- > Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- > Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- > Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- > Khai thác vận tải; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty có 02 chi nhánh và 01 văn phòng đại diện hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal)	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO	Cụm Công nghiệp Gia Thuận, ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	Số 47 Nguyễn Trãi, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 663 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 673 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cơ cấu tổ chức của Công ty có năm (05) công ty con trực tiếp, ba (03) công ty con gián tiếp và một (01) công ty liên kết. Tất cả các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết như sau:

Các công ty con trực tiếp

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1200656249, do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2000, điều chỉnh lần thứ 13 ngày 04 tháng 7 năm 2022. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 55.000.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh bê tông; trụ sở chính đặt tại Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1200683404, do SKHĐT tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2008, điều chỉnh lần thứ 12 ngày 01 tháng 11 năm 2021. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 15.000.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty con này là thi công xây dựng công trình thủy lợi; trụ sở chính đặt tại số 490 Đỉnh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty sở hữu 1.000.000 cổ phần có tổng mệnh giá 10.000.000.000 VND, chiếm 66,67% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Các công ty con trực tiếp (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1201534074, do SKHĐT tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2016, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 05 tháng 01 năm 2023. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 10.000.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty con này là thi công xây dựng công trình thủy lợi; trụ sở chính đặt tại số 490 Đỉnh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1201602574, do SKHĐT tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 21 tháng 3 năm 2019, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 04 tháng 7 năm 2022. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 66.000.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh bê tông; trụ sở chính đặt tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Bất động Sản TICCO là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1201602574, do SKHĐT tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2020, điều chỉnh lần thứ 1 ngày 15 tháng 3 năm 2021. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 20.000.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty con này là kinh doanh bất động sản; trụ sở chính đặt tại số 46-48 Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

Các công ty con gián tiếp

Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1201577198, do SKHĐT tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 04 tháng 04 năm 2018, điều chỉnh lần thứ 4 ngày 04 tháng 01 năm 2023. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 3.500.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty con này là bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; trụ sở chính đặt tại số 490, Đỉnh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

Công ty TNHH MTV Cọc TICCO là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN ("GCNĐKDN") số 1201537131, do SKHĐT tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 04 tháng 11 năm 2016, điều chỉnh lần thứ 4 ngày 29 tháng 09 năm 2022. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 4.000.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty con này là đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực; trụ sở chính đặt tại Lô 1 - 6 Đường số 1, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1201534099, do SKHĐT tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 22 tháng 09 năm 2016, điều chỉnh lần thứ 10 ngày 16 tháng 11 năm 2022. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 3.500.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty con này là công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; trụ sở chính đặt tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu của công ty con này.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Testco là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1200673607, do SKHĐT tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2007. Vốn điều lệ theo GCNĐKDN là 1.300.000.000 VND. Hoạt động chính của công ty này là thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình; trụ sở chính đặt tại Lô 1, 2, 3 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty sở hữu 26.000 cổ phần có tổng mệnh giá 260.000.000 VND, chiếm 20% vốn chủ sở hữu của công ty này.

M.S.C

M.S.C

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- > Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- > Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- > Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- > Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- > Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- > Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- > Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- > Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

1/20/2023

1/20/2023

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Nhóm Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	04 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	02 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 15 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	25 - 50 năm
Phần mềm máy tính	05 - 06 năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

3.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư cho thuê được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các Bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	07 - 25 năm
Kiot	06 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản của Nhóm Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Mẫu số B09-DN/HN

Mẫu số B09-DN/HN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

3.11. Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở Công ty nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13. Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng và công trình cơ khí

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng và công trình cơ khí được trích lập cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong kỳ. Hết thời hạn bảo hành công trình xây dựng và cơ khí, số dư dự phòng bảo hành công trình chưa sử dụng hết được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

3.14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

➢ Quỹ Đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

➢ Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với doanh thu bán bất động sản Nhóm Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Nhóm Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;

Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản

Khai báo

Khai báo

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty về Hợp đồng xây dựng (Thuyết minh số 3.18).

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.18. Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.19. Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

3.20. Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

1/10/2022

1/10/2022

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

3.21. Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Nhóm Công ty một cách toàn diện.

3.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.682.233.546	2.483.814.284
Tiền gửi ngân hàng (*)	121.798.752.021	123.416.653.693
Các khoản tương đương tiền (**)	96.805.199.540	93.450.961.297
TỔNG CỘNG	221.286.185.107	219.351.429.274

(*) Số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty và các công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước) với tổng số tiền là 103.230.994.568 VND đã được dùng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 23).

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, Nhóm Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với tổng giá trị là 9.634.560.250 VND để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn của Công ty và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 23).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	41.733.142.843	41.733.142.843	32.016.876.290	32.016.876.290
TỔNG CỘNG	41.733.142.843	41.733.142.843	32.016.876.290	32.016.876.290

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với tổng giá trị là 9.729.423.373 VND để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn của Công ty và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 23).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng	4.428.112.647	5.187.283.629
Phải thu từ hoạt động bán bê tông	221.400.899.250	200.588.412.295
Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng	57.923.242.935	37.011.677.742
Phải thu từ hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí	1.250.755.540	1.828.626.540
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	7.259.657.168	12.069.498.829
TỔNG CỘNG	292.262.667.540	256.685.499.035
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.993.394.023)	(30.257.190.505)

Chi tiết phải thu ngắn hạn của các khách hàng như sau:

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Hoàn Thiện	11.314.305.056	12.495.230.671
Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Hòa	10.869.851.240	13.829.416.160
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	8.964.390.219	19.355.813.486
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Tre	7.202.713.000	15.170.077.574
Các khách hàng khác	253.911.408.025	195.834.961.144
TỔNG CỘNG	292.262.667.540	256.685.499.035

Công ty đã thế chấp các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (Thuyết minh số 23).

19/12/2022

19/12/2022

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (liếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho hoạt động sản xuất bê tông	2.326.386.668	487.329.665
Trả trước cho hoạt động kinh doanh liệu xây dựng	22.680.000	-
Trả trước cho hoạt động thi công công trình	10.328.844.402	3.036.222.968
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	2.241.055.500	7.488.360.500
TỔNG CỘNG	14.918.966.770	11.011.913.133
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(399.403.500)	(399.403.500)

Chi tiết trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Thủy Lực	1.814.340.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Hoàn Thiện	5.726.462.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh và Dịch vụ Tường An	1.200.000.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Thanh Liêm	-	2.556.000.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất Thị xã Gò Công	-	2.299.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Bình An	-	1.203.562.500
Các nhà cung cấp khác	6.178.164.770	4.953.350.633
TỔNG CỘNG	14.918.966.770	11.011.913.133

Trong đó:

Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	159.000.000	179.200.000
Trả trước cho các bên khác	14.759.966.770	10.832.713.133

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	53.286.331.683	27.634.838.939
Tạm ứng kinh phí bồi thường	5.631.086.160	-
Ký quỹ, ký cược	400.106.757	283.202.957
Lãi tiền gửi phải thu	881.337.077	621.914.641
Phải thu ngắn hạn khác	683.913.978	783.532.092
TỔNG CỘNG	60.882.775.655	29.323.488.629

Dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	330.945.615	330.945.615
TỔNG CỘNG	330.945.615	330.945.615

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (liếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

9. NỢ XẤU

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	38.753.103.587	6.759.709.564	37.460.862.981	7.203.672.476
Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng	1.456.088.400	692.580.250	1.688.695.400	1.032.610.750
Phải thu từ hoạt động bán bê tông	32.882.089.593	6.067.129.314	28.045.412.124	5.664.117.526
Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng	3.663.043.984	-	6.874.873.847	506.944.200
Phải thu từ hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí	339.408.540	-	339.408.540	-
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	412.473.070	-	512.473.070	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	399.403.500	-	399.403.500	-
Trả trước cho hoạt động thi công công trình	222.026.500	-	222.026.500	-
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	177.377.000	-	177.377.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	10.500.000	-	10.500.000	-
Phải thu khác từ hoạt động kinh doanh bất động sản	10.500.000	-	10.500.000	-
TỔNG CỘNG	39.163.007.087	6.759.709.564	37.870.766.461	7.203.672.476

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Nhóm Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 6, Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 8.

www.ticco.com.vn

Mẫu số B09-DN/HN

VND

Số đầu năm

Giá trị có thể thu hồi

Giá gốc

Dự phòng

Số cuối năm

Giá trị có thể thu hồi

Giá gốc

Dự phòng

Đối tượng nợ (*)

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu từ hoạt động bán vật liệu xây dựng

Phải thu từ hoạt động bán bê tông

Phải thu từ hoạt động thi công công trình xây dựng

Phải thu từ hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí

Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản

Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho hoạt động thi công công trình

Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản

Phải thu ngắn hạn khác

Phải thu khác từ hoạt động kinh doanh bất động sản

TỔNG CỘNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.397.109.673	-	44.401.084.172	-
Công cụ, dụng cụ	18.283.636	-	26.400.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	494.605.393.167	(367.440.582)	259.453.929.147	(367.440.582)
Thành phẩm	51.854.563.494	-	52.111.369.800	-
Thành phẩm bất động sản (**) (i)	43.722.668.863	-	62.693.410.629	-
Hàng hóa	1.564.352.468	-	1.469.016.279	-
TỔNG CỘNG	629.162.371.301	(367.440.582)	420.155.210.027	(367.440.582)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các dự án kinh doanh bất động sản (i)	482.556.598.459	-	227.889.007.351	-
Các công trình xây dựng	9.596.733.864	(367.440.582)	28.756.369.452	(367.440.582)
Các công trình thi công cơ khí	2.452.061.044	-	2.808.552.344	-
TỔNG CỘNG	494.605.393.167	(367.440.582)	259.453.929.147	(367.440.582)

(i) Quyền sử dụng đất của Dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, Dự án đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường, Dự án đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (Thuyết minh số 23).

(**) Thành phẩm bất động sản của Công ty bao gồm:

- Đất nền phân lô thuộc dự án Khu dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Khu nhà ở Thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Dự án đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	143.857.916.400	334.652.180.351	186.845.678.521	2.728.915.393	668.084.690.665
Tăng trong năm	10.887.572.355	8.461.501.491	66.852.735	-	19.415.926.581
Thanh lý, nhượng bán	(2.920.074.193)	(37.327.122)	(144.559.139)	(48.181.818)	(3.150.142.272)
Điều chỉnh khác	(13.013.306.164)	37.330.239.700	(23.465.556.629)	(263.559.368)	587.817.539
Số cuối năm	138.812.108.398	380.406.594.420	163.302.415.488	2.417.174.207	684.938.292.513
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	606.513.373	140.910.136.614	29.549.787.571	598.769.873	171.665.207.431
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	46.331.080.712	200.076.475.689	87.809.380.520	2.234.919.015	336.451.855.936
Khấu hao trong năm	8.585.447.550	24.420.413.136	16.090.686.699	328.434.492	49.424.981.877
Thanh lý, nhượng bán	(2.920.074.193)	(37.327.122)	(144.559.139)	(48.181.818)	(3.150.142.272)
Điều chỉnh khác	(6.664.575.886)	25.950.072.440	(23.428.999.362)	(288.847.492)	(4.432.350.300)
Số cuối năm	45.331.878.183	250.409.634.143	80.326.508.718	2.226.324.197	378.294.345.241
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	97.526.835.688	134.575.704.662	99.036.298.001	493.996.378	331.632.834.729
Số cuối năm	93.480.230.215	129.996.960.277	82.975.906.770	190.850.010	306.643.947.272
Trong đó:					
Sử dụng để thế chấp	(*) 85.187.069.495	82.658.547.816	66.743.347.056	69.903.622	234.658.867.989

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 234.658.867.989 VND (31 tháng 12 năm 2021: 257.838.917.302 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại các Ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 23).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	34.022.780.656	435.763.800	34.458.544.456
Tăng trong năm	1.902.266.750	-	1.902.266.750
Số cuối năm	<u>35.925.047.406</u>	<u>435.763.800</u>	<u>36.360.811.206</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	350.263.800	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	2.589.210.073	388.738.800	2.977.948.873
Hao mòn trong năm	1.049.694.432	17.100.000	1.066.794.432
Số cuối năm	<u>3.638.904.505</u>	<u>405.838.800</u>	<u>4.044.743.305</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	31.433.570.583	47.025.000	31.480.595.583
Số cuối năm	<u>32.286.142.901</u>	<u>29.925.000</u>	<u>32.316.067.901</u>
Trong đó:			
Sử dụng để thế chấp (*)	32.286.142.901	-	32.286.142.901

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 32.286.142.901 VND (31 tháng 12 năm 2021: 28.817.098.968 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại các tổ chức tín dụng (Thuyết minh số 23).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	Kiot cho thuê	Đất, văn phòng, nhà kho cho thuê	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	1.580.316.192	22.016.221.465	23.596.537.657
Thanh lý	-	(308.099.602)	(308.099.602)
Số cuối năm	<u>1.580.316.192</u>	<u>21.708.121.863</u>	<u>23.288.438.055</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	1.097.441.800	3.775.297.572	4.872.739.372
Khấu hao trong năm	263.386.032	1.101.719.136	1.365.105.168
Thanh lý	-	(308.099.602)	(308.099.602)
Số cuối năm	<u>1.360.827.832</u>	<u>4.568.917.106</u>	<u>5.929.744.938</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

	VND		
	Kiot cho thuê	Đất, văn phòng, nhà kho cho thuê	Tổng cộng
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	482.874.392	18.240.923.893	18.723.798.285
Số cuối năm	<u>219.488.360</u>	<u>17.139.204.757</u>	<u>17.358.693.117</u>
Trong đó:			
Sử dụng để thế chấp (*)	-	16.557.627.599	16.557.627.599

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bất động sản đầu tư của Công ty với tổng giá trị còn lại là 16.557.627.599 VND (31 tháng 12 năm 2021: 16.939.337.381 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang để Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 (Thuyết minh số 23).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua sắm tài sản cố định	10.112.738.393	12.415.955.295
Chi phí xây dựng cơ bản Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 (*)	198.496.145.403	197.667.738.469
Chi phí xây dựng cơ bản Cụm Công nghiệp Gia Thuận 2	33.262.851.525	4.587.228.909
Chi phí sửa chữa	-	118.879.172
TỔNG CỘNG	<u>241.871.735.321</u>	<u>214.789.801.845</u>

(*) Quyền sử dụng đất Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (Thuyết minh số 23).

15. CHI PHÍ ĐI VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay trong năm (Thuyết minh số 30)	11.290.429.775	13.204.067.321
Vốn hóa vào giá trị dự án bất động sản (*)	12.755.403.915	8.783.790.099
TỔNG CỘNG	<u>24.045.833.690</u>	<u>21.987.857.420</u>

(*) Các khoản chi phí đi vay được vốn hóa liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư Dự án đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và Khu dân cư hai bên đường và Dự án đường D7 và khu dân cư hai bên đường (Thuyết minh số 10), Dự án Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 (Thuyết minh số 14).

31 M 31 12

31 M 31 12

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình; trụ sở chính đặt tại Lô 1, 2, 3 Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Chi tiết giá trị khoản đầu tư như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	260.000.000	260.000.000
Phản lãi lũy kế trong công ty liên kết	105.107.729	149.822.683
Giá trị thuần khoản đầu tư	365.107.729	409.822.683

Chi tiết tình hình tăng giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	409.822.683	433.718.634
Phản lãi trong công ty liên kết phát sinh trong năm	79.005.703	98.603.288
Cổ tức được chia	(104.000.000)	(104.000.000)
Giảm do công ty liên kết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(19.720.657)	(18.499.239)
Số cuối năm	365.107.729	409.822.683

Thông tin tài chính tóm tắt của công ty liên kết như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng tài sản	2.044.368.829	2.566.118.411
Tổng nợ phải trả	218.830.183	517.004.994
Tài sản thuần	1.825.538.646	2.049.113.417
Tỷ lệ sở hữu	20,00%	20,00%
Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần	365.107.729	409.822.683

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Thuế đất phi nông nghiệp Khu dân cư Long Thạnh Hưng	7.643.422	9.638.422
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	24.926.761	4.859.960
Chi phí trả trước khác	-	22.727.272
TỔNG CỘNG	32.570.183	37.225.654

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.231.554.725	7.939.997.073
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	553.586.697	184.265.150
TỔNG CỘNG	5.785.141.422	8.124.262.223

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	1.949.842.900	1.949.842.900	15.541.246.233	15.541.246.233
Phải trả cho hoạt động sản xuất bê tông	230.985.583.595	230.985.583.595	202.067.663.132	202.067.663.132
Phải trả cho hoạt động thi công công trình	18.338.261.342	18.338.261.342	32.826.647.414	32.826.647.414
Phải trả cho hoạt động sửa chữa, gia công cơ khí	1.339.642.984	1.339.642.984	2.147.451.089	2.147.451.089
Phải trả cho hoạt động kinh doanh bất động sản	16.634.248.670	16.634.248.670	366.003.890	366.003.890
TỔNG CỘNG	269.247.579.491	269.247.579.491	252.949.011.758	252.949.011.758

Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Toàn	64.601.315.228	66.499.433.200
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Nghĩa Cường	30.445.723.389	28.066.669.871
Các nhà cung cấp khác	174.200.540.874	158.382.908.687
TỔNG CỘNG	269.247.579.491	252.949.011.758
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 36)</i>	396.769.120	257.349.050
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	268.850.810.371	252.691.662.708

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận trước tiền bán vật liệu xây dựng	6.832.000	10.403.000
Nhận trước tiền bán bê tông	14.005.062.573	12.669.535.002
Nhận trước tiền thi công công trình xây dựng	79.640.960.752	22.392.527.042
Nhận trước tiền bán bất động sản	190.720.060.340	140.976.106.728
Nhận trước tiền thi công cơ giới	7.800.000	7.800.000
TỔNG CỘNG	284.380.715.665	176.056.371.772

Mẫu số B09-DN/HN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chỉ tiết người mua trả tiền trước ngắn hạn như sau:		
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang	42.113.688.000	858.697.102
Ban Quản lý Đầu tư & Xây dựng Thủy lợi 10	19.473.000.000	-
Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cai Lậy	13.634.405.000	-
Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cái Bè	2.319.674.000	12.567.178.188
Các khách hàng mua bất động sản	190.720.060.340	141.576.106.728
Các khách hàng khác	16.119.888.325	21.054.389.754
TỔNG CỘNG	284.380.715.665	176.056.371.772

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Thuế phải nộp	Thuế nộp thừa (*)	Số phải nộp	Số đã nộp	Thuế phải nộp	Thuế nộp thừa (*)
Thuế Giá trị gia tăng	4.294.189.822	3.333.770.650	27.649.095.624	30.151.341.091	2.816.461.652	4.358.287.947
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.529.688.313	118.687.308	36.175.949.249	42.794.666.376	4.001.220.112	3.208.936.234
Thuế Thu nhập cá nhân	162.463.353	309.391.106	3.403.989.273	3.128.369.839	164.120.881	35.429.200
Các loại thuế khác	-	-	504.708.196	501.908.196	2.800.000	-
TỔNG CỘNG	11.986.341.488	3.761.849.064	67.733.742.342	76.576.285.502	6.984.602.645	7.602.653.381

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá vốn trích trước của lĩnh vực kinh doanh bất động sản	78.276.019.592	69.908.452.433
Chi phí thi công công trình xây dựng	26.840.615.146	21.512.958.925
Chi phí gia công sản phẩm cơ khí	-	50.000.000
Chi phí lãi vay	1.670.502.217	935.659.352
Các khoản khác	2.976.658.963	613.055.133
TỔNG CỘNG	109.763.795.918	93.018.125.843

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	32.308.933	23.798.553
Nhận ký quỹ, ký cược	78.000.000	78.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.647.081.226	9.876.396.183
TỔNG CỘNG	4.757.390.159	9.978.194.736
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 36)</i>	<i>13.186.591</i>	<i>13.186.591</i>
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	<i>4.744.203.568</i>	<i>9.965.008.145</i>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	533.040.000	553.040.000
TỔNG CỘNG	533.040.000	553.040.000

Mẫu số B09-DN/HN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm	Tiền thu từ đi vay	Tiền chi trả nợ gốc vay	Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	VND	Số cuối năm
Ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (a)	199.223.327.202	247.414.456.713	(332.651.465.627)	74.778.654.580		188.764.972.868
Vay dài hạn đến hạn trả	116.184.079.442	247.414.456.713	(249.327.349.867)	-		114.271.186.288
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (b)	116.184.079.442	247.414.456.713	(249.327.349.867)	-		114.271.186.288
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (c)	83.039.247.760	-	(83.324.115.760)	74.778.654.580		74.493.786.580
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (d)	16.446.700.000	-	(16.622.700.000)	14.370.834.580		14.194.834.580
Vay các cá nhân (h)	32.687.000.000	-	(32.687.000.000)	42.347.780.000		42.347.780.000
Vay dài hạn	15.683.615.000	-	(15.683.615.000)	12.546.892.000		12.546.892.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tiền Giang (b)	18.221.932.760	-	(18.330.800.760)	5.513.148.000		5.404.280.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (c)	243.767.191.662	249.161.907.452	(115.002.940.390)	(74.778.654.580)		303.167.504.144
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (d)	29.254.284.505	1.759.318.921	-	(14.370.834.580)		16.642.768.846
Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty	86.153.313.090	11.400.000.000	-	(42.347.780.000)		55.205.533.090
Vay các cá nhân (e)	43.914.132.000	67.905.188.531	-	(12.546.892.000)		99.272.428.531
TỔNG CỘNG	2.557.000.000	-	(2.557.000.000)	-		-
Số có khả năng trả nợ	81.888.462.067	168.117.400.000	(112.445.940.390)	(5.513.148.000)		132.046.773.677
	442.990.518.864	496.596.364.165	(447.654.406.017)	-		491.932.477.012
	442.990.518.864					491.932.477.012

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

❖ *Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/433488/HĐTD ngày 14 tháng 11 năm 2022*

Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hạn mức tín dụng	50.000.000.000 VND
Thời hạn cấp hạn mức	Đến hết ngày 14 tháng 11 năm 2023
Lãi suất cho vay	Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ
Thời hạn vay	Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Các khoản vay tại ngày 31/12/2022 có thời gian vay 5 tháng
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại khu phố 6, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/433488/HĐBĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 29/10/2021 và ngày 14/11/2022 Các tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2022/433488/HĐBĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 Các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 03/2022/433488/HĐBĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 Các khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng thi công theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ/ các khoản phải thu số 04/2022/433488/HĐBĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022
Số dư cuối năm	31.731.000.000 VND

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 02/2022/433488/HĐBL ngày 14 tháng 11 năm 2022 với hạn mức bảo lãnh là 250.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh là đến hết ngày 14 tháng 11 năm 2023. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang còn ký quỹ 5% giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số dư bảo lãnh của Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này là: 143.377.704.943 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 53.767.827.040 VND).

❖ *Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1678922/HĐTD ngày 13 tháng 12 năm 2022*

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Hạn mức tín dụng	63.000.000.000 VND
Thời hạn cấp hạn mức	Đến hết ngày 13 tháng 12 năm 2023
Lãi suất cho vay	Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ
Thời hạn vay	6 tháng
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ấp Ông Cai, xã Tân Trung, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2012/HĐ ngày 23 tháng 08 năm 2012 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 03/2019/1678922/SĐBS ngày 05 tháng 12 năm 2019 Các tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/1678922/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2022/1678922/HĐBĐ cùng ngày 19 tháng 12 năm 2022
Số dư cuối năm	39.955.293.449 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2022/1678922/HĐBL ngày 19 tháng 12 năm 2022 với hạn mức bảo lãnh là 4.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh là đến hết ngày 14 tháng 11 năm 2023. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO còn dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, ký quỹ 10% giá trị bảo lãnh khi phát hành thư bảo lãnh và 50% giá trị bảo lãnh khi phát hành thư bảo lãnh thanh toán để đảm bảo cho hợp đồng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số dư bảo lãnh của Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này là: 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0 VND).

❖ **Hợp đồng tín dụng hạn mức số Số 02/2022/12223824/HĐTD ngày 21 tháng 12 năm 2022**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Hạn mức tín dụng	63.000.000.000 VND
Thời hạn cấp hạn mức	Đến hết ngày 21 tháng 12 năm 2023
Lãi suất cho vay	Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ
Thời hạn vay	6 tháng
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo	Các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2022/12223824/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2022/12223824/HĐBĐ ký cùng ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước với Ngân hàng Tài sản theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2019/433488/HĐBĐ ngày 05 ngày 12 ngày 2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ngân hàng
Số dư cuối năm	42.584.892.839 VND

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2022/12223824/HĐBL ngày 21 tháng 12 năm 2022 với hạn mức bảo lãnh là 3.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh là đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2023. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước còn dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, ký quỹ 10% giá trị bảo lãnh khi phát hành thư bảo lãnh và 50% giá trị bảo lãnh khi phát hành thư bảo lãnh thanh toán để đảm bảo cho hợp đồng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số dư bảo lãnh của Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này là: 2.900.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0 VND).

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 02/2022/9075085/HĐBL ngày 16 tháng 11 năm 2022 với hạn mức bảo lãnh là 50.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh là đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2023. Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO dùng toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang, các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thi công xây lắp và ký quỹ hoặc cầm cố hợp đồng tiền gửi tối thiểu bằng 40% giá trị bảo lãnh để đảm bảo cho hợp đồng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số dư bảo lãnh của Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này là: 13.363.728.000 VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

(b) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang

❖ **Hợp đồng tín dụng số 01/2018/433488/HĐTD ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung HĐTD ngày 01 tháng 6 năm 2018**

Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Số tiền vay	2.900.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua trạm trộn bê tông tươi 120m ³ /h Nhà máy Bê tông Mỹ Tho
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	145.000.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	145.000.000 VND
Vay dài hạn	- VND

❖ **Hợp đồng tín dụng số 02/2018/433488/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2018**

Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Số tiền vay	8.400.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 4%/năm
Thời hạn vay	84 tháng
Mục đích vay	Mua 6 xe ô tô trộn bê tông hiệu Hyundai HD270
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	3.000.000.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.200.000.000 VND
Vay dài hạn	1.800.000.000 VND

❖ **Hợp đồng tín dụng số 03/2018/433488/HĐTD ngày 04 tháng 6 năm 2018**

Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Số tiền vay	2.390.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 15 bộ khuôn cọc D500 mm x 15,4m; 05 bộ khuôn D600 mm x L15,4m và thiết bị gia tốc kèm theo
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	238.844.400 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	238.844.400 VND
Vay dài hạn	- VND

12/2022

12/2022

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

❖ Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HDTD ngày 14 tháng 6 năm 2018	
Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Số tiền vay	3.300.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 4%/năm
Thời hạn vay	84 tháng
Mục đích vay	Mua 1 xe tải hiệu Hyundai HD210 và 1 bơm bê tông Putzmeister + bơm ngang Putzmeister BSA 2110 HPD
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	1.061.422.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	470.000.000 VND
Vay dài hạn	591.422.000 VND
❖ Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HDTD ngày 13 tháng 7 năm 2018	
Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Số tiền vay	1.680.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 20 bộ khuôn cọc tròn D350mm, L10.4M (10.4+2) và 20 thiết bị căng cọc D350mm
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	251.990.180 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	251.990.180 VND
Vay dài hạn	- VND
❖ Hợp đồng tín dụng số 01/2019/433488/HDTD ngày 24 tháng 5 năm 2019	
Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Số tiền vay	800.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 01 xe Toyota Fortuner G (FG)
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	240.000.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	150.000.000 VND
Vay dài hạn	80.000.000 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

❖ Hợp đồng tín dụng số 01/2020/433488/HDTD ngày 04 tháng 11 năm 2020	
Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Số tiền vay	917.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 01 xe Hyundai Solati Skybus Special 10 chỗ VIP
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	550.200.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	183.400.000 VND
Vay dài hạn	366.800.000 VND
❖ Hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ số 02/2019/12223824/HĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019	
Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Hạn mức tín dụng	30.205.555.984 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	57 tháng
Mục đích vay	Đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm tại Công ty TNHH MTV Bê tông Tân Phước
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại ấp Ông Cai, xã Tân Trung, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2012/HĐ ngày 23 tháng 08 năm 2012 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 03/2019/1678922/SĐBS ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với Ngân hàng
	Các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/12223824/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/12223824/HĐBĐ ký cùng ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước với Ngân hàng
	Các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/1678922/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/1678922/HĐBĐ ký cùng ngày 05 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với Ngân hàng
	Tài sản theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2019/433488/HĐBĐ ngày 05 ngày 12 ngày 2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ngân hàng
Số dư cuối kỳ	10.575.555.984 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	6.040.000.000 VND
Vay dài hạn	4.535.555.984 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

❖ **Hợp đồng tín dụng số 01/2020/12223824/HĐTD ngày 30 tháng 01 năm 2020**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Số tiền vay	1.178.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 10 bộ khuôn cọc tròn D600mm, L17.4M (10.4+2+2+3)
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối kỳ	529.085.394 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	236.000.000 VND
Vay dài hạn	293.085.394 VND

❖ **Hợp đồng tín dụng số 02/2020/12223824/HĐTD ngày 27 tháng 02 năm 2020**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Số tiền vay	4.830.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 04 xe bồn trộn bê tông Hyundai HD270
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối kỳ	2.173.500.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	966.000.000 VND
Vay dài hạn	1.207.500.000 VND

❖ **Hợp đồng tín dụng số 03/2020/12223824/HĐTD ngày 28 tháng 7 năm 2020**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Số tiền vay	4.600.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 01 xe xúc và 01 trạm bê tông 120 m ³ /h
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối kỳ	2.429.163.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	920.000.000 VND
Vay dài hạn	1.509.163.000 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

❖ **Hợp đồng tín dụng số 04/2020/12223824/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2020**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Số tiền vay	722.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 01 xe Ford Everrest
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối kỳ	397.100.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	144.400.000 VND
Vay dài hạn	252.700.000 VND

❖ **Hợp đồng tín dụng số 05/2020/12223824/HĐTD ngày 26 tháng 10 năm 2020**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Số tiền vay	6.975.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	59 tháng
Mục đích vay	Mua 01 xe đầu kéo, 01 rơ moóc và 05 xe bồn trộn bê tông
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối kỳ	4.185.000.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.395.000.000 VND
Vay dài hạn	2.790.000.000 VND

❖ **Hợp đồng tín dụng số 06/2020/12223824/HĐTD ngày 07 tháng 12 năm 2020**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Số tiền vay	1.900.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	57 tháng
Mục đích vay	Mua 01 xe HINO FM8JW7A lắp cầu thủy lực
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối kỳ	1.100.000.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	400.000.000 VND
Vay dài hạn	700.000.000 VND

15/11/2022

15/11/2022

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang Mẫu số B09-DN/HN
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

❖ Hợp đồng tín dụng số 01/2021/12223824/HĐTD ngày 15 tháng 6 năm 2021	
Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Số tiền vay	5.461.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 15 bộ khuôn D350, 20 bộ khuôn D400 và dàn quay ly tâm D300-D600
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối kỳ	2.377.423.547 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.092.200.000 VND
Vay dài hạn	1.285.223.547 VND
❖ Hợp đồng tín dụng số 01/2022/12223824/HĐTD ngày 17 tháng 5 năm 2022	
Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Số tiền vay	1.759.318.921 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất 7,2%/năm cố định trong thời gian 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho các kỳ sau: áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng cá nhân cộng phí 3,5%/năm
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua khuôn đầm I33
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối kỳ	1.583.318.921 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	352.000.000 VND
Vay dài hạn	1.231.318.921 VND
(c) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	
❖ Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 0363/VCB-KH/19CD ngày 04 tháng 9 năm 2019	
Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hạn mức tín dụng	12.500.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng Lãi suất cơ sở cộng Margin (Lãi suất cơ sở là trần lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ; Margin tại thời điểm ký hợp đồng vay là 2,8%/năm, Margin được xác định theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Công ty tại Ngân hàng, định kỳ 12 tháng/lần)
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Đầu tư thay thế Trạm bê tông tại Chi nhánh Gò Công của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	2.893.000.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.456.000.000 VND
Vay dài hạn	1.437.000.000 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang Mẫu số B09-DN/HN
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

❖ Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 0364/VCB-KH/19CD ngày 04 tháng 09 năm 2019	
Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hạn mức tín dụng	3.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng Lãi suất cơ sở cộng Margin (Lãi suất cơ sở là trần lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ; Margin tại thời điểm ký hợp đồng vay là 2,8%/năm, Margin được xác định theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Công ty tại Ngân hàng, định kỳ 12 tháng/lần)
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Đầu tư thiết bị thi công ép cọc
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	1.000.000.000 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	500.000.000 VND
Vay dài hạn	500.000.000 VND
❖ Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 0598/VCB-KH/20CD ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0598/VCB-KH/20CD-SD01 ngày 21 tháng 3 năm 2022	
Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hạn mức tín dụng	167.087.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng Lãi suất cơ sở cộng Margin (Lãi suất cơ sở là trần lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ; Margin tại thời điểm ký hợp đồng vay là 3,3%/năm, Margin được xác định theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Công ty tại Ngân hàng, định kỳ 12 tháng/lần)
Thời hạn vay	48 tháng
Mục đích vay	Đầu tư Dự án đầu tư đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 2130, 2131, 2132, 2133, 2138, 2139, 2140, 2144 và 2145 tờ bản đồ số GTC1 có tổng diện tích 102.055,2 m ² tọa lạc tại Ấp 3, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang; Thửa đất số 149 có diện tích 925,9 m ² tại địa chỉ 46-48, Nguyễn Công Bình, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Số dư cuối năm	65.148.063.090 VND
<i>Trong đó:</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả	32.400.000.000 VND
Vay dài hạn	32.748.063.090 VND

H | H | T | T | H

H | H | T | T | H

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang Mẫu số B09-DN/HN
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

- ❖ **Hợp đồng tín dụng số 0551/VCB-KH/19CD ngày 18 tháng 11 năm 2019**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Hạn mức tín dụng	5.200.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng Lãi suất cơ sở cộng Margin (Lãi suất cơ sở là trần lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ; Margin tại thời điểm ký hợp đồng vay là 2,8%/năm, Margin được xác định theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Công ty tại Ngân hàng, định kỳ 12 tháng/lần)
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 6 xe chuyển trộn và 01 xe bơm ngang tự hành
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	2.326.000.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.040.000.000 VND
Vay dài hạn	1.286.000.000 VND
- ❖ **Hợp đồng tín dụng số 0528/VCB-KH/20CD ngày 23 tháng 9 năm 2020**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Hạn mức tín dụng	7.955.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần, bằng Lãi suất cơ sở cộng Margin (Lãi suất cơ sở là trần lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ; Margin tại thời điểm ký hợp đồng vay là 3,3%/năm, Margin được xác định theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Công ty tại Ngân hàng, định kỳ 12 tháng/lần)
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 01 xe ô tô bơm bê tông hiệu KCP, cần dài 38 mét và 01 ô tô bơm bê tông hiệu KCP cần dài 45 mét
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	4.375.250.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.591.000.000 VND
Vay dài hạn	2.784.250.000 VND
- ❖ **Hợp đồng tín dụng số 0653/VCB-KH/20CD ngày 25 tháng 11 năm 2020**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Hạn mức tín dụng	7.070.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần, bằng Lãi suất cơ sở cộng Margin (Lãi suất cơ sở là trần lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ; Margin tại thời điểm ký hợp đồng vay là 3,3%/năm, Margin được xác định theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Công ty tại Ngân hàng, định kỳ 12 tháng/lần)
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 06 xe trộn bê tông phục vụ sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	4.242.000.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.414.000.000 VND
Vay dài hạn	2.828.000.000 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang Mẫu số B09-DN/HN
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

- ❖ **Hợp đồng tín dụng số 0570/VCB-KH/20CD ngày 25 tháng 11 năm 2020**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Hạn mức tín dụng	7.375.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần, bằng Lãi suất cơ sở cộng Margin (Lãi suất cơ sở là trần lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ; Margin tại thời điểm ký hợp đồng vay là 3,3%/năm, Margin được xác định theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Công ty tại Ngân hàng, định kỳ 12 tháng/lần)
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Mua 06 xe trộn bê tông phục vụ sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	4.242.000.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.414.000.000 VND
Vay dài hạn	2.828.000.000 VND
- ❖ **Hợp đồng tín dụng số 0447/VCB-KH/19CD ngày 01 tháng 10 năm 2019**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước
Hạn mức tín dụng	4.800.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần, bằng Lãi suất cơ sở cộng Margin (Lãi suất cơ sở là trần lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ; Margin tại thời điểm ký hợp đồng vay là 3,3%/năm, Margin được xác định theo kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ của Công ty tại Ngân hàng, định kỳ 12 tháng/lần)
Thời hạn vay	60 tháng
Mục đích vay	Đầu tư 04 xe chuyển trộn bê tông tại Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco Tân Phước
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay
Số dư cuối năm	1.927.000.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	972.000.000 VND
Vay dài hạn	955.000.000 VND

TICCO

TICCO

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (tiếp theo)

❖ **Hợp đồng tín dụng số 0772/VCB-KH/22CD ngày 28 tháng 11 năm 2022**

Bên vay	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO
Hạn mức tín dụng	5.700.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất cố định 11,1%/năm trong 2 năm đầu tiên; sau thời gian cố định, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất huy động kỳ 12 tháng + biên độ 3,3%/năm
Thời hạn vay	84 tháng
Mục đích vay	Đầu tư tài sản cố định căn nhà số A09-08 và A09-09 thuộc Dự án đường Nguyễn Trọng Dân và KDC hai bên đường tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DG 194470, số vào sổ cấp GCN: CT09239 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18 tháng 7 năm 2022 Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DG 194471, số vào sổ cấp GCN: CT09240 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18 tháng 7 năm 2022 Tài sản hình thành trên đất thuộc hai Quyền sử dụng đất nêu trên
Số dư cuối năm	5.700.000.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	814.320.000 VND
Vay dài hạn	4.885.680.000 VND

❖ **Hợp đồng tín dụng số 0874/VCB-KH/22CD ngày 28 tháng 12 năm 2022**

Bên vay	Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO
Hạn mức tín dụng	5.700.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất cố định 11,1%/năm trong 2 năm đầu tiên; sau thời gian cố định, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất huy động kỳ 12 tháng + biên độ 3,3%/năm
Thời hạn vay	84 tháng
Mục đích vay	Đầu tư tài sản cố định căn nhà số A09-06 và A09-07 thuộc dự án đường Nguyễn Trọng Dân và KDC hai bên đường tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DG 194472, số vào sổ cấp GCN: CT09238 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18 tháng 7 năm 2022 Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DG 194473, số vào sổ cấp GCN: CT09237 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18 tháng 7 năm 2022 Tài sản hình thành trên đất thuộc hai Quyền sử dụng đất nêu trên
Số dư cuối năm	5.700.000.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	746.460.000 VND
Vay dài hạn	4.953.540.000 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

(d) Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang

❖ **Hợp đồng tín dụng số 02/2019/HĐTD ngày 04 tháng 6 năm 2019**

Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hạn mức tín dụng	85.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất cố định 6,9%/năm
Thời hạn vay	72 tháng
Mục đích vay	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1
Tài sản đảm bảo	Toà nhà văn phòng cho thuê tại địa chỉ ấp 5, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang Các quyền sử dụng đất của Khu dân cư Long Thanh Hưng, Khu dân cư đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu dân cư hai bên đường Quyền sử dụng thửa đất thuộc sở hữu của Công ty tại địa chỉ xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
Số dư cuối năm	43.914.132.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	12.546.892.000 VND
Vay dài hạn	31.367.240.000 VND

❖ **Hợp đồng tín dụng số 08/2022/HĐTD-TĐTD ngày 22 tháng 11 năm 2022**

Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hạn mức tín dụng	90.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất cố định 6,6%/năm
Thời hạn vay	48 tháng
Mục đích vay	Đầu tư Dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất của Dự án Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường, quyền sử dụng đất Cụm Công nghiệp Gia Thuận 1 và các quyền sử dụng đất của Công ty tại ấp Bình Tạo và ấp 2, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Số dư cuối năm	67.905.188.531 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	- VND
Vay dài hạn	67.905.188.531 VND

(e) Vay dài hạn các cá nhân

❖ **Vay dài hạn Ông Bùi Bằng Sơn theo hợp đồng vay số 01/2022/HĐVV-TICCO ngày 01 tháng 7 năm 2022**

Bên vay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Hạn mức vay	50.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Lãi suất cố định 10%/năm
Thời hạn vay	36 tháng
Mục đích vay	Thanh toán (hoàn trả) các chi phí hợp lý để thực hiện dự án Đường D7 và khu dân cư hai bên đường
Số dư cuối năm	5.000.000.000 VND
Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	- VND
Vay dài hạn	5.000.000.000 VND

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

26.2. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.963.893	15.971.306
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.963.893	15.971.306
Cổ phiếu phổ thông	19.963.893	15.971.306
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.963.893	15.971.306
Cổ phiếu phổ thông	19.963.893	15.971.306
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	19.448.448.204	14.002.946.591
Doanh thu bán bê tông	1.043.967.240.382	943.545.498.595
Doanh thu thi công công trình xây dựng	219.271.455.394	225.294.313.827
Doanh thu kinh doanh bất động sản	344.880.165.979	132.422.598.321
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	3.122.637.952	2.795.307.065
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.363.489.956	903.030.911
TỔNG CỘNG	1.648.053.437.867	1.318.963.695.310

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	14.372.323.911	7.651.256.183
Giá vốn bán bê tông	846.974.318.850	759.414.005.458
Giá vốn thi công công trình xây dựng	195.112.801.883	208.178.016.865
Giá vốn kinh doanh bất động sản	201.551.606.454	18.999.170.827
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	2.087.087.016	1.850.685.943
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	12.865.647.572	-
TỔNG CỘNG	1.272.963.785.686	996.093.135.276

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.357.929.104	3.343.543.355
Lãi chênh lệch tỷ giá	26.411.730	106.569.918
TỔNG CỘNG	5.384.340.834	3.450.113.273

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	11.290.429.775	13.204.067.321
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.787.080	16.420.309
TỔNG CỘNG	11.300.216.855	13.220.487.630

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	18.504.537.366	16.503.466.024
Chi phí vật liệu, bao bì	49.546.181.010	27.446.741.418
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.598.512	18.717.634
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	11.312.257.524	10.905.026.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.558.634.348	57.557.335.719
Chi phí bán hàng khác	6.880.482.182	3.765.327.274
TỔNG CỘNG	142.807.690.942	116.196.614.271

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	26.309.944.013	22.497.445.838
Chi phí vật liệu quản lý	805.495.980	777.241.800
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.651.480.904	1.410.838.254
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.848.064.269	1.586.506.317
Thuế, phí và lệ phí	1.017.237.455	522.698.182
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	1.736.203.518	(1.104.621.392)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.206.596.583	1.505.140.238
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.890.506.711	8.293.517.324
TỔNG CỘNG	47.465.529.433	35.488.766.561

31/12/2022

31/12/2022

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

33. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	722.538.182	748.154.545
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.050.200.926	2.587.171.063
Các khoản khác	835.927.379	321.779.395
	<u>3.608.666.487</u>	<u>3.657.105.003</u>
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	-	(463.471.852)
Các khoản khác	(1.023.972.299)	(2.141.305.394)
	<u>(1.023.972.299)</u>	<u>(2.604.777.246)</u>
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>2.584.694.188</u>	<u>1.052.327.757</u>

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.134.037.113.404	807.186.926.133
Chi phí nhân công	141.383.036.457	134.627.768.589
Chi phí khấu hao	47.424.531.177	51.089.613.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.070.094.343	175.339.227.456
Các chi phí khác	46.634.229.709	27.125.276.643
TỔNG CỘNG	<u>1.753.549.005.090</u>	<u>1.195.368.812.755</u>

35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện Tân Phước của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2017) và mức thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo; được miễn thuế bốn 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Năm 2022, thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện Tân Phước của công ty TNHH MTV Bê Tông TICCO Tân Phước áp dụng thuế suất 10% và được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ thực hiện dự án Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 của Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi 17% trong 10 năm, được miễn thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2022, thu nhập từ thực hiện dự án này được miễn thuế TNDN.

Ngoài các ưu đãi thuế TNDN nói trên, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

35.1. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36.175.949.249	34.068.762.906
Chi phí (thu nhập) thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.480.262.702	(41.466.621)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>37.656.211.951</u>	<u>34.027.296.285</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>181.564.255.676</u>	<u>162.565.735.890</u>
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	36.312.851.135	32.513.147.178
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)		
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất các công ty con	(1.758.783.083)	(2.143.139.683)
Lỗ đã ghi nhận thuế hoãn lại không được chuyển lỗ	2.528.487.163	-
Thu nhập không chịu thuế	(15.801.140)	(26.689.026)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.145.267.995	4.740.201.914
Thuế TNDN được miễn, giảm	(879.391.542)	(1.443.225.574)
Điều chỉnh thuế TNDN hiện hành các kỳ trước	415.614.243	30.398.656
Điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại các kỳ trước	(92.032.820)	356.602.820
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>37.656.211.951</u>	<u>34.027.296.285</u>

35.2. Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản lỗ tính thuế	1.141.091.854	3.341.350.136	(2.200.258.282)	442.511.991
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	73.488.116	73.488.116	-	-
Chi phí phân bổ	-	-	-	(26.124.340)
Khấu hao tài sản cố định	117.613.857	117.613.857	-	-
Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất	4.980.115.676	4.260.120.096	719.995.580	(374.921.030)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>6.312.309.503</u>	<u>7.792.572.205</u>		
Thu nhập (chi phí) thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			<u>(1.480.262.702)</u>	<u>41.466.621</u>

359
ĐƯỢC
CHẾ
I
11/11

24
TY
TC
AC
WC

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

35.3. Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 5.705.459.274 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2022	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2022	
				VND	VND
2020	2025	104.307.520	-	-	104.307.520
2021	2026	3.960.007.347	-	-	3.960.007.347
2022	2027	1.641.144.407	-	-	1.641.144.407
TỔNG CỘNG		5.705.459.274	-	-	5.705.459.274

(*) Lỗ tính thuế năm 2020 theo biên bản thanh tra thuế số 03/BB-TTKT1 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Cục thuế tỉnh Tiền Giang; lỗ tính thuế các năm 2021, 2022 theo tờ khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty đã ghi nhận tái sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 1.141.091.854 VND từ khoản lỗ lũy kế nói trên.

36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

36.1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Nhóm Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Testco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông - Thủy lợi Tiền Giang	Bên liên quan khác

Các giao dịch của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Testco	Thuê thí nghiệm	960.949.584	1.157.705.091
	Nhận cổ tức	104.000.000	104.000.000

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông - Thủy lợi Tiền Giang	Thuê tư vấn thiết kế	314.040.405	280.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông - Thủy lợi Tiền Giang	159.000.000	179.200.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông - Thủy lợi Tiền Giang	45.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Testco	351.769.120	257.349.050	-
TỔNG CỘNG	396.769.120	257.349.050	-
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591	13.186.591	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

36.2. Thu nhập của các thành viên quản lý chú chốt

Họ và tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Lương chức danh	Lương kiêm nhiệm/Thưởng	Lương chức danh	Lương kiêm nhiệm/Thưởng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	Cộng	4.403.916.023	901.368.965	5.305.284.988	2.060.007.914
Mọi đồng quản trị		2.315.636.023	130.569.590	2.446.205.613	198.000.000
Ông Trần Hoàng Hoàn	Chủ tịch - Thường trực HĐQT	715.180.379	82.569.590	797.749.969	410.624.122
Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên	320.091.129	-	320.091.129	-
Ông Lê Vĩnh Hiền	Thành viên	240.091.129	-	240.091.129	50.000.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên	320.091.129	-	320.091.129	-
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	320.091.129	-	320.091.129	50.000.000
Bà Nguyễn Thị Trúc Giang	Thành viên	320.091.128	48.000.000	368.091.128	98.000.000
Ông Phạm Văn Hậu	Thành viên	80.000.000	-	80.000.000	-
Ban kiểm soát		300.000.000	502.799.375	802.799.375	287.507.914
Ông Trương Bích Huyền	Trưởng ban	36.000.000	-	36.000.000	-
Ông Phan Trọng Liêm	Thành viên	32.000.000	-	32.000.000	-
Bà Phạm Thị Xuân Lan	Thành viên	32.000.000	-	32.000.000	262.631.914
Ông Nguyễn Tiến Nhân	Trưởng ban	72.000.000	161.390.415	233.390.415	8.292.000
Bà Nguyễn Kiều Diễm Trang	Thành viên	64.000.000	214.491.217	278.491.217	8.292.000
Bà Đoàn Thị Hồng Cẩm	Thành viên	64.000.000	126.917.743	190.917.743	8.292.000
Ban điều hành		1.788.280.000	268.000.000	2.056.280.000	1.574.500.000
Ông Trần Hoàng Hoàn	Tổng Giám đốc	-	-	-	371.000.000
Ông Vũ Huy Giáp	Tổng Giám đốc	558.560.000	74.000.000	632.560.000	333.000.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	441.280.000	74.000.000	515.280.000	333.000.000
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	441.280.000	74.000.000	515.280.000	333.000.000
Bà Lê Mỹ Phượng	Kế toán trưởng	347.160.000	46.000.000	393.160.000	204.500.000
CỘNG		659.507.914	108.000.000	659.507.914	108.000.000
		96.000.000	96.000.000	96.000.000	96.000.000
		358.631.914	32.292.000	358.631.914	32.292.000
		32.292.000	32.292.000	32.292.000	32.292.000
		32.292.000	32.292.000	32.292.000	32.292.000
		4.459.424.750	4.459.424.750	4.459.424.750	4.459.424.750
		954.624.750	954.624.750	954.624.750	954.624.750
		981.400.000	981.400.000	981.400.000	981.400.000
		917.300.000	917.300.000	917.300.000	917.300.000
		929.400.000	929.400.000	929.400.000	929.400.000
		676.700.000	676.700.000	676.700.000	676.700.000

100%

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

Họ và tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Lương chức danh	Lương kiểm nhiệm/Thưởng	Lương chức danh	Lương kiểm nhiệm/Thưởng
Công ty TNHH MTV Bê Tông TICCO		1.001.571.422	-	1.001.571.422	1.184.286.316
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/07/2022)	142.800.000	-	142.800.000	-
Ông Nguyễn Thanh Dũng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2022)	89.760.000	-	89.760.000	-
Ông Trương Tấn Lợi	Phó Giám đốc	314.511.422	-	314.511.422	377.651.776
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2022)	257.100.000	-	257.100.000	597.834.540
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2022)	197.400.000	-	197.400.000	208.800.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng TICCO		166.800.000	16.680.000	183.480.000	233.747.156
Ông Nguyễn Văn Thắng	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/01/2022)	-	-	-	37.200.000
Ông Lê Hồng Phúc	Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/01/2022)	166.800.000	16.680.000	183.480.000	114.837.000
Ông Huỳnh Quốc Cường	Kế toán trưởng	-	-	-	48.140.461
Công ty TNHH MTV Cọc TICCO		208.800.000	16.680.000	225.480.000	187.630.000
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Chủ tịch (Bỏ nhiệm từ ngày 01/07/2022)	12.000.000	-	12.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2022)	12.000.000	-	12.000.000	-
Ông Nguyễn Phi Phương	Giám đốc	166.800.000	16.680.000	183.480.000	145.630.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Kiểm soát viên	3.000.000	-	3.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Kim Quyên	Kiểm soát viên	15.000.000	-	15.000.000	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

Họ và tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Lương chức danh	Lương kiểm nhiệm/Thưởng	Lương chức danh	Lương kiểm nhiệm/Thưởng
Công ty TNHH MTV Bê Tông TICCO Tân Phước		948.000.000	-	948.000.000	865.840.000
Ông Nguyễn Hoài Bắc	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2022)	210.000.000	-	210.000.000	383.600.000
Ông Nguyễn Thanh Dũng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2022)	132.000.000	-	132.000.000	241.120.000
Ông Nguyễn Văn Minh Phát	Phó Giám đốc	264.000.000	-	264.000.000	241.120.000
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/07/2022)	210.000.000	-	210.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/07/2022)	132.000.000	-	132.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO		690.696.034	-	690.696.034	708.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	45.000.000	-	45.000.000	36.000.000
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hương	Kiểm soát viên (Bỏ nhiệm từ ngày 01/03/2022)	20.000.000	-	20.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	Giám đốc	248.257.974	-	248.257.974	373.400.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc	186.180.568	-	186.180.568	274.600.000
Bà Từ Thị Việt	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm từ ngày 01/03/2022)	118.800.000	-	118.800.000	-
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hương	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 01/03/2022)	72.457.492	-	72.457.492	-

Mẫu số B09-DN/HN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

Họ và tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước		Cộng
		Lương chức danh	Lương kiêm nhiệm/Thưởng	Lương chức danh	Lương kiêm nhiệm/Thưởng	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2022)	159.950.000	12.232.000	172.182.000	19.000.000	210.761.000
Ông Trần Văn Tiền	Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/11/2022)	159.950.000	-	159.950.000	19.000.000	210.761.000
Ông Đoàn Văn Trữ	Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/11/2022)	-	12.232.000	12.232.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	Chủ tịch HĐQT	364.989.464	-	364.989.464	-	435.971.000
Ông Hồ Tấn Kha	Thành viên HĐQT	7.530.000	-	7.530.000	-	-
Ông Lê Thành Đạo	Thành viên HĐQT	7.530.000	-	7.530.000	-	-
Ông Võ Thanh Dũng	Thành viên HĐQT	7.529.464	-	7.529.464	-	-
Ông Trương Bích Huyền	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000	-	30.000.000	-	30.000.000
Bà Lê Mỹ Phương	Thành viên ban kiểm soát	24.000.000	-	24.000.000	-	24.000.000
Ông Hồ Tấn Kha	Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/11/2021)	96.880.000	-	96.880.000	-	17.600.000
Ông Lê Thành Đạo	Phó Giám đốc	191.520.000	-	191.520.000	-	200.909.000
Ông Nguyễn Hồ Hải	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2021)	-	-	-	-	163.462.000
TỔNG CỘNG		7.944.722.943	946.960.965	8.891.683.908	2.312.755.070	11.976.402.390

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

37. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế (VND)	142.130.895.008	128.036.451.522
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(8.527.853.700)	(7.682.187.091)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	133.603.041.308	120.354.264.431
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (**)	19.963.893	19.963.893
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6.692	6.029
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	133.603.041.308	120.354.264.431
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng (VND)	133.603.041.308	120.354.264.431
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	19.963.893	19.963.893
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	19.963.893	19.963.893
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6.692	6.029

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022.

(**) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022; trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh lại số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	120.354.264.431	-	120.354.264.431
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	15.191.738	4.772.155	19.963.893
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	7.922	(1.894)	6.029

12-C
TNH
DÁN
11/01/2023

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

38.1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty được chia thành 5 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công công trình; Kinh doanh bất động sản và Kinh doanh khác. Nhóm Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 5 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (công ty con cấp 2);
- Bộ phận sản xuất, kinh doanh bê tông: Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con cấp 1), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Cọc TICCO (công ty con cấp 2).
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty; Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (công ty con cấp 1);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư, cho thuê bất động sản và cho thuê lại quyền sử dụng đất tại các cụm công nghiệp. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh BĐS TICCO (công ty con cấp 1), và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal) và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Trung tâm Dịch vụ Công nghiệp TICCO;
- Bộ phận kinh doanh khác: Bao gồm hoạt động sản xuất gia công sản phẩm cơ khí, thi công cơ giới,... Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO (công ty con cấp 2).



Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối năm	Lĩnh vực kinh doanh					Lĩnh vực kinh doanh khác	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
		Lĩnh vực kinh doanh xây dựng	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác					
Tài sản											
Tài sản bộ phận	6.982.765.866	334.299.999.218	185.475.659.699	795.061.435.297	10.617.372.902	-	-	1.332.437.232.982			
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng tài sản	6.982.765.866	334.299.999.218	185.475.659.699	795.061.435.297	10.617.372.902	-	-	1.332.437.232.982	(570.383.522.123)	1.848.583.150.036	
Nợ phải trả											
Nợ phải trả bộ phận	6.302.544.603	498.876.539.585	558.646.986.382	293.018.431.092	5.290.029.012	-	-	1.362.134.530.874			
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng nợ phải trả	6.302.544.603	498.876.539.585	558.646.986.382	293.018.431.092	5.290.029.012	-	-	1.362.134.530.874	(378.568.167.151)	1.206.846.056.372	
Tài sản											
Tài sản bộ phận	23.528.554.496	726.663.084.766	182.538.447.108	563.045.061.075	9.563.141.706	-	-	1.505.338.289.151			
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng tài sản	23.528.554.496	726.663.084.766	182.538.447.108	563.045.061.075	9.563.141.706	-	-	1.505.338.289.151	(537.567.131.535)	1.555.647.941.070	
Nợ phải trả											
Nợ phải trả bộ phận	20.036.369.296	601.663.084.766	166.159.902.211	237.913.961.300	6.140.489.994	-	-	1.031.913.807.567			
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng nợ phải trả	20.036.369.296	601.663.084.766	166.159.902.211	237.913.961.300	6.140.489.994	-	-	1.031.913.807.567	(341.373.493.001)	1.025.070.990.831	

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

Năm nay	VND								
	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Doanh thu thuần bộ phận	28.072.000.093	1.145.759.796.025	513.010.088.168	303.904.351.669	19.663.609.670	-	2.071.011.459.825	(422.958.021.958)	1.648.053.437.867
Giá vốn bộ phận	23.098.736.777	944.432.952.983	492.091.179.468	215.088.030.895	17.723.563.848	-	1.692.434.463.771	(419.470.678.085)	1.272.963.785.686
Chi phí bán hàng	3.832.888.320	134.592.063.454	-	4.382.739.168	-	-	142.607.690.942	-	142.607.690.942
Chi phí quản lý doanh nghiệp	952.755.213	20.885.355.208	10.105.460.201	15.056.425.744	1.075.328.788	-	48.075.323.154	(609.763.721)	47.465.529.433
Lợi nhuận góp từ hoạt động kinh doanh	788.420.383	45.849.426.980	10.814.259.499	129.377.155.862	864.719.234	-	187.693.981.958	(2.877.550.152)	184.816.431.806
Doanh thu hoạt động tài chính	4.196.243	1.908.327.420	2.490.189.429	2.932.112.533	1.403.306	45.466.899.138	52.803.228.069	(47.418.887.235)	5.384.340.834
Chi phí tài chính	-	7.795.426	-	1.991.654	-	13.242.317.872	13.252.104.952	(1.951.868.097)	11.300.216.855
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	79.005.703	79.005.703
Thu nhập khác	-	229.036.388	2.074.724.816	1.525.154.639	42.014.292	-	3.870.930.135	(262.263.648)	3.608.666.487
Chi phí khác	-	58.255.062	393.674.919	572.042.311	7	-	1.023.972.299	-	1.023.972.299
Lợi nhuận trước thuế	792.616.626	47.920.740.300	14.985.498.825	133.260.389.069	908.136.825	32.224.681.266	230.092.062.911	(48.527.807.235)	181.564.255.676
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	169.166.818	5.515.744.811	2.717.413.108	27.589.430.572	184.193.940	-	36.175.949.249	-	36.175.949.249
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	2.200.258.282	-	-	-	2.200.258.282	(719.995.580)	1.480.262.702
Lợi nhuận sau thuế	623.449.808	42.404.995.489	10.067.827.435	105.670.958.497	723.942.885	32.224.681.266	191.715.855.380	(47.807.811.655)	143.908.043.725

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm trước	VND								
	Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Doanh thu thuần bộ phận	68.802.578.841	1.030.645.256.769	379.096.990.116	136.236.754.252	12.387.398.918	-	1.627.171.978.896	(308.206.263.596)	1.318.963.695.310
Giá vốn bộ phận	62.450.899.433	847.235.544.190	394.168.089.600	21.549.169.978	10.918.325.869	-	1.306.342.018.330	(310.248.893.054)	996.093.135.276
Chi phí bán hàng	3.874.060.526	109.789.669.193	20.000.000	2.512.864.552	-	-	116.196.614.271	-	116.196.614.271
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.089.007.257	14.324.755.327	11.536.481.122	8.199.982.506	939.699.393	-	36.049.625.605	(561.159.044)	35.488.766.561
Lợi nhuận góp từ hoạt động kinh doanh	1.388.622.625	59.295.268.059	3.355.419.134	104.014.737.216	529.373.656	-	168.583.420.690	2.601.758.512	171.185.179.202
Doanh thu hoạt động tài chính	2.460.737	3.625.546.443	534.769.107	1.170.339.949	1.252.327	54.381.865.805	59.916.234.428	(56.466.121.155)	3.450.113.273
Chi phí tài chính	-	9.877.810.055	326.390.411	-	34.212.328	4.511.708.409	14.750.121.203	(1.529.633.573)	13.220.487.630
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	96.603.286	96.603.286
Thu nhập khác	3	756.879.540	3.377.252.469	137.272.960	123.158.086	-	4.394.563.058	(737.458.055)	3.657.105.003
Chi phí khác	10.246.790	808.189.016	1.481.662.684	195.304.143	26.132.000	-	2.011.534.533	(6.757.287)	2.004.777.246
Lợi nhuận trước thuế	1.380.836.575	53.101.694.971	5.459.387.775	105.127.045.982	593.439.741	49.870.157.396	215.532.562.440	(52.906.026.550)	162.565.735.890
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	202.744.074	7.011.712.736	1.475.213.060	25.287.610.446	91.481.690	-	34.068.762.906	-	34.068.762.906
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(416.387.651)	-	-	-	(416.387.651)	374.921.030	(41.466.621)
Lợi nhuận sau thuế	1.178.092.501	46.089.982.235	4.400.561.466	79.839.435.536	501.958.051	49.870.157.396	181.880.167.185	(53.341.747.580)	128.538.439.605

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

38.2. Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty tại tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

39. CAM KẾT THUÊ

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- > Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTĐ ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m² đất tại số 490 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam để làm Văn phòng làm việc Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047. Phụ lục hợp đồng thuê đất số 2160/PLHĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với diện tích 7.692,8 m², mục đích sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Diện tích đất thuê còn trả tiền thuê hàng năm là 13.789,6 m², tiền thuê đất hàng năm là 138.427.504 đồng, thời gian ổn định đơn giá thuê đất từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- > Hợp đồng thuê đất số 1701/HĐTĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 1.822,3 m² đất tại số 490 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam thời hạn thuê là từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 4.236.848 VND.
- > Hợp đồng thuê đất số 5125/HĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 118.574,5 m² đất tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm, thời hạn thuê là từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến ngày 27 tháng 10 năm 2065, tiền thuê đất hàng năm là 249.006.450 VND.
- > Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐ/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 11 năm 2003 và các Phụ lục số 01 ngày 18 tháng 11 năm 2004, Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 37.805 m² đất thuộc lô đất số 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2003, đơn giá thuê là 0,6 USD/m²/năm.
- > Hợp đồng thuê bãi số 38/HĐ.BB ngày 19 tháng 7 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông Ticco với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 9.721 m² đất có chiều dài cập theo bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt là 355 m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 40 năm bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2006, đơn giá thuê là 1 USD/m²/năm.

40. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	1.316,39	1.336,19
Đồng Euro (EUR)	3.407,88	3.415,80

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B09-DN/HN

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Một số dữ liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo kỳ này. Chi tiết như sau:

VND

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Mã số	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2021 (Đã trình bày trước đây)	Phân loại lại	Ngày 31/12/2021 (Được trình bày lại)
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.152.139.817	(4.428.422.809)	9.723.717.008
342	Dự phòng phải trả dài hạn	-	4.428.422.809	4.428.422.809

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


 Huỳnh Thị Mỹ Hương
 Người lập biểu


 Huỳnh Thị Mỹ Hương
 Kế toán trưởng


 Vũ Huy Giáp
 Tổng Giám đốc



Tiền Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2023

11/11/2023

11/11/2023

Tiền Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2023

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ HUY GIÁP



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG